

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHẠM VĂN HÒA

NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH -
NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHẠM VĂN HÒA

**NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH -
NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC
Mã số: 931 02 04

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC



1. PGS, TS. Lý Việt Quang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS, TS. Hoàng Phúc Lâm

2. PGS, TS. Đinh Quang Thành



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Phạm Văn Hòa

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	6
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án	6
1.2. Kết quả nghiên cứu đạt được và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu	23
Chương 2: KHÁI NIỆM, CƠ SỞ HÌNH THÀNH NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH	27
2.1. Một số khái niệm cơ bản có liên quan	27
2.2. Cơ sở hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh	39
Chương 3: NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH	63
3.1. Nội dung niềm tin chính trị Hồ Chí Minh	63
3.2. Đặc điểm niềm tin chính trị Hồ Chí Minh	107
Chương 4: GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH	127
4.1. Giá trị lý luận của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh	127
4.2. Giá trị thực tiễn của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh	144
KẾT LUẬN	160
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	162
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	163

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại, nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà chính trị kiệt xuất của Đảng và dân tộc Việt Nam. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người đã hết sức quan tâm xây dựng, lan tỏa và từng bước hiện thực hóa niềm tin chính trị, mang lại những thắng lợi to lớn. Đó là sự tin tưởng, lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin, “chân chính, chắc chắn và cách mệnh” làm cốt lõi cho lý luận của Đảng cách mạng. Tin tưởng con đường cứu nước mới, phù hợp với quy luật tất yếu của cách mạng Việt Nam và xu thế thời đại - con đường cách mạng vô sản. Hồ Chí Minh “tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Trung ương, phải tuyệt đối chấp hành mọi chính sách và nghị quyết của Đảng” và Nhà nước dân chủ nhân dân; “tin tưởng sâu sắc ở lực lượng và trí tuệ của tập thể, của nhân dân” [86, tr.619]. Hơn nữa, Người còn tin tưởng vào sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, được lan tỏa sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, là động lực tinh thần to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

Xuyên suốt quá trình lãnh đạo đất nước, nhất là thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng xây dựng, củng cố niềm tin chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đại hội VI của Đảng yêu cầu “Khẩu hiệu *dân tin Đảng, Đảng tin dân* phải được thực hiện hằng ngày trong cuộc sống thông qua những việc làm cụ thể” [22, tr.111]. Để xây dựng niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ đất nước, Đảng ta luôn giữ vững mục tiêu lý tưởng, giữ vững niềm tin, bảo đảm thống nhất giữa nhận thức và hành động, thường xuyên “củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân” [23, tr.559]. Trong bối cảnh mới, Đại hội

XIII của Đảng đặc biệt quan tâm đến niềm tin, khi xác định một trong những mục tiêu chính trị là: “củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa” [24, tr.111]. Muốn vậy, phải “khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc... Củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội” [24, tr.118].

Với quyết tâm chính trị rất lớn của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và công cuộc đổi mới đất nước. Tuy nhiên, “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước” [19, tr.22]. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"” [24, tr.92]. Các thế lực thù địch ra sức xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, chống phá công cuộc đổi mới đất nước đã ảnh hưởng đến niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Với quyết tâm cao, hành động quyết liệt trong việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đã góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội.

Công cuộc đổi mới mạnh mẽ đất nước hiện nay, đang đặt ra nhiều vấn đề lớn cần giải quyết, đòi hỏi trước hết phải củng cố niềm tin chính trị trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Do đó, việc nghiên cứu làm sáng tỏ những nội dung và giá trị của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là cần thiết, có ý nghĩa lý luận, thực tiễn sâu sắc, nhất là trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh chứa đựng nhiều nội dung và giá trị to lớn, tuy nhiên đến nay vẫn chưa được nhiều công trình nghiên cứu trực tiếp, toàn diện và hệ thống. Vì thế, việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo di sản Hồ Chí Minh nói chung, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh nói riêng trong thời đại ngày nay là cần thiết.

Với những lý do nêu trên, nghiên cứu sinh chọn vấn đề **“Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh - Nội dung và giá trị”** làm luận án tiến sĩ ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ cơ sở hình thành, nội dung và giá trị của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Xây dựng các khái niệm cơ bản liên quan đề tài luận án.

Phân tích cơ sở hình thành, nội dung chủ yếu và đặc điểm cơ bản của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Phân tích giá trị lý luận và thực tiễn của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là một vấn đề rộng, luận án tập trung nghiên cứu các nội dung chính yếu như: Khái niệm, cơ sở hình thành, nội dung cơ bản, đặc điểm chủ yếu của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, giá trị lý luận và thực tiễn của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Trong phần nội dung, luận án tập trung làm rõ niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào

chủ nghĩa Mác - Lênin; vào con đường cách mạng vô sản; vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước; vào vai trò, sức mạnh của nhân dân; vào sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới.

Phạm vi thời gian: Toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ yếu từ tháng 7 năm 1920 đến tháng 9 năm 1969 và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phạm vi không gian: Cách mạng Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến vấn đề niềm tin chính trị.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp chuyên ngành và liên ngành khoa học chính trị, khoa học xã hội và nhân văn nhằm làm rõ cơ sở hình thành, nội dung, giá trị niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, trong đó, sử dụng kết hợp các phương pháp chủ yếu sau:

Phương pháp thống kê, khảo cứu, phân tích và tổng hợp được sử dụng chủ yếu ở chương 1, nhằm làm rõ tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Phương pháp hệ thống hóa, so sánh, lôgic, lịch sử được sử dụng chủ yếu ở chương 2 nhằm xây dựng khái niệm, làm rõ cơ sở hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh gắn với hoàn cảnh và các sự kiện lịch sử cụ thể, chính xác, khách quan.

Phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh và chứng minh được sử dụng chủ yếu ở chương 3 và chương 4, nhằm làm rõ nội dung và giá trị niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Luận án góp phần hệ thống hóa lý luận về niềm tin chính trị Hồ Chí Minh: từ khái niệm, cơ sở hình thành, đến nội dung, đặc điểm và giá trị của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Luận án góp phần làm phong phú di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ sung những nhận thức mới về khái niệm, cơ sở hình thành, nội dung và giá trị của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Từ đó, khẳng định giá trị nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh nói riêng đối với Đảng ta và cách mạng Việt Nam.

Luận án góp phần cung cấp cơ sở lý luận cho Đảng ta tiếp tục hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới nói chung, xây dựng niềm tin chính trị nói riêng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào công cuộc đổi mới, vươn mình của dân tộc trong kỷ nguyên mới.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Với những kết quả đạt được, luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ việc học tập, tuyên truyền, giáo dục về Hồ Chí Minh. Luận án có thể dùng làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy cho các hệ lớp ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các Trường Chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước. Đồng thời, luận án góp thêm luận cứ khoa học phục vụ trực tiếp cho việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình mới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án được kết cấu thành 04 chương, 08 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Nghiên cứu về niềm tin chính trị

Cho đến nay, đã có một số công trình của tác giả, nhóm tác giả nghiên cứu về niềm tin chính trị ở các góc độ tiếp cận và mức độ khác nhau. Cụ thể:

Cuốn sách *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập I của tác giả Nguyễn Tài Thu (chủ biên), [135]. Tác giả đã khái quát lịch sử tư tưởng dân tộc Việt Nam phát triển qua các thời kỳ, từ nguyên thủy đến thế kỷ XVIII. Trong đó, tư tưởng chính trị của dân tộc xuất phát từ niềm tin của nhân dân trong quá trình dựng nước và giữ nước. Niềm tin đó bắt nguồn từ chủ nghĩa yêu nước, bởi “chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử tư tưởng Việt Nam” [135, tr.28].

Cuốn sách *Niềm tin và xây dựng niềm tin khoa học* của tác giả Trịnh Đình Bảy [7]. Tác giả đã đề cập đến niềm tin từ góc độ triết học, phân chia các loại niềm tin, khẳng định vai trò của niềm tin với đời sống xã hội và đưa ra phương hướng, giải pháp xây dựng, củng cố niềm tin trong xã hội ở Việt Nam. Cụ thể, “nâng cao dân trí, bồi dưỡng tri thức khoa học, trang bị thế giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” [7, tr.188].

Cuốn sách *Các chuyên đề bài giảng Chính trị học* của tác giả Phan Xuân Sơn (Chủ biên), [107]. Nhóm tác giả đã đưa ra quan niệm về niềm tin chính trị, cho rằng: “Niềm tin chính trị là sự tin tưởng về sự đúng đắn của một lý tưởng chính trị... Niềm tin chính trị đúng là niềm tin vào một chính trị có mục đích phù hợp với tất yếu cuộc sống, với nguyện vọng chân chính của con người” [107, tr.262]. Đây là một cơ sở cho việc tham khảo xây dựng khái niệm và nghiên cứu niềm tin chính trị Hồ Chí Minh của luận án.

Cuốn sách *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam* của tác giả Trần Văn Giàu [34]. Ở chương VIII, bàn về truyền thống lạc quan của dân tộc Việt Nam, tác giả đã đề cập đến những nội hàm của niềm tin, lòng tin, sự tin tưởng. Theo tác giả, niềm tin hay lòng tin là “tin tưởng vào sức bản thân mình có thể đạt được những mục tiêu chính đáng mình tự đặt ra... là tin vào sức người có thể nắm được vận mạng của người chớ không phải cúi đầu cam chịu” [34, tr.350], “là tin vào hướng tiến lên của lịch sử nhân loại tới độc lập, tự do, hạnh phúc chớ không phải luẩn quẩn trong cái vòng cứ thoát khỏi chế độ áp bức bóc lột này thì lại lọt vào chế độ áp bức bóc lột khác [34, tr.350]. Lòng tin đó “không phải là một sự tin tưởng có tính chất tôn giáo, mà là một sự tin tưởng có tính chất khoa học, nghĩa là có căn cứ thực tế, dựa trên suy lý chắc chắn, bằng vào kinh nghiệm lịch sử” [34, tr.351].

Cuốn sách *Đại cương về Chính trị học* của tác giả Lê Văn Đính [28]. Dưới góc độ văn hóa chính trị, tác giả cho rằng niềm tin là nhân tố hết sức quan trọng của văn hóa chính trị, là niềm tin khoa học, chứ không phải là niềm tin giáo điều, mù quáng. Hơn nữa, “chỉ có niềm tin dựa trên sự hiểu biết khoa học (cùng với tình cảm và đạo đức cách mạng) mới làm cho con người giữ được sự kiên định, không dao động trước những khó khăn” [28, tr.322].

Cuốn sách *Tốc độ của niềm tin* của tác giả Stephen M.R Covey và Rebecca R. Merrill, (bản dịch của Vũ Tiến Phúc, Trịnh Tuyết Phương, Vương Bảo Long) [177]. Nhóm tác giả đã đưa ra quan niệm: Niềm tin chính là sự tin cậy, khi bạn tin ai là tin vào phẩm chất đạo đức và năng lực của họ.

Cuốn sách *Xây dựng, củng cố niềm tin chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở ở Tây Nguyên hiện nay* của tác giả Trần Viết Quân [104]. Một trong những nội dung liên quan luận án của công trình này nằm ở chương 1 khi đề cập đến khái niệm, cấu trúc của niềm tin, chính trị và niềm tin chính trị. Tuy nhiên, do phạm vi của công trình nên chủ yếu đề cập niềm tin chính trị, chưa đi vào nghiên cứu niềm tin chính trị Hồ Chí Minh hay vận

dụng niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào xây dựng, củng cố niềm tin chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Cuốn sách *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới* của Ban Tuyên giáo Trung ương [5]. Nhóm tác giả đã đề cập đến niềm tin chính trị, cho rằng “Niềm tin chính trị phải đặt trên cơ sở khoa học chính trị; và ngược lại, mà trước hết và trực tiếp là bảo vệ và phát triển niềm tin chính trị của nhân dân. Khi mất niềm tin là mất hết” [5, tr.151]. Đây là một trong những cơ sở để luận án tiếp tục kế thừa, nghiên cứu và luận giải niềm tin chính trị.

Cuốn sách “*Niềm tin xã hội - Lý luận và thực tiễn*” của tác giả Đoàn Triệu Long [72]. Tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận của niềm tin, trong đó, đưa ra khái niệm niềm tin “là sự tin tưởng, kỳ vọng của nhóm, xã hội đối với cá nhân, nhóm, tổ chức, thể chế nào đó về những sự kiện, hiện tượng, quá trình, kết quả có thể xảy ra, góp phần định hướng nhận thức, thái độ, tình cảm và hoạt động của nhóm, xã hội phù hợp với sự tin tưởng, kỳ vọng đó” [72, tr.21-22].

Giáo trình *Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chính trị học* của Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [158]. Nhóm tác giả đã đưa ra khái niệm niềm tin là trạng thái tâm lý thừa nhận sự đúng đắn đối với một đối tượng, cho rằng “Lý tưởng chính trị và niềm tin chính trị gắn bó với nhau, tạo nên sức mạnh chính trị, tạo ra ý chí, lòng trung thành và đức hy sinh” [158, tr.932].

Luận án tiến sĩ *Niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay* của tác giả Nguyễn Quang Hùng [54]. Tác giả đã đề cập khái niệm, cơ chế hình thành, cấu trúc, đặc điểm và chức năng của niềm tin và niềm tin chính trị. Trong đó, tác giả đưa ra khái niệm: “Niềm tin chính trị là sự định hướng giá trị được xác định vững chắc trong tư tưởng, nhận thức và chi phối hành động của cá nhân trong cuộc sống vì sự phát triển và tiến bộ con người, luôn hướng con người tìm đến các giá trị chân - thiện - mỹ để tạo dựng nhân cách” [54,

tr.38]. Tác giả cũng đề cập đến các yếu tố hình thành niềm tin chính trị: Kinh nghiệm thực tiễn, tri thức khoa học chính trị, lập trường triết học duy vật biện chứng và trong mối quan hệ xã hội. “Niềm tin chính trị tạo động lực tinh thần mạnh mẽ thúc đẩy tính tích cực thực tiễn của con người, góp phần xây dựng xã hội phát triển” [54, tr.38].

Bài viết “Đề nền tảng tư tưởng của Đảng trở thành niềm tin, lẽ sống” của tác giả Bùi Tiến Sỹ [110]. Tác giả khẳng định vai trò của yếu tố niềm tin trong quá trình vận động phát triển của nhân loại. Cho rằng: “Bất cứ quốc gia hay thể chế chính trị nào, muốn phát triển ổn định, bền vững và tiến tới một xã hội thái bình, thịnh trị thì những người lãnh đạo của quốc gia thể chế đó phải đặt vấn đề xây dựng niềm tin đối với nhân dân” [110].

Bài viết “Nâng cao niềm tin chính trị cho thế hệ trẻ để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn mới” của tác giả Nguyễn Thị Ái Vân [153]. Trong bài viết, đã đề cập quan niệm về niềm tin chính trị, là “sự tin tưởng, kỳ vọng vào đảng phái chính trị nhất định, cụ thể là vào chủ trương đường lối của đảng chính trị, truyền thống và những giá trị của đảng chính trị cũng như uy tín của lãnh tụ đảng đó” [153, tr.33].

Bài viết “Giữ vững niềm tin chính trị của nhân dân với Đảng” của tác giả Nguyễn Hoàng Việt [161]. Tác giả đưa ra quan niệm “Niềm tin chính trị của nhân dân là sự tin tưởng, kỳ vọng vào đảng phái chính trị nhất định, cụ thể là vào chủ trương, đường lối của đảng chính trị, truyền thống và những giá trị của đảng chính trị cũng như uy tín của lãnh tụ đảng đó [161]. Tác giả cũng cho rằng, niềm tin đó xuất phát từ phía nhân dân được hình thành qua hoạt động thực tiễn của Đảng và đời sống chính trị của đất nước. Vì thế, “niềm tin chính trị được hình thành phải trải qua sự thử thách lâu dài, mà những kết quả thực tế trong hoạt động chính trị sẽ là sự bảo đảm cho uy tín chính trị của đảng, để khẳng định rằng niềm tin chính trị của quần chúng nhân dân dành cho đảng có vững chắc hay không” [161]. Tác giả cũng đưa ra các yếu tố cơ

bản của niềm tin chính trị của nhân dân gồm: sự hiểu biết về chính trị của quần chúng nhân dân ngày càng tăng lên; những kinh nghiệm chính trị của nhân dân trong thực tiễn cách mạng ngày càng trở nên phong phú; thực tiễn lãnh đạo chính trị thuyết phục của đảng cộng sản; sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân vào sự nghiệp cách mạng.

Bài viết “Xây dựng, củng cố niềm tin chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở - vấn đề cần quan tâm” của tác giả Quách Thị Thúy [134]. Tác giả cho rằng: “Niềm tin chính trị là sự tin tưởng về sự đúng đắn của một lý tưởng chính trị, được quy định bởi tri thức chính trị, lý tưởng chính trị và bản lĩnh chính trị. Nếu tri thức, lý tưởng, bản lĩnh chính trị đúng cho ta niềm tin chính trị đúng [134]. Sự tin tưởng vào một nền chính trị có mục đích phù hợp với tất yếu cuộc sống, nguyện vọng chân chính của con người là niềm tin đúng đắn. Đối với nhân dân Việt Nam, tin tưởng vào con đường thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong đó, “lý tưởng chính trị và niềm tin chính trị luôn gắn bó với nhau, tạo nên sức mạnh chính trị, đó là niềm tin tự nguyện, thuyết phục, tạo ra ý chí, lòng trung thành, đức hy sinh đối với đất nước và dân tộc” [134].

Bài viết “Để niềm tin chính trị dẫn đường” của tác giả Đức Tâm [111]. Tác giả đã luận giải niềm tin chính trị được hình thành, củng cố dựa trên tri thức khoa học, tình cảm và lý tưởng chính trị. Vì vậy, phải xây dựng niềm tin chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới của Đảng gắn với các nguyên tắc xây dựng Đảng. Đối với cán bộ, đảng viên “niềm tin chính trị là xương sống giúp xây dựng động lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” [111].

Bài viết “Củng cố niềm tin chính trị” của tác giả Nguyễn Phước Khánh [57]. Cho rằng niềm tin chính trị được hình thành qua chiều dài lịch sử của đất nước và đưa ra quan niệm “Niềm tin chính trị là lòng tin, sự đồng thuận,

ủng hộ của Nhân dân từ hành động của tổ chức Đảng và đội ngũ lãnh đạo [57]. Những cam kết chính trị giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân được thể hiện trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp Nhà nước và những chính sách hợp lòng dân.

Bài viết “Sự hình thành và cấu trúc của hệ thống niềm tin chính trị” của tác giả Paul A. Dawson [181]. Bài viết đã tập trung làm rõ ba nội dung chính: Giải thích sự hình thành và dự đoán cấu trúc của hệ thống niềm tin chính trị; Cung cấp cơ sở lý thuyết cho những quan điểm hiện đại về tính hợp lý trong chính trị; làm rõ mối quan hệ giữ thái độ chính trị và hành vi chính trị.

1.1.2. Nghiên cứu liên quan đến niềm tin chính trị Hồ Chí Minh

1.1.2.1. Nghiên cứu về nội dung niềm tin chính trị Hồ Chí Minh

Cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu về các khía cạnh của nội dung niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Qua khảo cứu, chúng tôi nhận thấy đáng chú ý ở các công trình tiêu biểu sau:

Cuốn sách *Hồ Chí Minh - Tầm nhìn thời đại* của tác giả Bùi Đình Phong [93]. Tác giả đã đề cập đến niềm tin của Hồ Chí Minh vào sức mạnh nội sinh và thắng lợi của cách mạng, “luôn tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng”, “chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc” [93, tr.98-99]. Hơn nữa, tác giả cũng bước đầu luận giải cơ sở niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là từ thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam, từ tầm “nhìn xa trông rộng, nhìn mọi mặt cả vật chất, tinh thần; cả quá khứ, hiện tại, tương lai; cả trong nước và thế giới; cả thế và lực” [93, tr.98].

Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ* của tác giả Phạm Hồng Chương [9]. Tác giả đã khái quát bản chất dân chủ trong quan niệm của Hồ Chí Minh, nổi bật là nội dung chính trị, khi Người nhấn mạnh Nhân dân là ông chủ nắm chính quyền. Quan điểm đó, bắt nguồn từ việc “Hồ Chí Minh luôn có một lòng tin sâu xa, tuyệt đối vào nhân dân, vì nhân dân là một lực

lượng vô cùng hùng hậu. Người luôn luôn nhắc nhở trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết” [9, tr.43].

Cuốn sách *Giới thiệu một số tác phẩm kinh điển tư tưởng Hồ Chí Minh* của nhóm tác giả Hoàng Ngọc Vĩnh, Thái Ngọc Tăng [160]. Liên quan đến niềm tin Hồ Chí Minh, các tác giả đã đề cập đến niềm tin Hồ Chí Minh vào “khả năng cải tạo thế giới của con người”, “lòng yêu nước của các giới đồng bào” và “Người có một niềm tin mãnh liệt vào sự vươn dậy của con người, Người cố tìm dù là nhỏ nhất những tích cực của họ mà khơi dậy, tạo điều kiện cho họ hội nhập với cộng đồng, làm việc hữu ích cho mình và cho xã hội” [160, tr.231].

Cuốn sách *Giới thiệu một số tác phẩm của Hồ Chí Minh (Sách tham khảo)* của Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng [113]. Thông qua giới thiệu các tác phẩm lớn của Hồ Chí Minh, nhóm tác giả đã khẳng định niềm tin của Hồ Chí Minh vào sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam “niềm tin của Hồ Chí Minh vào thắng lợi hoàn toàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Người khẳng định, mặc dù cuộc kháng chiến đó còn nhiều khó khăn, gian khổ, ác liệt, hy sinh” [113, tr.115]. Đồng thời, qua những tác phẩm đó, “củng cố niềm tin vào thắng lợi của công cuộc kháng chiến, kiến quốc, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung của dân tộc ta, là cơ sở khoa học xác định quyết tâm thực hiện mục tiêu, con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn” [113, tr.99].

Cuốn sách *Triết lý Hồ Chí Minh về phát triển Việt Nam* của tác giả Bùi Đình Phong [95]. Khi luận giải niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân dành cho Đảng, tác giả cho rằng “Đảng ta có nghĩa là Đảng không chỉ là niềm tin yêu của đảng viên của Đảng mà còn phải và luôn luôn phải là niềm tin yêu trong lòng mỗi đồng bào ta. Tóm lại, nói tới Đảng là nói tới “biển rộng, núi cao”; là nói tới “thống nhất, độc lập, là hòa bình, ấm no”” [95, tr.40].

Cuốn sách *Bí quyết thành công Hồ Chí Minh* của tác giả Phùng Hữu Phú [102]. Tác giả đã đề cập đến niềm tin của Hồ Chí Minh ở các khía cạnh: “Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt trọn vẹn niềm tin vào con đường cách mạng vô sản” [102, tr.60]; “Bác Hồ luôn luôn đặt niềm tin lớn lao vào giai cấp công nhân, khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của công nhân trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới” [102, tr.65]. Đây cũng là một trong những bí quyết thành công của Hồ Chí Minh trong quá trình tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Cuốn sách *Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trong lòng dân tộc Việt Nam* của tác giả Thành Duy [13]. Tác giả đã đề cập đến niềm tin Hồ Chí Minh ở các khía cạnh: “Hồ Chí Minh có niềm tin tuyệt đối vào con người”, “vào ánh sáng của xã hội tương lai, vào tiền đề của chủ nghĩa xã hội”, “Hồ Chí Minh tin rằng chủ nghĩa cộng sản có thể áp dụng được ở các dân tộc thuộc địa như Việt Nam mà còn có niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh của văn hóa và ý chí của nhân dân” [13, tr.194-195].

Cuốn sách *Hồ Chí Minh với cuộc đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ của nhân loại* của tác giả Lê Văn Tích [128]. Ở góc độ niềm tin chính trị, tác giả đề cập đến sự tin tưởng của Hồ Chí Minh vào các lực lượng dân chủ, tiến bộ và yêu chuộng hòa bình. Sự tin tưởng cũng như hoạt động thực tiễn phong phú của Hồ Chí Minh, đã được các lực lượng này ủng hộ, giúp đỡ Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam. Nhờ đó, đã góp phần quan trọng vào công cuộc đấu tranh cho độc lập, hòa bình và tiến bộ xã hội.

Cuốn sách *Hồ Chí Minh - Một người Châu Á của mọi thời đại* của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia [89], tập hợp nhiều bài viết của các tác giả chủ yếu là người nước ngoài. Trong đó, có nhiều nội dung thể hiện niềm tin chính trị Hồ Chí Minh thông qua sự đánh giá, ghi nhận và tin tưởng vào giá trị, sức sống của lãnh tụ Hồ Chí Minh, không chỉ cho quá khứ mà còn ở hiện tại và tương lai. Hồ Chí Minh đã mang lại “một viễn cảnh và hi vọng mới cho

những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi Trái đất này” [89, tr.6].

Cuốn sách *Bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh* của tác giả Bùi Đình Phong [96]. Tác giả đã phân tích có hệ thống các nội dung của bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh, trong đó, lý giải một trong những yếu tố hình thành bản lĩnh là niềm tin chính trị của Người vào sức mạnh của nhân dân, vào sự lựa chọn hợp quy luật của con đường cách mạng vô sản, dưới ánh sáng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Cuốn sách *Tư duy chính trị Hồ Chí Minh* của tác giả Nguyễn Thị Thanh Dung [14]. Tác giả đã nghiên cứu có hệ thống về sự nghiệp chính trị, những năng lực và tổ chất chính trị của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Không chỉ giúp chúng ta có thể giải mã được cội nguồn những sáng tạo đặc sắc về suy nghĩ và hành động chính trị của Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo cách mạng, mà còn cho thấy một niềm tin vững chắc của Hồ Chí Minh đối với nhân dân và sự thắng lợi tất yếu của cách mạng Việt Nam.

Cuốn sách *Bác Hồ - Tấm gương đạo đức sáng ngời* của tác giả Song Thành [118]. Tác giả đã đề cập đến niềm tin chính trị của nhân dân gắn với việc nêu gương của người lãnh đạo, bởi “niềm tin chính trị của người dân, luôn luôn gắn liền với niềm tin vào đạo đức, lối sống của người cầm quyền. Khi quần chúng đã nhìn thấy những tấm gương xấu ở người lãnh đạo, đã mất niềm tin vào đạo đức của họ, thì niềm tin chính trị đối với họ cũng không còn” [118, tr.100].

Cuốn sách *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh* của tác giả Nguyễn Thế Nghĩa [91]. Đây là công trình chuyên khảo, trình bày có hệ thống về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, với tư cách là một bộ phận cốt lõi, tác động, chi phối xuyên suốt các tư tưởng khác và quán xuyến toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người. Trong đó, tác giả đề cập đến niềm tin của Hồ Chí Minh vào sức mạnh vô địch của quần chúng nhân dân khi được tổ chức và lãnh đạo đúng

đắn, tạo thành khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhờ đó, đã mang lại những thắng lợi to lớn, vẻ vang trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Cuốn sách *Tư tưởng chính trị “Dân là gốc” trong lịch sử Việt Nam* của nhóm tác giả Lê Văn Thắng, Nguyễn Văn Tuấn (đồng chủ biên) [125]. Tác giả đã phân tích tư tưởng dân là gốc trong tiến trình lịch sử dân tộc, trong đó, luận giải tư tưởng dân là gốc của Hồ Chí Minh. Trong đó, đã khẳng định niềm tin của Hồ Chí Minh vào vai trò và sức mạnh của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng nước nhà.

Cuốn sách *Nghiên cứu Hồ Chí Minh - Một số công trình tuyển chọn, Tập 3: Đổi mới - Hội nhập - Phát triển* của tác giả Bùi Đình Phong [100]. Chuyên luận “Hồ Chí Minh - Người kiến tạo niềm tin” trong cuốn sách, đề cập đến việc Hồ Chí Minh đã kiến tạo và truyền cảm hứng niềm tin vào nhân dân để làm nên những thắng lợi vẻ vang của cách mạng. Đồng thời, tác giả cũng bước đầu luận bàn đến niềm tin Hồ Chí Minh bắt nguồn từ đâu? “Niềm tin Hồ Chí Minh bắt nguồn từ nhân dân. Người tin dân nên dân tin Người. Tư tưởng, đạo đức, phong cách và phương pháp công tác của Người theo đúng đường lối nhân dân, từ quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng và luôn luôn chống bệnh quan liêu [100, tr.298].

Cuốn *Hồi ký* của N. Khorútsóp [164]. Đề cập đến vấn đề niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh, ông cho rằng: “Không ai có thể chống lại nỗi ông vì niềm tin của ông mãnh liệt, tin ở nhân dân mình và tất cả các dân tộc cũng như ở sự nghiệp cao cả. Mỗi lời nói của ông hình như dựa vào niềm tin là về nguyên tắc tất cả mọi người cộng sản đều là anh em cùng giai cấp” [164, tr.52-53].

Cuốn sách *Tại sao là Hồ Chí Minh* của tác giả Song Phil - Kyung, (Bùi Đình Thắng dịch, 2021) [182]. Liên quan đến niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, tác giả đề cập đến mấy nội dung: khẳng định cuộc đời Hồ Chí Minh luôn “có

niềm tin vào sự thật và chính nghĩa”, “có được niềm tin vững chắc và hy vọng về tương lai tươi sáng của dân tộc”. Đặc biệt, tác giả đã khẳng định niềm tin tuyệt đối của Hồ Chí Minh vào nhân dân: “cái gì cũng có thể “dân bất tín vô lập” (không có lòng tin của nhân dân không thể dựng nên đất nước). Lời vàng này là niềm tin của Hồ Chí Minh, là triết lý chính trị, là hạt nhân của sức mạnh lãnh đạo rất ít nhà lãnh đạo biết rõ hơn về Hồ Chí Minh một sự thật “quyền lực là từ nhân dân mà ra”” [182, tr.323].

Luận án tiến sĩ “*Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn*” của tác giả Nguyễn Hữu Lập [68]. Luận án trình bày một cách hệ thống những nội dung về văn hóa chính trị Hồ Chí Minh, từ khái niệm, cấu trúc, cơ sở hình thành, đặc điểm và giá trị. Trong đó, tác giả đã đề cập đến niềm tin chính trị “là sự thừa nhận tính đúng đắn, xác thực, ưu việt, hoặc tính lỗi thời, lạc hậu của một hệ tư tưởng hay một thể chế chính trị nhất định” [68, tr.87]. Bước đầu luận giải niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, đó là “tin vào học thuyết Mác - Lênin; tin vào sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; tin vào mục tiêu, động lực, phương pháp của con đường cách mạng vô sản; tin vào sức mạnh của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới” [68, tr.88].

1.1.2.2. Nghiên cứu về giá trị niềm tin chính trị Hồ Chí Minh

Đến nay, các công trình nghiên cứu về niềm tin chính trị Hồ Chí Minh chủ yếu mới nêu và phân tích một số nội dung, còn ít công trình đi sâu làm rõ giá trị. Qua khảo cứu, có các công trình tiêu biểu sau:

Cuốn sách *Mối quan hệ giữa Đảng và dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh* của Đàm Văn Thọ, Vũ Hùng [127]. Nhóm tác giả đã trình bày một cách khá hệ thống khái niệm dân và những quan điểm, thái độ khác nhau về dân trong lịch sử; Quá trình hình thành và nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân, về Đảng cầm quyền và về mối quan hệ biện chứng giữa dân và Đảng. Từ đó, nêu lên thực trạng và giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ giữa

Đảng và dân trong thời kỳ mới, góp phần xây dựng niềm tin chính trị của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp [31]. Công trình đã đề cập đến những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với cách mạng Việt Nam. Trong đó, ở khía cạnh niềm tin, tác giả khẳng định: “Ở Người, lòng thương yêu dân gắn liền với lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh, tính chủ động sáng tạo của nhân dân và lòng tôn trọng, kính trọng nhân dân” [31, tr.264].

Cuốn sách *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc* của Phạm Văn Đồng [27]. Tác giả cho rằng: “Hồ Chí Minh là một con người rất tin ở con người [27, tr.481]. Đây là một lòng tin bắt nguồn từ sự hiểu biết sâu rộng của Hồ Chí Minh về lịch sử dân tộc Việt Nam; lòng tin đó cũng bắt nguồn từ sự tiếp xúc với con người hằng ngày, sự hoạt động đa dạng của Hồ Chí Minh trong cộng đồng con người Việt Nam cũng như ở nhiều nước khác. Niềm tin đó là sự kết tinh những tư tưởng lớn của bậc thầy: Mác, Ăngghen, Lênin, lòng tin đó là lòng tin sâu xa và mạnh mẽ ở nguồn tiềm lực về sự dũng cảm, trí thông minh và tài sáng tạo của con người và cộng đồng con người. “Ở Hồ Chí Minh, lòng tin con người, tức là tin ở sự nghiệp cách mạng giải phóng con người” [27, tr.481]. Từ đó, “Chúng ta hãy luôn luôn giữ gìn và bồi dưỡng lòng tin mà Hồ Chí Minh đã truyền cho chúng ta, lòng tin không gì lay chuyển được vào quy luật của lịch sử, vào nhân dân, vào dân tộc, vào con người” [27, tr.16]. “Lòng tin như vậy giúp chúng ta luôn luôn lạc quan, bình tĩnh và sáng suốt, giàu sức sống và sức chiến đấu để vững bước tiến lên theo con đường mà Hồ Chí Minh, Đảng ta và dân tộc ta đã chọn: Con đường của chủ nghĩa xã hội” [27, tr.18].

Cuốn sách *Hồ Chí Minh - Vĩ đại một con người* của Trần Văn Giàu [33]. Tác giả đã trình bày một cách hệ thống về cuộc đời huyền thoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt

Nam. Đồng thời, khẳng định cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Hồ Chí Minh là biểu tượng văn hóa Việt Nam, là niềm tin mãnh liệt, vững chắc cho toàn Đảng và dân tộc Việt Nam học tập, noi theo.

Cuốn sách *Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Mạch Quang Thắng [122]. Liên quan đến niềm tin Hồ Chí Minh, tác giả cho rằng: Giữ chữ Tín trong nhân cách văn hóa để tin ở dân, học hỏi dân, dựa vào dân trong đổi mới và sáng tạo. Khẳng định nội hàm chữ Tín trong tư tưởng Hồ Chí Minh là kiên định thực hiện lý tưởng, mục tiêu hoạt động của Đảng: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; là “đức tin vào lý tưởng, vào mục tiêu đã lựa chọn; là trọng lời hứa và biết tin vào người khác, vào nhân dân, vào đất nước với niềm lạc quan trong sáng” [122, tr.50]. Chỉ ra các cách thức giữ gìn và thực hiện chữ Tín là: phải thường xuyên tiến hành tự phê bình và coi trọng sự phê bình; phải thực hành dân chủ, xác lập niềm tin ở dân và trong dân, xác lập niềm tin giữa con người với con người.

Cuốn sách *Hồ Chí Minh - Ông tiên sống mãi* của Suprida Phanomjong do Nguyễn Thành Hoan và Nguyễn Thị Thùy Châu dịch [174]. Cuốn sách gồm 16 nội dung được chia theo mục (từ mục I đến mục XVI), khái quát lại toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thông qua đó, tác giả gửi gắm tình cảm và sự tôn kính đối với lãnh tụ Hồ Chí Minh - người mà tác giả may mắn được gặp trực tiếp vào những những năm cuối đời. Đó là hình ảnh “giản dị mà chân thật tự nhiên, được thấy một tinh thần cứng rắn nhưng vô cùng lịch thiệp... Người đã ra đi, tất cả mọi người dân Việt Nam đều vẫn hết lòng tôn trọng và kính yêu Người cho tới tận ngày nay” [174, tr.7].

Cuốn sách *Vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, khó khăn nào cũng vượt qua* của Nguyễn Phú Trọng [141]. Tác giả đã nhấn mạnh đến vai trò của nhân dân, nhất là sức mạnh niềm tin của nhân dân vào sự nghiệp cách mạng, đòi

mới đất nước, nếu làm hợp lòng dân thì dân tin và chế độ ta còn, Đảng ta còn, nếu làm cái gì trái lòng dân, để mất niềm tin là mất tất cả.

Cuốn sách *Hồ Chí Minh - Tìm đường, mở đường, dẫn đường, thiết kế tương lai* của Bùi Đình Phong [97]. Công trình đã khắc họa toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ khi bước vào hoạt động cách mạng cho đến cuối đời. Qua đó, thể hiện trí tuệ siêu việt và tầm nhìn sâu rộng của Hồ Chí Minh trước những vấn đề của dân tộc và thời đại; thể hiện bản lĩnh chính trị của người đứng đầu Đảng và Nhà nước ta, chiến đấu và chiến thắng trước kẻ thù của dân tộc. Hơn nữa, Hồ Chí Minh còn là người có tư duy đổi mới và phát triển để đưa cách mạng Việt Nam đi đúng xu hướng và xu thế của thời đại. Vì thế, Hồ Chí Minh là ánh sáng soi đường, là niềm tin vững chắc cho Đảng, cho nhân dân và cho dân tộc Việt Nam mãi mãi noi theo.

Cuốn sách *Xây dựng con người Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* của Mạch Quang Thắng (Chủ biên) [124]. Tác giả đã nhấn mạnh “Mất niềm tin là mất tất cả” và đề cập đến biểu hiện của sự sụt giảm niềm tin trong Đảng và trong xã hội. Đó là “sự phản ứng của nhân dân đã đến mức gay gắt, tập trung nhất là ở lĩnh vực đất đai, dân chủ, thái độ xử lý đối với tham nhũng [124, tr.146], “sự băng hoại về đạo đức lối sống, không những biểu hiện trong Đảng mà còn biểu hiện nghiêm trọng ở ngoài xã hội... Chưa bao giờ chủ nghĩa cá nhân lại đục khoét phẩm chất, năng lực, đạo đức, nhân cách, lối sống của cán bộ đến mức như vậy” [124, tr.147].

Cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của tác giả Nguyễn Phú Trọng [142]. Trong bài viết: Kế tục trung thành sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, tác giả đã “khẳng định một ý chí mãnh liệt, một quyết tâm sắt đá và một niềm tin tất thắng: Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi” [142, tr.233]. Đồng thời, phải tiếp tục củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh

đạo của Đảng, Nhà nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Cuốn sách *HO* của David Halberstam (1971) [165] là một công trình có nhiều nhận định, đánh giá về lãnh tụ Hồ Chí Minh trên phạm vi quốc tế, nhất là những hoạt động chính trị. Tác giả cho rằng, Hồ Chí Minh “không những đã giải phóng đất nước của ông mà thay đổi chiều hướng của chế độ thuộc địa ở cả châu Phi lẫn châu Á, mà ông còn làm được một điều đáng chú ý hơn: ông đã dùng tới văn hóa và tâm hồn của kẻ địch của ông” [165, tr.125].

Luận án tiến sĩ “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội*” của tác giả Đinh Ngọc Quý [105]. Khi đề cập đến những khó khăn, thách thức trong quá trình lãnh đạo xã hội, tác giả cho rằng “tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào chủ nghĩa cá nhân... làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tạo ra một trong những nguy cơ, thách thức đối với sự tồn vong của chế độ” [105, tr.3].

Luận án tiến sĩ “*Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về Nhân dân và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay*” của tác giả Nguyễn Phương An [1]. Tác giả đã đi sâu phân tích vị trí, vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng; Những quan điểm và đóng góp của Hồ Chí Minh trong việc đưa Nhân dân trở thành người làm chủ vận mệnh đất nước. Từ việc phân tích tư tưởng chính trị về Nhân dân là một trong những nội dung quan trọng, có tầm bao quát và có ý nghĩa đặc biệt trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả khẳng định: “Thắng lợi mà cách mạng Việt Nam có được là do sức mạnh của Nhân dân được tập hợp và phát huy dưới ánh sáng soi đường của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về Nhân dân” [1, tr.1].

Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Bác Hồ với trí thức Nam bộ* của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh & Ban Tuyên giáo thành ủy thành phố Hồ Chí Minh tổ chức [69]. Phần thứ nhất của Kỷ yếu đề cập đến tình cảm, niềm tin của Bác Hồ với trí thức Nam bộ, trong đó, nhiều bài viết đã

khẳng định niềm tin, lòng hiền từ ấm áp và tình yêu thương của Bác Hồ với trí thức Nam bộ.

Bài viết *“Giữ vững niềm tin chính trị của nhân dân với Đảng”* của Nguyễn Hoàng Việt [161]. Tác giả khẳng định niềm tin chính trị của nhân dân là yếu tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng, là cội nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Một trong những giải pháp để giữ vững niềm tin chính trị của Nhân dân là tiếp tục xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chú trọng thực hành nêu gương. Bởi, “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” [73, tr.248]. Uy tín chính trị của Đảng trong nhân dân, phần lớn từ những cống hiến, hy sinh của đội ngũ đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở Trung ương và đứng đầu các địa phương, đơn vị.

Bài viết *“Lan tỏa niềm tin, khát vọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”* của tác giả Trần Quốc Tỏ [132]. Tác giả cho rằng, để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước, một trong những vấn đề quan trọng trong công tác tư tưởng lý luận, cần phải khơi dậy khát vọng và lan tỏa niềm tin trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, “vận dụng vào thực tiễn công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước vào giai đoạn phát triển mới” [132, tr.19].

Bài viết *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về niềm tin chính trị của Nhân dân tiếp tục soi sáng Đại hội XIII của Đảng”* của tác giả Nguyễn Thị Thu Trang [139]. đã trình bày khái quát hai nội dung: Một là, đưa ra quan niệm, niềm tin chính trị của Nhân dân “là niềm tin của Nhân dân vào bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội mới; vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng; vào năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên; và vào sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam” [139, tr.1]. Hai là, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục củng cố, phát huy niềm tin chính trị của Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Muốn vậy, phải tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tiếp tục phát huy quyền

làm chủ của nhân dân, quan tâm đến đến lợi ích chính đáng để Nhân dân thụ hưởng thành quả của công cuộc đổi mới đất nước.

Bài viết “*Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Mậu Linh [71] đã đề cập đến sự cần thiết phải xây dựng, củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng, hệ thống chính trị nhằm tạo sự đồng thuận, đoàn kết trong xã hội, là chìa khóa để xây dựng và phát triển đất nước. Muốn vậy, phải tiếp tục củng cố niềm tin của Nhân dân vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn.

Bài viết “*Uy tín của Đảng và niềm tin của Nhân dân*” của tác giả Lê Doãn Sơn [108] đã đề cập đến mối quan hệ giữa uy tín của Đảng với niềm tin của Nhân dân. Từ thực tiễn 94 năm (1930 - 2024) Đảng ta ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác là minh chứng cho uy tín của Đảng và niềm tin, ủng hộ của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng. Trong đó, tác giả khẳng định lập trường, tư tưởng nhất quán, kiên định của Đảng ta trong việc vận dụng, phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Cho rằng: “Đảng đã quy tụ được sức mạnh, tiềm năng, khát vọng, ý chí của Nhân dân và chuyển hóa thành sức mạnh quần chúng - sức mạnh tổng hợp để xây dựng xã hội và cuộc sống của người dân ngày một thịnh vượng... đó chính là “uy tín” của Đảng ta mà “niềm tin” của Nhân dân dành chọn, gửi gắm” [108].

Bài viết “*Tinh thần Hồ Chí Minh ở Mỹ Latinh*” của Igonaxiô Gônxalet Hanxen [173] đã phân tích tầm nhìn xa và thiên bẩm chính trị của Hồ Chí Minh trong mối tương tác với Nhân dân. Theo tác giả, đối với những người cách mạng và những nhà đấu tranh xã hội trên toàn thế giới, tấm gương đấu tranh của Nhân dân Việt Nam luôn gắn liền với Hồ Chí Minh - Người đã giác ngộ, đoàn kết và mang lại niềm tin vào chủ nghĩa yêu nước của quần chúng. Hồ Chí Minh đã dạy làm chính trị với sự tham gia tích cực và có tổ chức của

toàn dân. Tình yêu Tổ quốc và đồng bào luôn hiện hữu trong từng cư xử và từng nỗi trăn trở của Người: “Mang lại hạnh phúc cho nhân dân”.

Bài viết “*Hồ Chí Minh - Người mang lại ánh sáng*” của Stanley Karnow [52] trong cuốn sách cùng tên đã khẳng định công lao to lớn của lãnh tụ Hồ Chí Minh không chỉ cho cách mạng Việt Nam mà còn góp phần đập tan chế độ thực dân, đế quốc trên phạm vi thế giới. Trong đó, tác giả khẳng định sức lan tỏa và giá trị bền vững của niềm tin Hồ Chí Minh, “Không có một sự thay đổi nào trong niềm tin Hồ Chí Minh, không có gì lay chuyển được ý chí của ông. Ngay cả khi cuộc chiến tranh tàn phá đất nước khốc liệt nhất, ông vẫn tận tụy vì độc lập của Việt Nam. Và hàng triệu người Việt Nam chiến đấu và hi sinh cũng để đạt mục đích ấy” [52, tr.9].

Những công trình khoa học trên đây là cơ sở quan trọng để tác giả tham khảo, kế thừa và tiếp tục đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống nội dung và giá trị niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Qua khảo cứu những công trình liên quan luận án, cho thấy, chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về niềm chính trị Hồ Chí Minh ở trong và ngoài nước. Nhận định sau đây của nhà nghiên cứu Vladimir N. Kolotov (Nga) có thể xem như là một trong những lý giải: “Mặc dù hệ tư tưởng Hồ Chí Minh đã thấm sâu vào mọi lĩnh vực của xã hội Việt Nam, cho đến nay, vấn đề này còn được nghiên cứu rất ít ở phương Tây, nơi người ta thích nhìn vào Việt Nam qua lăng kính hệ tư tưởng của mình” [176, tr.151]. Vì vậy, tiếp tục đi sâu nghiên cứu niềm tin chính trị Hồ Chí Minh một cách có hệ thống, sẽ góp phần làm phong phú và sáng tỏ di sản Hồ Chí Minh.

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Những kết quả nghiên cứu đạt được

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, cho thấy việc nghiên cứu về niềm tin chính trị nói chung, niềm tin chính trị Hồ Chí

Minh nói riêng, đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và đạt được những kết quả bước đầu ở các khía cạnh, góc độ và nội dung khác nhau. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của vấn đề khoa học mà luận án đề cập tới, cung cấp cơ sở khoa học quan trọng để có thể thực hiện tốt luận án.

Đối với nhóm các công trình liên quan đến khái niệm niềm tin chính trị, đã đưa ra khái niệm, cấu trúc và bản chất của niềm tin chính trị. Một số công trình nghiên cứu bước đầu đã có quan niệm về niềm tin chính trị Hồ Chí Minh ở các khía cạnh nhất định. Đó là sự tin tưởng của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa Mác - Lênin và thắng lợi của cách mạng Việt Nam, tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân và quy luật khách quan của lịch sử.

Đối với nhóm các công trình liên quan đến nội dung niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, bước đầu đề cập, luận giải những nội dung, khía cạnh của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Đó là khẳng định sự tin tưởng của Hồ Chí Minh vào lý luận cách mạng chủ nghĩa Mác - Lênin, vào con đường cách mạng vô sản, vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, vào vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân và sự ủng hộ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Đây là những cứ liệu bổ ích, thiết thực phục vụ cho việc nghiên cứu nội dung niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu nêu trên, mới đề cập đến từng khía cạnh hoặc một số nội dung của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Đối với nhóm các công trình liên quan đến giá trị niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Chủ yếu các công trình đề cập ở phần vận dụng, đưa ra các giải pháp để củng cố, tăng cường niềm tin chính trị của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội. Chưa có công trình nào nghiên cứu, luận giải giá trị lý luận và thực tiễn của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh một cách có hệ thống.

Như vậy, qua khảo cứu các công trình khoa học liên quan luận án, đến nay chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập trực tiếp, giải quyết một

cách cơ bản, có hệ thống niềm tin chính trị Hồ Chí Minh và giá trị đối với cách mạng Việt Nam. Tức là, trình bày một cách hệ thống từ khái niệm, cơ sở hình thành, nội dung cơ bản, đặc điểm và giá trị niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Đây chính là điểm mới cả về cách tiếp cận, cả về nội dung nghiên cứu của luận án. Việc nghiên cứu luận án này, vừa khóa lấp những khoảng trống nghiên cứu, vừa góp phần luận giải một cách bài bản, trực tiếp và có hệ thống về nội dung và giá trị niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Hơn nữa, nghiên cứu vấn đề này, không chỉ có ý nghĩa lý luận, thực tiễn sâu sắc mà còn có ý nghĩa chính trị, thời sự cấp thiết trong bối cảnh hiện nay, nhất là góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Bên cạnh những kết quả nghiên cứu đạt được thì vấn đề niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, đến nay, còn ít công trình nghiên cứu một cách hệ thống, trực tiếp về nội dung và giá trị niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Vì vậy, luận án tiếp tục nghiên cứu, luận giải một cách có hệ thống, trực tiếp về niềm tin chính trị Hồ Chí Minh ở những nội dung sau:

Thứ nhất, từ kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, luận án tiếp tục làm rõ các khái niệm cơ bản liên quan đề tài luận án, hình thành công cụ để nghiên cứu nội hàm niềm tin chính trị và niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Thứ hai, làm rõ cơ sở hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, trong đó có cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và phẩm chất cá nhân Hồ Chí Minh.

Thứ ba, phân tích làm rõ những nội dung chủ yếu và đặc điểm cơ bản của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Thứ tư, phân tích giá trị lý luận, giá trị thực tiễn của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó, gợi mở một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để vận dụng, phát triển sáng tạo niềm tin chính trị Hồ Chí Minh trong việc củng cố, tăng cường niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội của Việt Nam hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Niềm tin chính trị và niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là chủ đề được khá nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu, luận giải ở những nội dung, khía cạnh và mức độ đạt được khác nhau. Đối với nội dung niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, khá nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập và luận giải một số khía cạnh của nội dung niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Qua khảo cứu các tài liệu cho thấy, nhiều công trình đều khẳng định niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, vào con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; vào vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý Nhà nước; vào vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân; vào sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới. Đây là những tài liệu quý để luận án tham khảo, kế thừa, tiếp tục làm rõ vấn đề cần nghiên cứu.

Những kết quả nghiên cứu của các công trình nêu trên là đáng ghi nhận, song chỉ mới luận giải ở mức độ nhất định hoặc trích dẫn những luận điểm của Hồ Chí Minh để minh chứng, chứ chưa đi sâu làm rõ từng nội dung của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Đặc biệt, chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp, toàn diện có tính hệ thống nội dung và giá trị của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu đã đạt được, luận án tiếp tục nghiên cứu, giải quyết một cách có hệ thống niềm tin chính trị Hồ Chí Minh từ khái niệm, cơ sở hình thành, nội dung, đặc điểm và giá trị của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Đây chính là đóng góp mới của luận án cả về lý luận và thực tiễn.

Chương 2

KHÁI NIỆM, CƠ SỞ HÌNH THÀNH NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN CÓ LIÊN QUAN

2.1.1. Niềm tin

Niềm tin là một khái niệm trừu tượng, gắn liền với hoạt động nhận thức và đời sống tinh thần của con người. Chủ đề này được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu và đưa ra nhiều định nghĩa, khái niệm khác nhau tùy vào hướng tiếp cận và mục đích nghiên cứu. Theo *Từ điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ, Khoa học - Xã hội - Nhân văn [157] giải nghĩa “Niềm tin: Lòng tin tưởng; cho trọn niềm tin” [157, tr.599]. Theo *Từ điển Oxford* [178] giải nghĩa: niềm tin là sự kì vọng vào độ tin cậy, sự thật, năng lực hoặc sức mạnh của một người hay một điều gì đó. *Từ điển Bách khoa Việt Nam* giải thích, “Niềm tin là hệ thống tri thức, nhận thức, quan điểm về tự nhiên, xã hội, con người được chủ thể trực tiếp trải nghiệm, xác nhận tính đúng đắn, chân thực của chúng, tự mình mong muốn thực hiện chúng trong cuộc sống, thành điểm tựa tinh thần của mỗi người” [51, tr.276]. *Từ điển Tâm lý học* cho rằng, “Niềm tin là định hướng giá trị vững chắc, chi phối nhận thức và hành vi của cá nhân, là trạng thái tâm lý đặc biệt của con người, thể hiện sự tiếp nhận vô điều kiện những thông tin, sự kiện, hiện tượng... quy định một số cách ứng xử, hành vi, lập luận hay các mối quan hệ của chủ thể” [15, tr.573]. *Giáo trình Tâm lý học lãnh đạo, quản lý* định nghĩa, “Niềm tin là sự hòa quyện một cách hữu cơ giữa kiến thức, tình cảm, ý chí sẵn sàng hành động phù hợp với những định hướng, các chuẩn mực giá trị mà bản thân đã lĩnh hội” [61, tr.152].

Nhóm tác giả Trần Hiệp, Đỗ Long quan niệm: “Niềm tin đó là sự định hướng giá trị được xác định vững chắc trong nhận thức và chi phối hành động cá nhân trong cuộc sống... Niềm tin là một trong những phương pháp cơ bản

của giáo dục để hình thành nhân cách con người” [55]. Nhóm nghiên cứu Trần Hậu Kiêm, Nguyễn Đình Xuân cho rằng: “Niềm tin là hệ thống quan niệm, ý tưởng về cái tương lai tươi sáng hơn cái hiện tại” [59, tr.86]. Tác giả Nguyễn Quang Hùng trong nghiên cứu niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam, đã định nghĩa: “Niềm tin là một lĩnh vực đặc biệt của ý thức, là sự định hướng giá trị được xác định vững chắc trong sự hòa quyện giữa nhận thức, tình cảm, ý chí của con người và chi phối, thúc đẩy chủ thể hành động phù hợp với những định hướng, giá trị đã được xác định” [54, tr.31]. Tác giả Đoàn Triệu Long và cộng sự, khi nghiên cứu về niềm tin xã hội, cũng quan niệm niềm tin “là trạng thái tâm lý của cá nhân đối với một chủ thể khác thể hiện sự tin tưởng, sự kỳ vọng của người đó về một sự kiện, hiện tượng, quá trình, kết quả có thể xảy ra, định hướng nhận thức, thái độ, tình cảm, hành vi và hoạt động của con người theo hướng phù hợp với sự tin tưởng đó” [72, tr.24]. Nhà nghiên cứu, Stephen R. Covey cho rằng: “Niềm tin chính là sự tin cậy, trái nghĩa với nó là sự nghi ngờ. Khi bạn tin ai, bạn đặt hết niềm tin vào người đó, tin vào phẩm chất đạo đức và năng lực của họ” [177, tr.32].

Từ những định nghĩa, khái niệm nêu trên cho thấy, niềm tin là phạm trù ý thức của con người, thể hiện là sự thừa nhận, xác thực của chủ thể đối với một sự vật, hiện tượng hay một sự kiện nào đó thông qua hệ thống tri thức, nhận thức, trải nghiệm. Niềm tin có tính định hướng giá trị, thúc đẩy hành vi, hành động nhằm hướng tới thay đổi để đạt mục đích nào đó. Nghiên cứu niềm tin không đơn thuần theo khía cạnh tâm lý, tình cảm hay những cảm xúc ẩn náu sâu kín bên trong đời sống tinh thần của con người, mà niềm tin còn là sự tin tưởng, thừa nhận và xác thực trên cơ sở hệ thống tri thức, nhận thức và trải nghiệm thực tiễn. Với tiếp cận đó, luận án nghiên cứu niềm tin theo hướng hệ thống các quan điểm, ý tưởng của con người được hình thành thông qua hoạt động thực tiễn, thể hiện sự tin tưởng, tin cậy và thừa nhận vào một lý tưởng đã chọn. Khi được hiện thực hóa trong thực tiễn, niềm tin đó sẽ trở thành sức

mạnh to lớn, không chỉ đem lại kết quả cho hiện tại mà còn có giá trị lâu dài, bền vững trong tương lai.

Từ những định nghĩa, khái niệm đã có và phân tích hướng tiếp cận nêu trên, có thể hiểu: *Niềm tin là một hình thái ý thức của con người, thể hiện sự thừa nhận và xác thực tính đúng đắn của chủ thể vào một đối tượng nào đó dựa trên nhận thức, tri thức, quan điểm và trải nghiệm thực tiễn. Niềm tin có sức mạnh và giá trị to lớn khi được đưa vào thực tiễn, hướng tới hiện thực hóa mục tiêu đã được xác lập.*

Niềm tin của con người có thể được xem xét trên nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau, niềm tin của cá nhân, của giai cấp hay của dân tộc. Tiếp cận vào chủ thể, lĩnh vực hay đối tượng của niềm tin thì có thể chia niềm tin thành nhiều loại khác nhau. Căn cứ vào chủ thể, niềm tin được đề cập ở góc độ niềm tin cá nhân, niềm tin cộng đồng, niềm tin xã hội hay niềm tin dân tộc. Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động, niềm tin được hiểu ở các góc độ niềm tin chính trị, niềm tin văn hóa; niềm tin tôn giáo, niềm tin khoa học. Căn cứ vào đối tượng của niềm tin có thể chia thành niềm tin vào tự nhiên và niềm tin vào xã hội. Việc phân chia này chỉ là tương đối, bởi chúng có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, xâm nhập vào nhau và có thể chuyển hóa lẫn nhau. Niềm tin của cá nhân không thể tách rời, biệt lập với niềm tin của cộng đồng, giai cấp, dân tộc. Ngược lại, niềm tin của cộng đồng, của giai cấp, của dân tộc được tạo nên từ niềm tin của mỗi người, thể hiện qua niềm tin của từng người, nhất là những người đứng đầu, có uy tín và tầm ảnh hưởng lớn.

Niềm tin với “Lòng tin” và “Đức tin” là ba khái niệm thường xuyên được sử dụng trong đời sống chính trị - xã hội. Bên cạnh những điểm giống nhau (là hình thái ý thức con người, định hướng giá trị, điều chỉnh hành vi...) thì cũng có nội hàm khác nhau ở mức độ tương đối. Niềm tin thể hiện sự thừa nhận, chấp nhận và xác thực một điều gì đó khả thi, dựa trên lý trí, tri thức và trải nghiệm. Lòng tin thiên về tình cảm, sự tin cậy, gắn bó giữa con người với

nhau, giữa con người với tổ chức, cộng đồng và giữa các cộng đồng với nhau. Lòng tin không chỉ trên lý trí mà còn được xây dựng trên nền tảng tình cảm, đạo đức và sự tương tác xã hội. Đức tin là sự tin tưởng tuyệt đối vào một điều gì đó thiêng liêng, siêu hình, không nhất thiết phải được chứng minh bằng lý trí hay thực nghiệm, thường mang màu sắc tôn giáo, tín ngưỡng. Có thể thấy sự khác nhau căn bản giữa ba khái niệm là: Niềm tin dựa vào lý trí, trải nghiệm, Lòng tin gắn với cảm xúc và đạo đức, Đức tin thuộc về lĩnh vực tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo.

Niềm tin là một thành tố cơ bản của đời sống chính trị - xã hội, vì vậy, nó tồn tại và được biểu hiện ở nhiều dạng khác nhau như: Niềm tin tích cực và Niềm tin tiêu cực; Niềm tin khoa học và Niềm tin mù quáng; Niềm tin cá nhân và Niềm tin xã hội; Niềm tin tôn giáo; Niềm tin số trong thời đại 4.0 hiện nay... Trong phạm vi luận án, tập trung nghiên cứu về niềm tin chính trị.

2.1.2. Niềm tin chính trị

Cùng với kinh tế, văn hóa, xã hội thì chính trị là lĩnh vực rất cơ bản, quan trọng của đời sống xã hội loài người, ra đời cùng với sự phân hóa giai cấp và xuất hiện Nhà nước, tạo ra một nấc thang mới trong tiến trình phát triển của nhân loại. Vì vậy, vấn đề chính trị đã được các nhà khoa học, nhà chính trị quan tâm nghiên cứu, dưới nhiều góc độ tiếp cận và mục đích khác nhau. Ở *phương Đông*, người Trung Quốc cổ đại quan niệm “chính trị là sự tác động, điều tiết để xã hội phát triển đúng đắn; là sự sắp đặt, quản lý để xã hội có kỷ cương, nền nếp, ổn định. Đến thời kỳ cận đại, Tôn Trung Sơn định nghĩa: *Chính* là việc của dân chúng, *trị* là quản lý; quản lý việc của dân chúng là chính trị; lực lượng quản lý việc của dân chúng là chính quyền” [96, tr.36-37]. Các nhà nghiên cứu Nhật Bản tiếp cận từ góc độ lợi ích khi tham gia hoạt động chính trị, cho rằng: Chính trị là hoạt động tìm kiếm những khả năng áp đặt quyền lực chính trị. Ở *phương Tây*, thuật ngữ chính trị bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp cổ đại là Polis - nghĩa là Thành bang, là công việc của Nhà nước.

Trong tác phẩm *Chính trị* của nhà triết học Platon, đã cho rằng: Chính trị là “nghệ thuật cai trị”, cai trị bằng sức mạnh là độc tài, còn cai trị bằng thuyết phục mới là cai trị đích thực. Nhà triết học Hy Lạp là Aristotele đưa ra quan điểm coi con người là “động vật chính trị”, sống có trách nhiệm với cộng đồng, là khoa học tổ chức lãnh đạo xã hội và con người. Thời kỳ phục hưng, chính trị được coi là hoạt động điều tiết hành vi của những cá nhân trong xã hội thông qua những quy định hay gọi là “khế ước” để mọi người chung sống theo một trật tự nhất định. Thời cận - hiện đại, xem chính trị là khát vọng tham gia quyền lực hay ảnh hưởng đến sự phân chia quyền lực giữa các quốc gia, giữa các tập đoàn người bên trong quốc gia (tiêu biểu nhất là quan điểm của nhà xã hội học người Đức - Max Weber). Quan điểm này, không xem chính trị hoạt động theo đuổi quyền lực mà chỉ là những mong muốn, khát vọng từ sự tương tác của khách quan.

Các quan niệm trên đây, tuy có những yếu tố hợp lý nhất định khi thể hiện được một khía cạnh, một nội dung nào đó nhưng chưa phản ánh được nội dung cơ bản của phạm trù chính trị, đó là một thực thể tồn tại trong đời sống xã hội gắn liền với Nhà nước, mang đậm tính giai cấp. Chỉ đến khi chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời, trên nền tảng thực tiễn thời đại, đã đưa ra những quan niệm, định nghĩa về chính trị một cách khoa học, phản ánh nội dung cơ bản, cốt lõi của phạm trù chính trị. Theo V.I Lênin, về bản chất “Chính trị là cuộc đấu tranh giữa các giai cấp; Chính trị là thái độ của giai cấp vô sản đang đấu tranh tự giải phóng mình chống giai cấp tư sản trên toàn thế giới” [153, tr.482]. Về phương thức, “Chính trị là một khoa học và nghệ thuật không phải từ trên trời rơi xuống mà đòi hỏi một sự cố gắng, rằng giai cấp vô sản muốn thắng giai cấp tư sản thì phải đào tạo lấy “những nhà chính trị giai cấp” thực sự của mình, những nhà chính trị vô sản và không thua kém các nhà chính trị của giai cấp tư sản” [153, tr.80-81]. Như vậy, theo chủ nghĩa Mác - Lênin, chính trị là công việc của Nhà nước gắn liền với xã hội, xoay quanh vấn đề

giai cấp, dân tộc để giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị, trong đó trung tâm là quyền lực nhà nước.

Từ những quan niệm nêu trên, có thể hiểu *Chính trị là một lĩnh vực cơ bản, quan trọng trong đời sống xã hội, là mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc xoay quanh vấn đề đấu tranh giành, giữ, tổ chức và sử dụng quyền lực nhà nước. Chính trị còn là sự tham gia của nhân dân vào công việc Nhà nước theo hệ tư tưởng của một giai cấp, đảng phái lãnh đạo, cầm quyền.*

Định nghĩa này tiếp cận chính trị từ hai phương diện cơ bản: chính trị với tư cách là quan hệ đặc biệt của các chủ thể chính trị với việc tổ chức thực thi quyền lực chính trị và chính trị với tư cách là hoạt động xã hội với sự tham gia của nhân dân vào các vấn đề liên quan nhà nước.

Cũng từ định nghĩa trên, cho thấy chính trị tồn tại ở nhiều phương diện khác nhau. Về phương diện tư tưởng, lý luận, đó là toàn bộ những quan điểm, tư tưởng, chủ trương, đường lối chính trị của một chính đảng nhằm giành chính quyền hoặc điều khiển bộ máy Nhà nước để phục vụ quyền lợi giai cấp mà chính đảng đó đại diện. Về phương diện thực tiễn, chính trị là những hoạt động tổ chức, điều khiển, thực thi quyền lực Nhà nước; là hoạt động của một giai cấp, một đảng phái nhằm giữ gìn và thực thi quyền lực Nhà nước; là toàn bộ những hoạt động của dân chúng liên quan đến nhà nước được thực thi thông qua giác ngộ và tổ chức quần chúng đấu tranh. Đề tài này tiếp cận chính trị chủ yếu ở khía cạnh tư tưởng, lý luận, cụ thể là niềm tin chính trị. Nhưng, niềm tin trên cơ sở hoạt động chính trị, tri thức chính trị, lý tưởng chính trị và bản lĩnh chính trị của một cá nhân, một giai cấp, một dân tộc.

Nghiên cứu niềm tin chính trị cũng tùy thuộc vào mỗi chủ thể hay đối tượng khác nhau để có cách tiếp cận khác nhau. Đến nay, chủ đề này cũng được các nhà khoa học, nhất là các nhà khoa học chính trị tập trung nghiên cứu và đưa ra nhiều quan niệm khác nhau. Tác giả Nguyễn Văn Huyền, khi đề cập đến niềm tin chính trị, đã cho rằng: “Niềm tin chính trị là sự tin tưởng về

sự đúng đắn của một lý tưởng chính trị... Niềm tin chính trị đúng là niềm tin vào một chính trị có mục đích phù hợp với tất yếu cuộc sống, với nguyện vọng chân chính của con người” [107, tr.262]. Tác giả Nguyễn Quang Hùng trong luận án tiến sĩ *Niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay* xác định: “Niềm tin chính trị là sự định hướng giá trị được xác định vững chắc trong tư tưởng, nhận thức và chi phối hành động của cá nhân trong cuộc sống vì sự phát triển và tiến bộ con người, luôn hướng con người tìm đến các giá trị chân - thiện - mỹ để tạo dựng nhân cách [54, tr.38]. Tác giả bước đầu luận giải cơ sở hình thành niềm tin chính trị trên kinh nghiệm thực tiễn, tri thức khoa học chính trị, lập trường triết học duy vật biện chứng và trong mối quan hệ xã hội. Niềm tin chính trị tạo động lực tinh thần mạnh mẽ thúc đẩy tính tích cực thực tiễn của con người, góp phần xây dựng xã hội phát triển” [54, tr.38]. Tác giả Nguyễn Hữu Lập trong luận án tiến sĩ *Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn* đưa ra khái niệm về niềm tin chính trị “là sự thừa nhận tính đúng đắn, xác thực, ưu việt, hoặc tính lỗi thời, lạc hậu của một hệ tư tưởng hay một thể chế chính trị nhất định” [68, tr.87].

Tác giả Trần Viết Quân đưa ra khái niệm: “Niềm tin chính trị được hình thành từ kinh nghiệm chính trị và tri thức khoa học chính trị. Thông qua đó, chủ thể củng cố tình cảm, đạo đức và lý tưởng chính trị, rồi chuyển thành hành động chính trị trong hoạt động chính trị thực tiễn để đạt tới mục đích chính trị, mục tiêu đã chọn” [104, tr.20]. Tác giả Nguyễn Thị Thành khi nghiên cứu niềm tin chính trị trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Niềm tin chính trị là yếu tố hết sức quan trọng trong hoạt động chính trị. Niềm tin chính trị được hình thành và củng cố dựa trên cơ sở tri thức khoa học cùng với tình cảm và lý tưởng chính trị. Ở góc độ khác, tác giả Quách Thị Minh Thúy cho rằng, “Niềm tin chính trị là sự tin tưởng về sự đúng đắn của một lý tưởng chính trị, được quy định bởi tri thức chính trị, lý tưởng chính trị và bản lĩnh chính trị. Nếu tri thức, lý tưởng, bản lĩnh chính trị đúng cho ta niềm tin chính trị đúng” [134].

Với những khái niệm trên đây, về cơ bản các tác giả đều thống nhất những nội dung, nội hàm của niềm tin chính trị, đó là sự thừa nhận, xác lập niềm tin vào một lý tưởng chính trị và hoạt động chính trị nào đó; được hình thành dựa trên nhận thức cảm tính và lý tính, đặc biệt là những tri thức khoa học và trải nghiệm thực tiễn; Nó có vai trò quan trọng, định hướng đúng đắn cho thái độ, tình cảm, hành vi và mục đích chính trị. Những điểm chung này cũng là đặc trưng cơ bản trong nội hàm của niềm tin chính trị.

Như vậy, có thể hiểu: *Niềm tin chính trị là sự thừa nhận, xác thực của cá nhân hay cộng đồng vào sự đúng đắn hay không đúng đắn về một hệ tư tưởng, học thuyết chính trị hay một thể chế chính trị nhất định dựa trên nhận thức, tri thức chính trị và trải nghiệm thực tiễn. Niềm tin chính trị là nền tảng, trụ cột tinh thần, bảo đảm ổn định tư tưởng chính trị trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu chính trị.*

Từ định nghĩa này, có thể rút ra những nội dung cơ bản của niềm tin chính trị, đó là:

Sự tin tưởng, thừa nhận và xác thực của chủ thể niềm tin vào một hệ tư tưởng, chủ thuyết chính trị hay một thể chế chính trị nhất định. Đặc tính này phải được thể hiện trong cả quá trình tiếp cận, nghiên cứu, vận dụng và triển khai trong thực tiễn.

Tính ổn định tương đối trong bối cảnh nhất định, theo đuổi và thực hiện lý tưởng chính trị, thường không bị lung lay trước những thay đổi, tác động từ bên ngoài. Đồng thời, thể hiện một thái độ rõ ràng, kiên quyết và dứt khoát, thậm chí là đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc làm xói mòn niềm tin chính trị.

Các chủ thể của niềm tin chính trị, tích cực tổ chức giáo dục, giác ngộ người khác tin tưởng, tham gia các hoạt động chính trị để đạt mục đích chính trị của mình trong thực tiễn.

Niềm tin chính trị đúng đắn, khoa học được Hồ Chí Minh, Đảng ta lựa chọn, tin theo là chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường cách mạng vô sản để

giải phóng dân tộc. Niềm tin chính trị đó đã được “vật chất hóa” khi đi vào thực tiễn cách mạng từ khi Đảng ra đời, lãnh đạo và giành được những thắng lợi to lớn, vẻ vang. Dem lại độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân, tiếp tục xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2.1.3. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhà hoạt động chính trị lỗi lạc, kiến trúc sư của nền chính trị cách mạng Việt Nam. Đó là nền chính trị dân chủ, quyền lực thuộc về nhân dân, xuất phát từ nhân dân và phục vụ lợi ích cho nhân dân. Trong đó, niềm tin chính trị đóng vai trò quan trọng, là điểm tựa tinh thần, định hướng tư tưởng, hành động của cả hệ thống chính trị ở Việt Nam, đi theo lý tưởng chính trị đúng đắn, phù hợp là chủ nghĩa Mác - Lênin, được vận dụng sáng tạo vào thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Nghiên cứu niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là nghiên cứu niềm tin của một lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, thể hiện trong suốt cuộc đời hoạt động chính trị của Người. Đó là niềm tin vào vai trò, sức mạnh của Nhân dân và hệ tư tưởng, lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng, phát triển sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Đó là niềm tin vào con đường cách mạng vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng. Niềm tin vào quy luật thiện sẽ thắng ác, chính nghĩa sẽ thắng phi nghĩa, nhờ đó, đã nhận được sự ủng hộ tích cực của các lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở cá nhân Người mà còn được lan tỏa, xâm nhập và trở thành niềm tin của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

Nghiên cứu niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là nghiên cứu một cách có tính hệ thống, từ cơ sở hình thành, nội dung cơ bản đến giá trị lý luận và thực tiễn. Tác giả Nguyễn Thị Thành khi nghiên cứu niềm tin chính trị trong *Di*

chức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã luận giải bốn cơ sở chủ yếu hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh: Từ niềm tin vào sức mạnh to lớn, vô địch của nhân dân và truyền thống yêu nước của dân tộc; Từ sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam; Từ tính tất yếu của thắng lợi chính nghĩa và sự thất bại không thể tránh khỏi của của chiến tranh xâm lược phi nghĩa, trái đạo lý, phản nhân văn mà đế quốc Mỹ gây ra; Từ nhân quan chính trị nhạy bén, sắc sảo và tầm nhìn xa trông rộng của Hồ Chí Minh. Tác giả Nguyễn Viết Chức trong bài viết *Niềm tin Hồ Chí Minh* đã khẳng định niềm tin Hồ Chí Minh là sự tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Niềm tin này xuất phát từ các yếu tố: Chân lý thời đại - không có gì quý hơn độc lập tự do; Truyền thống tốt đẹp của dân tộc - chủ đạo là yêu nước và đoàn kết; Sức mạnh vô địch của khối đoàn kết toàn dân. Tác giả Nguyễn Hữu Lập đã đề cập đến những nội dung cơ bản của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là tin vào quy luật khách quan và xu thế thời đại, gắn với học thuyết Mác - Lênin, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tin tưởng vào sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới.

Từ những quan điểm đã nêu trên, có thể xác định: *Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là sự thừa nhận, xác thực của Hồ Chí Minh vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vào con đường cách mạng vô sản, con đường thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, vào vai trò sức mạnh của Nhân dân và sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới, dựa trên cơ sở tri thức khoa học, tình cảm cách mạng và trải nghiệm thực tiễn của Người. Niềm tin đó đã lan tỏa mạnh mẽ trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, trở thành điểm tựa tinh thần, động lực, sức mạnh vô cùng to lớn để đấu tranh giành độc lập, thống nhất và xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh.*

Khái niệm này có mấy điểm đáng chú ý sau:

Thứ nhất, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là sự tin tưởng, thừa nhận và xác thực của Người vào con đường cách mạng vô sản dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, vào sức mạnh to lớn của Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới đối với cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, sự tin tưởng, thừa nhận, xác thực đó không phải chủ quan, duy tâm, “bỗng dưng tự có” mà dựa trên cơ sở tri thức khoa học, tình cảm cách mạng và những trải nghiệm thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Thứ ba, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh không dừng lại trong tư tưởng, quan điểm mà biến thành hành động, được minh chứng và hiện thực hóa trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Thứ tư, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở niềm tin của cá nhân mà nó trở thành động lực, sức mạnh cho niềm tin của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam để vượt qua khó khăn, thử thách, mang lại những thắng lợi to lớn, vẻ vang.

Phân biệt khái niệm niềm tin chính trị Hồ Chí Minh với tư tưởng Hồ Chí Minh về niềm tin chính trị. Tư tưởng Hồ Chí Minh về niềm tin chính trị là hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh thể hiện sự tin tưởng vào lý tưởng, con đường, mục tiêu và động lực cách mạng, thực hiện thắng lợi công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh về niềm tin chính trị là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng, và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện qua hệ thống quan điểm mà còn được thể hiện qua phong cách, phương pháp và nghệ thuật chính trị, từ nhận thức, tình cảm đến hành động chính trị một cách đầy khí phách và bản lĩnh. Nói cách khác, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh không chỉ trong tư tưởng chính trị mà còn thể hiện bằng hành động chính trị theo lý tưởng, ham

muốn tốt bậc tận trung với nước, tận hiếu với dân và tận hiến đời mình cho dân tộc và cách mạng. Ngược lại, những hành động chính trị, ứng xử chính trị, phương pháp và phong cách chính trị Hồ Chí Minh trên cơ sở nhận thức, tri thức chính trị của Hồ Chí Minh tích lũy trong quá trình học tập và hoạt động thực tiễn. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh luôn thống nhất từ tư duy, lời nói đến hành động chính trị. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là “cầu nối” giữa tư tưởng chính trị và hành động chính trị, thúc đẩy hành động chính trị theo một lý tưởng nhất định. Do vậy, nghiên cứu niềm tin chính trị Hồ Chí Minh phải đảm bảo tính toàn diện, đầy đủ từ nhận thức, quan điểm, tư tưởng đến các hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh.

Nếu cắt nghĩa niềm tin là sự tin tưởng, tin cậy, định hướng và thúc đẩy hành động thì niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là sự thống nhất giữa lý luận cách mạng và phương pháp cách mạng. Là một chuẩn mực hành động trong hoạt động chính trị của cán bộ, đảng viên của Đảng. Chuẩn mực chính trị ấy là sự tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vào các tổ chức cách mạng, vào quần chúng nhân dân, vào nền hòa bình, dân chủ và tiến bộ nhân loại. Hồ Chí Minh đã cảm hóa quần chúng nhân dân trong nước, nhân dân các nước thuộc địa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới bằng niềm tin chính trị của mình. Đây là lý giải thuyết phục nhất, vì sao Hồ Chí Minh được Đại hội đồng UNESCO thừa nhận, vinh danh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam. Đồng thời, cũng lý giải cho những thắng lợi của cách mạng Việt Nam - một nước thuộc địa nhỏ bé, nghèo nàn lạc hậu, lại chiến đấu và chiến thắng thực dân, đế quốc để giành và giữ được nền độc lập - tự do của dân tộc. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đứng vững trên những giá trị chính nghĩa, nhân đạo, văn minh nên không những đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của những người cùng chiến tuyến cách mạng, của những lực lượng yêu chuộng hòa bình mà còn chống lại những tư tưởng hiếu chiến, hành động phi nghĩa. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng trong việc thực

hiện các mục tiêu chính trị mà Người đề ra, lãnh đạo và tổ chức thực hiện cho cách mạng Việt Nam.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh thể hiện rõ nét từ khi ra đi tìm đường cứu nước và được định hình khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, hình thành đường lối giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Niềm tin chính trị của Người được cụ thể hóa khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930), khẳng định và phát triển từ khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Niềm tin đó tiếp tục được bổ sung, phát triển và hiện thực hóa trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh góp phần minh chứng cụ thể cho bản lĩnh và tâm vóc chính trị của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiến tạo niềm tin chính trị Việt Nam trong thời đại mới, lan tỏa rộng rãi và truyền cảm hứng mạnh mẽ cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong kỷ nguyên độc lập dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Niềm tin đó không chỉ đứng vững trên nền tảng niềm tin chính trị của dân tộc (trọng dân và chính nghĩa) mà còn bằng trí tuệ, tài năng và bản lĩnh của mình, đã kế thừa những giá trị niềm tin tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa chính trị nhân loại, bổ sung và phát triển thành niềm tin chính trị Việt Nam hiện đại, mang bản sắc riêng của Việt Nam, phù hợp với xu thế thời đại.

2.2. CƠ SỞ HÌNH THÀNH NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

2.2.1. Cơ sở tư tưởng - lý luận

Kế thừa giá trị tốt đẹp, truyền thống lạc quan của dân tộc

Qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã tạo lập những giá trị tinh thần truyền thống tốt đẹp và cao quý. Những giá trị đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến phẩm chất, nhân cách và thế giới quan niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Đầu tiên là giá trị của chủ nghĩa yêu nước và ý chí chống giặc ngoại xâm kiên cường, bất khuất để dựng nước và giữ nước. Trong lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam, đã phải trải qua nhiều cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc, hình thành nên chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Truyền thống yêu nước của dân tộc là

nguồn gốc sâu xa, hình thành nên lòng yêu nước, thương dân tha thiết của Hồ Chí Minh và thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước. Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [79, tr.38]. Chủ nghĩa yêu nước cũng chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tạo nên niềm tin, ý chí và sức mạnh để Hồ Chí Minh tìm đường, chọn đường, dẫn đường cho cách mạng Việt Nam.

Thứ hai là truyền thống đoàn kết, nhân nghĩa của dân tộc. Xuất phát từ như cầu trị thủy của nền văn minh lúa nước và yêu cầu của việc đấu tranh chống ngoại bang xâm lược, thống trị, nhân dân ta qua chiều dài lịch sử đã hun đúc nên tinh thần đoàn kết, nhân nghĩa và đã ảnh hưởng lớn đến thế giới quan niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Người đặc biệt coi trọng tinh thần đoàn kết toàn dân, tinh thần đoàn kết quốc tế, nhất là sức mạnh đoàn kết của giai cấp vô sản trên toàn thế giới trong cuộc hành trình đánh đổ ách áp bức, bóc lột, thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Đối với cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh tin tưởng rằng, đoàn kết gắn liền với thành công (Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công), “đoàn kết làm nên sức mạnh”, “đoàn kết là điểm tựa”, là nhân tố góp phần đưa đến những thắng lợi vẻ vang cho dân tộc. Cùng với tinh thần đoàn kết, nghĩa đồng bào, tình đồng chí cũng đóng vai trò rất quan trọng đối với việc hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Lời căn dặn của Hồ Chí Minh “Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được” [87, tr.668] là cũng không nằm ngoài truyền thống đoàn kết, nhân nghĩa vốn có của dân tộc.

Một trong những nhân tố ảnh hưởng lớn đến thế giới quan niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là các giá trị văn hóa, tư tưởng truyền thống của dân tộc đặc

biệt là ý thức, quan điểm chính trị tiến bộ, nhân văn trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Niềm tin chính trị của nhân dân về nền độc lập, tự chủ của dân tộc được thể hiện rõ trong quá trình đấu tranh chống ngoại bang xâm lược. Ý thức độc lập, tự chủ khởi đầu từ việc đoạt chức Tiết độ sứ của Khúc Thừa Dụ, đến “Chiếu dời đô” của Lý Công Uẩn, “Nam quốc sơn hà” của Lý Thường Kiệt, “Hịch tướng sĩ” của Trần Hưng Đạo, “Bình Ngô Đại cáo” của Nguyễn Trãi, “Hịch xuất quân” của Quang Trung - Nguyễn Huệ... Niềm tin chính trị thân dân, lấy dân làm gốc là dòng tư tưởng xuyên suốt, chi phối đời sống chính trị Việt Nam qua các thời kỳ. Lịch sử dân tộc đã chứng minh, khi nào nền chính trị lấy dân làm gốc, khi đó, nền độc lập được bảo đảm và giữ vững. Ngược lại, không chăm lo bồi dưỡng sức dân, thời đại đó không tránh khỏi loạn lạc, suy tàn, thậm chí mất nước. Sự thất bại của nhà Hồ trong lịch sử là minh chứng cho điều đó. Sau này, Hồ Chí Minh đã tổng kết “Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn” [75, tr.526].

Lạc quan, yêu đời là một đức tính của người Việt Nam. Xuất phát từ lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta phải đương đầu với nhiều kẻ thù lớn mạnh hơn nhiều lần cả về quân sự lẫn kinh tế. Tuy nhiên, nhân dân Việt Nam luôn lạc quan, tin tưởng vào sự thắng lợi của mình. Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, lịch sử, hiện tại và tương lai tươi sáng, lạc quan càng được thể hiện rõ trên con đường của độc lập, tự do, hướng tới hạnh phúc. Nhà nghiên cứu Trần Văn Giàu cho rằng: “Trong tư tưởng lạc quan có một lòng tin mãnh liệt. Nhưng lòng tin đó, không phải là một sự tin tưởng có tính chất tôn giáo, mà là một sự tin tưởng có tính chất khoa học, nghĩa là có căn cứ thực tế, dựa trên suy lý chắc chắn, bằng vào kinh nghiệm lịch sử [34, tr.351]. Lạc quan là gốc của tinh thần chiến đấu, chiến đấu với khí phách của người chiến thắng, hay ít ra là với khí phách của người dọn đường cho sự chiến thắng.

Thực tiễn lịch sử dân tộc, từ buổi bình minh dựng nước, những truyền như Thánh Gióng đánh giặc Ân mạnh như thế nhưng ta không hoảng hốt, mà khấn trương chuẩn bị chiến đấu với khí thế bồng bồng; Truyện Sơn Tinh - Thủy Tinh nói về công tác trị thủy để canh nông, đã toát lên tinh thần lạc quan, có thể khắc chế lũ lụt, chinh phục thiên tai và cải tạo tự nhiên. Hay thần Kim Quy giúp An Dương Vương xây dựng thành Cổ Loa, đã chứng minh con người thắng thiên nhiên bằng sức lao động cần cù, thông minh. Thời kỳ Bắc thuộc hơn một ngàn năm, nhân dân ta đã nổi dậy đấu tranh biết bao lần thất bại, nhưng không nản chí sờn lòng, “thua phen này vẫn quyết bày phen khác”, tiếp tục đấu tranh cho kỳ được để giành độc lập dân tộc. Qua đó cho thấy, tư tưởng yêu nước luôn đi cùng với tinh thần lạc quan. Lạc quan đáng quý nhất là lạc quan trong hoàn cảnh gian truân tốt độ. Hai đức tính này của người Việt đã nuôi dưỡng ý chí chiến đấu và quyết tâm thắng lợi cuối cùng.

Lịch sử dân tộc vào nửa sau thế kỷ XIX đã chứng kiến ách đô hộ, thống trị hà khắc của thực dân, phong kiến tay sai. Không chịu khuất phục, nhiều cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai nổ ra mạnh mẽ, rộng khắp. Nhất là từ khi phong trào công nhân phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đặc biệt, có sự xuất hiện là nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc, mang trong mình tinh thần yêu nước sục sôi, tư tưởng lạc quan vào cuộc đấu tranh giành thắng lợi của dân tộc dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin.

Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy tối đa những giá trị từ niềm tin, tinh thần lạc quan của dân tộc, nhất là chú trọng và quý trọng sức dân, tin tưởng tuyệt đối vào sức dân, “Phải biết quý trọng sức người là vốn quý nhất của ta. Chúng ta cần hết lòng chăm sóc sức khỏe và sử dụng thật hợp lý sức lao động của nhân dân ta” [85, tr.70]. Chú trọng văn hóa truyền thống, Người cho rằng: Càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin bao nhiêu thì càng phải coi trọng những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cha ông bấy nhiêu. Yêu nước là phải biết trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa phong phú của dân

tộc. Trong xây dựng đời sống mới “không phải cái gì cũ cũng bỏ hết... Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm” [77, tr.112-113]. Đó còn là việc phát huy tinh thần đoàn kết và khẳng định ý thức về chủ quyền quốc gia dân tộc, điều này được khẳng định trong Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” [76, tr.3]. Có thể thấy, Hồ Chí Minh luôn lấy lợi ích của quốc gia, dân tộc làm trọng. Độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân luôn là khát vọng, là động lực tạo nên sức mạnh cho niềm tin và là mục đích cao nhất của Hồ Chí Minh trong quá trình hoạt động cách mạng. Hồ Chí Minh từng nói: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu” [129, tr.49]. Vì vậy, niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh luôn mang đậm tính dân tộc và là một điển hình của niềm tin chính trị Việt Nam.

Theo tác giả Trần Văn Giàu, lạc quan không chỉ là một tư tưởng, mà “Tin vào sức mình, tin vào thắng lợi của chính nghĩa, tin vào tương lai vẻ vang của dân tộc, vốn là đức tính của nhân dân Việt Nam [34, tr.363]. Thời kỳ lịch sử hiện đại, nhân dân Việt Nam có Đảng lãnh đạo, “tư tưởng lạc quan càng có cơ sở khoa học, lòng tin vào sức mạnh của nhân dân, vào tất thắng của chính nghĩa càng vững chắc hơn bao giờ hết” [34, tr.363]. Sự kế thừa, tiếp thu tinh thần lạc quan trong truyền thống dân tộc của Hồ Chí Minh được đồng chí Phạm Văn Đồng khái quát: “Hồ Chủ tịch thường nói: Không có cái gì dễ mà cũng không có cái gì khó. Nghĩa là có dễ đi nữa thì cũng phải phấn đấu mới thành công, còn khó đến mấy mà quyết tâm phấn đấu, phấn đấu có phương pháp, có kế hoạch thì cũng thắng lợi [27, tr.45]. Điều này thể hiện tinh thần chiến đấu và cách mạng của kẻ bị áp bức, luôn kiên trì, nhẫn nại và quyết tâm

trong học tập, lao động và sinh hoạt hàng ngày. Đây cũng là “bài học tin tưởng vào sức mạnh vô cùng của dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới, vào sự thắng lợi chắc chắn ngày mai, vào vinh quang của sự nghiệp. Cho nên đây là bài học lạc quan chủ nghĩa của kẻ chiến đấu và chiến thắng” [27, tr.45].

Tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa, văn minh nhân loại, góp phần hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh

Với trải nghiệm thực tiễn đa dạng, phong phú ở nhiều quốc gia trên thế giới, Hồ Chí Minh đã tiếp thu, chọn lọc các giá trị văn hóa, văn minh của nhân loại, góp phần hình thành niềm tin chính trị của mình.

Đối với văn hóa, văn minh phương Đông, tiếp cận với Nho giáo, Phật giáo từ khá sớm trong môi trường gia đình và nhà trường, nên niềm tin chính trị Hồ Chí Minh sớm được củng cố và làm phong phú thêm. Trong Nho giáo có tư duy “lấy dân làm gốc” (dĩ dân vi bản), cho rằng, trời sinh ra dân rồi mới đặt vua để phục vụ dân. Dân là con trời nên ý dân là ý trời, có được lòng dân là có được giang sơn, đất nước. Từ đó Nho giáo đề cao sức mạnh của dân: “Chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân” [155, tr.203]. Với chủ trương “phò đời, giúp nước”, hành đạo giúp đời của Nho giáo, nên nước thịnh hay suy thì mỗi người dân đều phải có trách nhiệm. Nho giáo đề cao tinh thần phục vụ nhân dân, xem quan lại là công bộc, xã tắc thái bình, thịnh trị là công lao của nhân dân, ngược lại, xã tắc biến loạn, suy yếu là lỗi của vua [133, tr.82]. Niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi các quan điểm này. Đặt niềm tin vào các giá trị tích cực của Nho giáo, Hồ Chí Minh đã từng nhiều lần nhắc lại lời của Mạnh Tử: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” [73, tr.48] (dân là quý, thứ đến đất nước, vua coi nhẹ). Từ đó khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của dân” [82, tr.453]. Nếu biết vận dụng sức dân thì “việc gì khó khăn mấy và to lớn mấy, nhân dân cũng làm được” [82, tr.492], dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu

cũng xong. Nếu như Nho giáo đề cao nghĩa cử trung quân, ái quốc thì Hồ Chí Minh đặt niềm tin vào những người chiến sĩ, cán bộ cách mạng trung với nước, hiếu với dân. Nho giáo đề cao xu hướng tập quyền của thiết chế chính trị thì Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến chủ nghĩa tập thể, tinh thần dân tộc. Trong Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh nêu lên luận điểm rất độc đáo: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước [73, tr.511]. Theo Người, trong cách mạng giải phóng dân tộc, “người ta sẽ không làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ” [76, tr.480].

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh cũng ảnh hưởng từ các giá trị của Phật giáo. Trong đó, tư tưởng, đạo đức của người chiến sĩ, cán bộ cách mạng Hồ Chí Minh được thấm thái từ tư tưởng và đạo đức nhà Phật. Tiêu biểu như lòng từ bi, đức hi sinh, tinh thần khoan dung, độ lượng, cứu khổ, cứu nạn, nếp sống giản dị, trong sạch hướng tới một xã hội đại đồng theo tinh thần của Phật giáo. Phật giáo đặt niềm tin vào lòng từ bi, đức hi sinh của con người thì Hồ Chí Minh đặt niềm tin vào tinh thần nhân nghĩa, nhân đạo và đấu tranh giải phóng con người khỏi ách nô lệ, bần cùng, lạc hậu.

Đối với văn hóa, văn minh phương Tây, các giá trị tốt đẹp của tự do, dân chủ và bình đẳng đã góp phần hình thành niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh. Thực tiễn hoạt động ở phương Tây từ giữa năm 1911 đến Pháp, năm 1912 đến Mỹ, năm 1913 sang Anh về cuối năm 1917, Nguyễn Ái Quốc từ Anh trở lại Paris, Pháp (Trung tâm văn hóa, chính trị của Châu Âu lúc đó) để sinh sống, hoạt động cách mạng. Các trào lưu triết học và các trường phái nghệ thuật nổi tiếng thế giới phần lớn đều được hình thành và thể hiện tại đây. Sống giữa nơi hợp lưu của các dòng tư tưởng, văn hóa tiên bộ, Hồ Chí Minh có điều kiện thuận lợi để thấm thái vốn tri thức của thời đại, nhất là truyền thống văn hóa dân chủ của Pháp. Đến với quê hương của lý tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, Hồ Chí Minh đọc các tác phẩm lý luận thời kỳ phục hưng của

Montesquieu, Rousseau, Voltaire. Tư tưởng dân chủ của các nhà khai sáng đã góp phần củng cố vững chắc thêm niềm tin, lý tưởng của Hồ Chí Minh, đồng thời, bồi dưỡng cho Người khả năng phân tích, làm việc dựa trên tư duy biện chứng khoa học và phong cách dân chủ, hiện đại.

Tin tưởng vào các giá trị tiến bộ từ bản *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ năm 1776, Hồ Chí Minh đã chủ động tiếp cận và tiếp thu tư tưởng nhân quyền với nội dung là quyền tự do cá nhân thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Nội dung nhân quyền được Người nâng lên một tầm cao mới trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945. Trong các quyết sách chính trị Hồ Chí Minh luôn xem trọng tinh thần nhân văn, tính bình đẳng giữa các giai cấp, tầng lớp. Thể hiện rõ nhất là qua những lời tuyên bố đầy khí thế hào hùng trong bản *Tuyên ngôn độc lập* rằng: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc [76, tr.1-2]. Khẳng định sự bình đẳng về quyền lợi trong bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Pháp năm 1791, “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” [76, tr.1]. Một trong những công hiến của Hồ Chí Minh, chính là “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [76, tr.1-2].

Tư duy chính trị duy lý phương Tây cũng là yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Đó là kiểu tư duy coi trọng và đề cao quyền con người, luôn tôn trọng các quy luật vận động, phát triển của tự nhiên và xã hội. Tư duy đó được Hồ Chí Minh tiếp thu trong quá trình hoạt động thực tiễn, thể hiện ở quan niệm về quyền con người, ở tư tưởng tôn trọng tự do cá nhân trên mọi phương diện: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và tự do tín ngưỡng tôn giáo. Trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt nam

Dân chủ cộng hòa đã khẳng định quyền tự do tất yếu của con người. Tư tưởng và hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh luôn hướng tới con người, lấy con người làm trung tâm của mọi mục tiêu, phương thức và giá trị.

Củng cố, phát triển niềm tin chính trị Hồ Chí Minh trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Cơ sở lý luận quan trọng nhất để định hình và phát triển niềm tin chính trị Hồ Chí Minh chính là chủ nghĩa Mác - Lênin. Bởi, nếu không có định hướng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội khó có thể hình thành và niềm tin vào con đường cách mạng vô sản, đấu tranh giải phóng dân tộc cũng không thể tồn tại. Chỉ khi tiếp cận, học tập và nghiên cứu chủ nghĩa này, niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh mới thực sự được xác lập, từng bước bổ sung và phát triển.

Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin gắn với quá trình khảo nghiệm thực tiễn, nghiên cứu lý luận, xác lập niềm tin, lý tưởng vào con đường giải phóng dân tộc. Sau khi tìm hiểu sự thật đằng sau khẩu hiệu “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” của phương Tây, Người tập trung nghiên cứu, chọn lọc trong kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin những giá trị cốt lõi, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nhờ vậy, niềm tin vào con đường độc lập và chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh, ngày càng được củng cố vững chắc. Người khẳng định: “Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác” [76, tr.315]. Chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lý luận chủ yếu cho các quan điểm và niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác - Lênin cung cấp cho Hồ Chí Minh thế giới quan, phương pháp luận khoa học, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; đồng thời, định vị thế giới quan, lập trường của Hồ Chí

Minh về niềm tin vào hệ tư tưởng của giai cấp công nhân và con đường đấu tranh giải phóng dân tộc.

Niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh bắt đầu được hình thành, phát triển và củng cố vững chắc khi tiếp cận và nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin. Người luôn nhấn mạnh, yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc không chỉ là phẩm chất riêng của những người cộng sản, nó còn có trong hàng triệu người trong Đảng cũng như ngoài Đảng Cộng sản. Nhưng chỉ có Đảng của giai cấp công nhân, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin mới có đường lối đúng đắn để giải phóng dân tộc, tự lập trường yêu nước truyền thống phát triển thành chủ nghĩa yêu nước cộng sản. Trong bài viết *Con đường dẫn tôi đến Chủ nghĩa Lênin*, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cẩm nang” thần kỳ... cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản” [84, tr.563]. Cho thấy, chủ nghĩa Mác - Lênin đã nâng tầm sức mạnh niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh về con đường thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với tinh thần “học Chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng nước ta, cho hợp với điều kiện đặc biệt của nước ta. Khi vận dụng thì bổ sung, làm phong phú thêm lý luận bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng của ta” [83, tr.96], Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam bằng tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Sau nhiều năm hoạt động ở nước ngoài, đầu năm 1941, Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người đặt tên “suối Lênin”, “núi Các Mác” ở Pắc Pó hùng vĩ như là một sự tri ân sâu sắc đối với công lao của các nhà tư tưởng vĩ đại, cung cấp cơ sở lý luận để tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến chống thực dân, đế quốc và xây dựng nước nhà. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh để sẵn mấy lời “Phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các

Mác, cụ Lenin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột” [87, tr.611]. Qua đó, cho thấy Hồ Chí Minh luôn kiên định niềm tin của mình đối với chủ nghĩa Mác - Lenin và các vị sáng lập ra chủ nghĩa ấy.

2.2.2. Cơ sở thực tiễn Việt Nam và thế giới

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được hình thành từ thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đến cuối thập niên 60 thế kỷ XX.

Thực tiễn luôn là nguồn cung cấp chất liệu vô cùng phong phú, sinh động để làm giàu cho tư duy, đồng thời đặt ra những yêu cầu buộc tư duy phải tìm lời giải. Bối cảnh xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX xuất hiện hàng loạt vấn đề lớn cần được luận giải: lực lượng nào đủ khả năng gánh vác sứ mệnh cứu nước, cứu dân; con đường cách mạng nào phù hợp quy luật phát triển của dân tộc và thời đại; ngọn cờ tư tưởng nào có thể quy tụ, tập hợp và khơi dậy sức mạnh toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giải phóng. Những câu hỏi đó đòi hỏi những người có tư duy chính trị tiến bộ, có niềm tin sâu sắc vào chân lý truyền thống của dân tộc: lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo. Trong bối cảnh ấy, Nguyễn Ái Quốc Hồ Chí Minh xuất hiện như một tất yếu lịch sử. Từ thực tiễn dân tộc và thời đại, với tầm nhìn vượt trước và trách nhiệm đối với Tổ quốc, Người từng bước hình thành thế giới quan và niềm tin chính trị riêng, khác biệt căn bản so với nhiều sĩ phu yêu nước đương thời, mở ra con đường mới cho cách mạng Việt Nam.

Những yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn đất nước là cơ sở để củng cố niềm tin, ý chí và khát vọng, thúc đẩy hành động tìm con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh. Ngày 1 tháng 9 năm 1858, liên quân Pháp và Tây Ban Nha nổ súng đánh vào Đà Nẵng, mở đầu cho sự xâm lược Việt Nam. Quân đội triều đình và nhân dân chống trả quyết liệt, đến nửa cuối thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn đầu hàng thực dân Pháp bằng việc ký Hiệp ước Hác-măng năm 1883 và Hiệp ước Pa-tơ-nốt năm 1884, đánh dấu nước Việt Nam phong

kiến độc lập, có chủ quyền đã trở thành thuộc địa của Pháp. Mặc dù vậy, các phong trào đấu tranh chống thực dân pháp và phong kiến tay sai vẫn tiếp tục nổ ra mạnh mẽ sau sự kiện này. Tiêu biểu là phong trào Cần Vương, phong trào nông dân Yên Thế do Hoàn Hoa Thám lãnh đạo, phong trào Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực... Tuy nhiên, do thiếu một đường lối cách mạng đúng đắn nên các phong trào đấu tranh chống Pháp không thành công. Thất bại của các phong trào này cho thấy sự bất lực của ý thức hệ phong kiến và dân chủ tư sản trước yêu cầu của lịch sử dân tộc. Nguyên nhân của sự thất bại này là do sự khủng hoảng, bế tắc về mặt đường lối cứu nước, cứu dân. Thực tế của lịch sử dù có phần bi thương nhưng nó cũng chính là cơ sở để Hồ Chí Minh đúc rút thêm được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Rất khâm phục ý chí và tinh thần đấu tranh của các bậc tiền bối, những Hồ Chí Minh không đi theo con đường cũ mà ra nước ngoài để tìm kiếm một con đường cứu nước mới cho thấy niềm tin và ý chí mãnh liệt được định hình từ sớm trong tư duy của Người. Niềm tin và ý chí đó càng được bồi đắp, nhân lên nhờ ảnh hưởng chí lớn của người Cha và đức hi sinh từ người Mẹ; sự quan sát và trải nghiệm của Hồ Chí Minh trong những ngày tháng ở quê nhà Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Bình Thuận và Sài Gòn.

Tình cảnh đồng bào dưới ách thống trị, đô hộ của thực dân Pháp và phong kiến tay sai, Hồ Chí Minh đã chứng kiến, nếm trải và thấm thía thân phận cùng khổ của người dân nô lệ, mất nước: áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa - xã hội. Theo Cha đi nhiều nơi, được tiếp xúc với các sĩ phu yêu nước và nghe họ bàn luận việc nước đã giúp Hồ Chí Minh hiểu rõ hơn về thời cuộc và sự day dứt của các thế hệ cha anh trước cảnh nước mất, nhà tan. Những gì học được, nghe được, kèm theo những chỉ dạy của gia đình, đối với Hồ Chí Minh là những bài học hết sức sống động, có ấn tượng mạnh mẽ. “Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này

thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi” [39, tr.30]. Đi sang phương Tây nhưng bằng con đường nào và phương thức thực hiện ra sao là những câu hỏi vẫn còn bỏ ngỏ.

Sang phương Tây để tìm đường cứu nước được định hình khi Người đọc được khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” tại trường Tiểu học Pháp - Việt, thành phố Vinh, Nghệ An. Tư tưởng dân chủ, tự do, bác ái đến với Người như một sự tình cờ nhưng lại có sức lôi cuốn đến kì lạ. Sau này Người biết đó là những khẩu hiệu nổi tiếng từ cách mạng tư sản Pháp năm 1789 đã đề ra. Lại thay, những gì mà thực dân Pháp thể hiện trên đất nước Việt Nam hoàn toàn khác với khẩu hiệu này. Khi còn học sinh trường Quốc học Huế, có điều kiện hơn để tìm hiểu về tinh thần dân chủ, khai phóng của cách mạng tư sản Pháp càng thôi thúc Hồ Chí Minh theo đuổi mục tiêu riêng của mình bằng bầu nhiệt huyết yêu nước, thương dân. Với tư duy, để bấp cạp vào vào tận hang cạp, để đánh đuổi được chủ nghĩa thực dân trước tiên phải hiểu được bản chất thực sự của chúng, để dân tộc được tự do và bình đẳng thì phải đi tìm nguồn gốc của nó. Từ những dòng suy nghĩ logic đó, sau khi rời Trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành đã quyết định Nam tiến, qua Bình Định, Phan Thiết và Sài Gòn. Từ Bến cảng Nhà Rồng, Người quyết định sang phương Tây, trước hết là Pháp - nơi có khẩu hiệu tiên bộ và cũng là thực dân đang trực tiếp thống trị dân tộc mình.

Có thể thấy, hoàn cảnh gia đình, quê hương, đất nước là cái nôi hun đúc ý chí, quyết tâm ra đi tìm kiếm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc của Người. Đây chính là nguồn gốc thực tiễn rất quan trọng, tác động trực tiếp đến sự hình thành, phát triển niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh. Bởi nếu không được tắm mình trong những hoàn cảnh thực tiễn ấy, chắc hẳn tư duy về con đường cứu nước, cứu dân khó có thể được định hình và hướng đến với

phương Tây để tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc khó có thể trở thành hiện thực. Đây chính là môi trường để niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được nảy mầm, nuôi dưỡng và phát triển.

Những năm 20 của thế kỷ XX, xuất hiện nhiều tổ chức cách mạng, tập hợp lực lượng đấu tranh chống thực dân Pháp, trong đó, khuynh hướng vô sản dần chiếm được ưu thế. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng lớn mạnh, phát triển cả về số lượng và chất lượng, nhất là khi tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin của Nguyễn Ái Quốc và tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Quần chúng nhân dân, đông đảo là giai cấp công nhân, nông dân từng bước được giáo dục lý luận cách mạng, dẫn dắt bởi bộ phận tiên phong của giai cấp công nhân. Vì thế, con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc được đón nhận và ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân. Đây là một trong những cơ sở thực tiễn Việt Nam cho sự hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào đấu tranh cách mạng chống thực dân Pháp, phong kiến tay sai được sự lãnh đạo của một tổ chức cách mạng tiên phong, dưới ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối của Đảng. Nhờ đó, nhiều phong trào cách mạng đã nổ ra, tiêu biểu ba cao trào cách mạng: cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931); cao trào đấu tranh đòi dân chủ (1936 - 1939); cao trào cách mạng (1941 - 1945). Sự ra đời, tổ chức và lãnh đạo của Đảng đưa cách mạng Việt Nam giành thắng lợi, mang lại độc lập dân tộc (9/1945) đã góp phần khẳng định niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào sự lãnh đạo của Đảng.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đã khẳng định sự đúng đắn và thắng lợi của đường lối cách mạng Hồ Chí Minh. Vấn đề quan trọng nhất là chính quyền được thành lập, mặc dù còn non trẻ, phải đương đầu với thù trong giặc ngoài, nhưng dưới sự lãnh đạo tài tình của Hồ Chí Minh, đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Từng bước xây

dựng chính quyền mới, xã hội mới trên nhiều lĩnh vực, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao... Khôi đại đoàn kết toàn dân được củng cố, tăng cường, các tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất ra đời: Hội Liên hiệp quốc dân (1946), Mặt trận Liên Việt (1951), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở miền Bắc (1955), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960) nhằm tập hợp lực lượng, đoàn kết toàn dân. Từ sau năm 1945, cách mạng Việt Nam vừa kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược (1945 - 1954) và đế quốc Mỹ, tay sai (1954 - 1975), vừa kiến quốc, cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Những thành tựu trên nhiều mặt của cách mạng Việt Nam, là cơ sở thực tiễn cho sự hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh ngày càng đầy đủ, sâu sắc.

Như vậy, từ đầu thế kỷ XX đến cuối những năm 60 thế kỷ XX, đây là thời kỳ niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được bổ sung, phát triển và hoàn thiện trên các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là niềm tin vào tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là Đảng lãnh đạo, cầm quyền từ sau năm 1945; vào Nhà nước kiểu mới - của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Trước khi qua đời, Người để lại bản *Di chúc* thiêng liêng, kết tinh toàn bộ tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với những định hướng tương lai cho cách mạng Việt Nam. Trong đó, khẳng định niềm tin vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và con đường thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với tâm nguyện “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” [87, tr.624]. Đây chính là niềm tin vào tiền đồ, tương lai tươi sáng của dân tộc Việt Nam.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được làm phong phú thêm bởi thực tiễn tình hình chính trị thế giới từ đầu thế kỷ XX đến cuối thập niên 60 thế kỷ XX

Cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang độc quyền. Chủ nghĩa đế quốc xuất hiện và xác lập được sự thống trị trên phạm vi thế giới, vừa tranh giành, xâm xé thuộc địa, vừa cấu kết chặt chẽ với nhau để nô dịch các dân tộc nhỏ yếu. Vì vậy, các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khi bước vào thế kỷ XX không còn là hành động đơn phương mà nó cần được đặt trong một chỉnh thể thống nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Khẩu hiệu *Vô sản tất cả các nước và các dân tộc thuộc địa đoàn kết lại* của V.I Lênin như hiệu triệu giai cấp vô sản toàn thế giới và phong trào giải phóng thuộc địa phát huy tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau để đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân, đế quốc. Hồ Chí Minh tiếp cận và tin tưởng vào tinh thần cách mạng của giai cấp vô sản và tích cực tham gia các hoạt động thực tiễn để xây dựng cơ sở cho cách mạng Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.

Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới ra đời bằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 - đã mở ra thời đại mới trong lịch sử phát triển của nhân loại, ảnh hưởng rất lớn đến phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Khi đang ở Pháp trần trở tìm con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nghe được thông tin về Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi và V.I Lênin như luồng gió mới. Bằng nhãn quan chính trị thiên tài, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra những giá trị thời đại của Cách mạng Tháng Mười và tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Người cho rằng: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam [74, tr.304]. Người khẳng định: “Giống như mặt trời chói lọi, cách mạng tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế” [87, tr.387]. Từ đó, Người vui mừng,

phấn khởi và sáng tỏ biết bao, hoàn tin tin theo Lênin, tin theo con đường cách mạng Tháng Mười Nga và quyết định lựa chọn con đường cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc.

Sự ra đời của Quốc tế III (3/1919) đã có những tác động sâu sắc đến thế giới quan niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh. Với tinh thần “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại” và “Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” do Lênin khởi thảo đã xác định đứng đắn về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, xem cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng vô sản. Điều này có ý nghĩa vô cùng lớn lao đối với niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh và khuynh hướng cứu nước theo ngọn cờ vô sản của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh đã tập trung nghiên cứu, tiếp thu những quan điểm tích cực, tiến bộ của Quốc tế III, đặc biệt là những tư tưởng vĩ đại của Lênin trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*, tích cực truyền bá vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam, thành lập tổ chức Đảng đầu năm 1930, chấm dứt tình trạng bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước của dân tộc Việt Nam.

Tháng 12 năm 1920, Đảng Xã hội Pháp tiến hành Đại hội lần thứ XVIII ở thành phố Tours, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội và kêu gọi các đảng viên ủng hộ gia nhập tổ chức Quốc tế III, vì tổ chức này quan tâm đến vấn đề giải phóng các thuộc địa. Đặc biệt, Nguyễn Ái Quốc cùng một số đảng viên của Đảng Xã hội Pháp thành lập Đảng Cộng sản Pháp - một phân bộ tại Pháp của Quốc tế Cộng sản. Sự kiện này đã đánh dấu bước ngoặt lớn trong tư tưởng và hoạt động cách mạng, từ người yêu nước trở thành chiến sĩ cộng sản. Người hoạt động tích cực và ngày càng có uy tín trong phong trào cộng sản. Tham gia Hội Liên hiệp thuộc địa, phụ trách chính cơ quan ngôn luận của Hội - tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ). Người đã tập hợp đông đảo những đại biểu đến từ các nước thuộc địa khác cùng chung lý tưởng, mục tiêu giải phóng dân

tộc. Thực tiễn phong trào cộng sản những năm đầu thế kỷ XX, càng làm cho “niềm tin ở chủ nghĩa phản thực dân đã đưa một số trong số họ đến với Chủ nghĩa Cộng sản của Quốc tế III [52, tr.20]. Chính những người trong tổ chức này đã làm cho “Nguyễn Ái Quốc đã cảm nhận được mạnh mẽ nhất tình đoàn kết và tình anh em của những kẻ lìa xa quê hương, nhưng có một mẫu số chung là đấu tranh chống chế độ thuộc địa” [52, tr.20].

Dưới sự lãnh đạo và dẫn dắt của tổ chức Quốc tế III, phong trào cộng sản và công nhân thế giới phát triển mạnh mẽ, tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc của các nước thuộc địa ở Á, Phi, Mỹ Latinh cũng nổ ra rầm rộ, chống lại ách áp bức bóc lột của thực dân, đế quốc. Hồ Chí Minh đã hoạt động tích cực trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, kết nối với những đại biểu đến từ các dân tộc thuộc địa, cùng khát vọng đấu tranh giải phóng dân tộc. Thực tiễn đó là môi trường, cơ sở để Hồ Chí Minh có niềm tin vào sự thắng lợi của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam và các dân tộc thuộc địa.

Sau năm 1945, chủ nghĩa xã hội không ngừng phát triển lớn mạnh, trở thành hệ thống thế giới, đứng đầu là Liên bang Xôviết. Không chỉ đóng góp to lớn trong chiến tranh thế giới lần thứ II, tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, lập lại trật tự thế giới, các nước xã hội chủ nghĩa còn phát triển mạnh về kinh tế, quốc phòng, ảnh hưởng rất lớn trên bàn cờ chính trị thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam. Thực tiễn này, góp phần làm cơ sở cho sự hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh về con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của cách mạng Việt Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam tiếp tục nhận được ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới. Những phong trào tuần hành, biểu tình của lực lượng yêu chuộng hòa bình tại Pháp, tại Mỹ và các nước khác, phản đối chiến tranh ở Việt Nam, làm cho niềm tin Hồ Chí Minh được

khẳng định, vun bồi. Thực tiễn này càng làm cho Hồ Chí Minh thêm tin tưởng vào chính nghĩa của cách mạng Việt Nam, vào sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

2.2.3. Phẩm chất, năng lực và bản lĩnh Hồ Chí Minh

Trước bối cảnh đất nước đang bị thực dân Pháp và phong kiến tay sai thống trị, nhiều nhà yêu nước Việt Nam với chí khí và lòng nhiệt thành đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước, nhưng tại sao chỉ có Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người thấy được yêu cầu của lịch sử dân tộc, xác định đúng xu thế phát triển của thời đại và lựa chọn con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc. Điều đó thể hiện phẩm chất, năng lực và bản lĩnh của Hồ Chí Minh.

Niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh được hình thành từ chiều sâu tiềm thức, được nuôi dưỡng từ truyền thống gia đình, quê hương, lớn lên cùng phẩm chất, nhân cách trong sáng và từng bước được tôi luyện qua những trải nghiệm thực tiễn phong phú. Nghiên cứu về Người, có thể thấy hội tụ đầy đủ những phẩm chất cao đẹp của một chiến sĩ cách mạng chân chính, trung kiên và mẫu mực. Hồ Chí Minh là một nhà yêu nước nhiệt thành, một chiến sĩ cộng sản kiên định và lỗi lạc, luôn đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, sẵn sàng hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hòa bình và tiến bộ của nhân loại. Phong thái bình dị, chân thành, khiêm tốn, gần gũi quần chúng giúp Người có sức cảm hóa đặc biệt, tập hợp được các lực lượng yêu nước. Thực tiễn chứng kiến nỗi khổ cực và thân phận nô lệ của đồng bào dưới ách thực dân đã sớm củng cố ở Người niềm tin và khát vọng cháy bỏng về con đường giải phóng dân tộc. Với phẩm chất vượt trội, tầm nhìn vượt lên bối cảnh và tư duy truyền thống, Hồ Chí Minh kiên trì tìm tòi, lựa chọn, xác lập con đường cách mạng đúng đắn, đáp ứng yêu cầu lịch sử, mở ra bước ngoặt phát triển của cách mạng Việt Nam.

Với tư chất thông minh, khả năng tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo Hồ Chí Minh tiếp nhận tinh hoa nhân loại và chuyển hóa thành tri thức phục vụ

sự nghiệp cách mạng. Trong hành trình hoạt động cách mạng trên nhiều châu lục, Người tiếp cận và thấu hiểu những giá trị văn hóa, văn minh tiến bộ của nhân loại, từ đó mở rộng tầm nhìn và củng cố thế giới quan, phương pháp luận khoa học của mình. Những trải nghiệm thực tiễn phong phú bên cạnh tư chất thiên bẩm giúp niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh phát triển toàn diện hơn, có cơ sở lý luận vững chắc và phương pháp tiếp cận phù hợp với điều kiện lịch sử dân tộc. Hồ Chí Minh là người có lý tưởng lớn, giàu lòng yêu nước, thương dân, đặc biệt luôn trăn trở trước số phận những người lao động nghèo khổ bị áp bức bởi chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Với bản lĩnh kiên định, ý chí kiên cường và tinh thần trách nhiệm cao đối với Tổ quốc, Người quyết tâm tìm kiếm con đường cứu nước mới, phù hợp quy luật phát triển của thời đại. Hồ Chí Minh kính trọng các bậc tiền bối yêu nước, song không đi theo lối mòn cũ mà chủ động tìm hướng đi khác, vì nhận thấy các con đường trước đó chưa đem lại thắng lợi cho dân tộc. Niềm tin chính trị của Người không hình thành trong một sớm một chiều, mà là quá trình rèn luyện, tích lũy liên tục trong môi trường xã hội rộng lớn, được dẫn dắt bởi lý tưởng giải phóng dân tộc gắn với mục tiêu đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đây chính là giá trị cốt lõi làm nên tầm vóc lãnh tụ và sức sống của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Bản lĩnh chính trị của Hồ Chí Minh cũng là yếu tố quyết định hình thành và củng cố niềm tin chính trị của Người, tạo nền tảng cho tư duy và lựa chọn con đường cách mạng đúng đắn. Đó là bản lĩnh kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Dù trong bối cảnh lịch sử đầy biến động, trước sức ép và cám dỗ từ nhiều phía, Hồ Chí Minh luôn giữ vững lý tưởng, kiên quyết bảo vệ lợi ích dân tộc, không dao động, không thỏa hiệp với mọi hình thức áp bức, nô dịch. Đó còn là bản lĩnh trong tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo. Hồ Chí Minh tiếp thu chủ nghĩa Mác Lênin trên tinh thần biện chứng, không rập khuôn, vận dụng linh hoạt vào điều kiện Việt Nam. Người dừng

cảm vượt lên mọi lối nghĩ cũ, tìm ra con đường mới cho dân tộc. Những ứng xử khôn khéo, linh hoạt có nguyên tắc trước kẻ thù cũng toát lên bản lĩnh và khí phách lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Trong suốt hành trình đi tìm đường cứu nước và để minh định cho niềm tin về con đường đấu tranh giải phóng dân tộc mà mình đã lựa chọn, Hồ Chí Minh đã trải qua rất nhiều khó khăn, gian khổ. Người đến nhiều nơi, làm nhiều việc để tự nuôi sống bản thân, để tìm đường, chọn đường cho cách mạng Việt Nam. Đầu năm 1941, Hồ Chí Minh trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Những khó khăn, gian khổ mới nảy sinh, thử thách tinh thần, nghị lực và niềm tin chính trị của Người. Đó là vấn đề giải phóng dân tộc, thoát khỏi ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như là minh chứng cho sự kiên định về mục tiêu, lý tưởng cách mạng dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, đây cũng là kết quả của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được hiện thực hóa ở Việt Nam. Dù trải qua muôn vàn khó khăn, thách thức, nhưng với bản lĩnh, ý chí vững vàng, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh không những được củng cố vững chắc mà còn được khẳng định, lan tỏa trong thực tiễn cách mạng. Những phẩm chất, năng lực và bản lĩnh của Hồ Chí Minh không phải là điều ngẫu nhiên, mà là kết quả của sự hội tụ các điều kiện cần và đủ từ quá trình hoạt động thực tiễn và nghiên cứu lý luận của Hồ Chí Minh. Trong đó, trước hết phải kể đến sự dân thân, thâm nhập vào đời sống nhân dân lao động ở Việt Nam và nhiều quốc gia khác. Những trải nghiệm thực tế này đã mang đến cho Hồ Chí Minh cái nhìn sâu sắc, toàn diện về hiện trạng của chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là đời sống cùng cực của những người lao động khổ sai ở các nước thuộc địa. Hồ Chí Minh tích cực hoạt động và không ngừng đấu tranh cho phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trên phạm vi toàn thế giới.

Hồ Chí Minh không phải là người Việt Nam đầu tiên và duy nhất tiếp thu văn hóa phương Tây, hay chịu ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga... Trước đó, Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh... đã sống, hoạt động ở Pháp và các nước khác trên thế giới. Nhưng, Hồ Chí Minh là người đầu tiên (tại thời điểm đó) đặt niềm tin và lựa chọn con đường cách mạng vô sản, đi theo V.I. Lênin, trở thành người cộng sản. Rõ ràng, cùng sống trong một hoàn cảnh thực tiễn như nhau nhưng nhận thức, thái độ, lựa chọn để tin tưởng và hành động ở mỗi người là khác nhau. Hồ Chí Minh đã vượt lên trên các nhà yêu nước cùng thời về những tư tưởng, quan điểm và cả việc lựa chọn, xác thực niềm tin chính trị theo một phong thái riêng biệt. Sự khác biệt mang tính sáng tạo về niềm tin chính trị Hồ Chí Minh thể hiện ở cả ba phương diện: Hệ thống tư tưởng, quan điểm và hành vi chính trị; cách suy nghĩ về những vấn đề chính trị và những nhân tố đưa tới sự khác biệt trong tư duy ấy. Sự khác biệt đó đã tạo nên một niềm tin chính trị Hồ Chí Minh với những thành công của cách mạng Việt Nam và những cống hiến vĩ đại cho sự nghiệp hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Như vậy, sự hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh xuất phát từ nhiều yếu tố chủ quan và khách quan khác nhau. Bối cảnh kinh tế - chính trị trong nước và thế giới, cùng với những yếu tố lý luận chính là những nguyên nhân khách quan tác động đến sự hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, để hình thành nên hệ thống quan điểm, học thuyết thì yếu tố khách quan mới chỉ là điều kiện cần và nó đòi hỏi cần phải có các điều kiện chủ quan thì mới đủ. Yếu tố chủ quan để hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, chính là phẩm chất, năng lực và bản lĩnh Hồ Chí Minh.

Tiểu kết chương 2

Khái niệm niềm tin, niềm tin chính trị, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được xây dựng, tạo cơ sở cho tiếp cận, triển khai nghiên cứu nội dung và giá trị niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đảm bảo tính kế thừa, hệ thống và toàn diện.

Khái niệm niềm tin tiếp cận trong luận án, là hệ thống các quan niệm, ý tưởng của con người thể hiện sự thừa nhận và xác thực tính đúng đắn của chủ thể vào một đối tượng nào đó dựa trên nhận thức, tri thức, quan điểm và trải nghiệm thực tiễn. Niềm tin không chỉ là vấn đề tâm lý mà còn là sự trải nghiệm thông qua ý chí, hành động của con người; Niềm tin có tính định hướng giá trị nhằm hướng tới, thay đổi hay đạt mục tiêu nào đó.

Chính trị là một trong những lĩnh vực cơ bản, quan trọng trong đời sống xã hội loài người, ra đời cùng với sự phân hóa giai cấp và xuất hiện Nhà nước, tạo ra một nấc thang mới trong tiến trình phát triển của nhân loại. Tiếp cận từ khái niệm “niềm tin” và khái niệm “chính trị”, có thể hiểu: Niềm tin chính trị là sự thừa nhận, xác thực của cá nhân hay tổ chức vào sự đúng đắn hay không đúng đắn về một hệ tư tưởng, học thuyết chính trị hay một thể chế chính trị nhất định dựa trên nhận thức, tri thức chính trị và trải nghiệm thực tiễn. Niềm tin chính trị là nền tảng, trụ cột tinh thần, bảo đảm ổn định tư tưởng chính trị trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu chính trị đặt ra.

Nghiên cứu niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là nghiên cứu niềm tin của một lãnh tụ vĩ đại của dân tộc trong suốt cuộc đời hoạt động chính trị của Người. Đó là sự tin tưởng của Hồ Chí Minh vào ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin khi Người tiếp cận, nghiên cứu, truyền bá và vận dụng, phát triển sáng tạo trong phong trào cách mạng Việt Nam. Đó là niềm tin vào con đường cách mạng vô sản, con đường thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đem lại thắng lợi cho cách mạng Việt Nam được dẫn dắt bởi Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam. Niềm tin vào vai trò và sức mạnh của quần chúng nhân dân. Niềm tin vào quy

luật phát triển tất yếu của xã hội loài người, hướng tới văn minh và tiến bộ, nhờ đó, đã nhận được sự ủng hộ tích cực của các lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở cá nhân Người mà còn được lan tỏa, xâm nhập và trở thành niềm tin của giai cấp công nhân, của cả dân tộc Việt Nam.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở những nhân tố khách quan và chủ quan. Từ những phẩm chất, năng lực cá nhân vượt trội và quá trình nghiên cứu, khảo nghiệm thực tiễn Việt Nam và thế giới, Hồ Chí Minh đã kế thừa những truyền thống tốt đẹp, tinh thần lạc quan của dân tộc; tiếp thu chọn lọc các giá trị tinh hoa văn hóa chính trị của nhân loại; vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận về niềm tin chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin để hình thành nên niềm tin chính trị của mình. Kiến tạo, lan tỏa và tạo cảm hứng về niềm tin chính trị trong quá trình tổ chức, lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh không xa lạ tinh thần lạc quan của dân tộc, cũng không bắt chước, rập khuôn hay gán ghép niềm tin chính trị ngoại lai vào cách mạng Việt Nam. Trên tinh thần và phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã kiến tạo và truyền cảm hứng mạnh mẽ niềm tin chính trị vào cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm nên những thắng lợi to lớn, vẻ vang của cách mạng nước nhà.

Chương 3

NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

3.1. NỘI DUNG NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

3.1.1. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào chủ nghĩa Mác - Lênin

Tiếp cận, đặt niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin

Để luận giải vấn đề này, chúng ta cần làm rõ quá trình tiếp cận, nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong bối cảnh nước mất nhà tan, nhân dân lầm than nô lệ dưới ách đô hộ, thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai. Chứng kiến sự thất bại của phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đến đầu XX do khủng hoảng, bế tắc về đường lối và phương pháp cứu nước. Dù rất khâm phục tinh thần đấu tranh oanh liệt của các bậc tiền bối nhưng Người không tán thành đường lối và phương pháp đó mà nung nấu một ý chí, quyết tâm tìm ra con đường mới để cứu nước, cứu dân.

Giữa năm 1911, Người rời bến cảng Nhà Rồng, bắt đầu hành trình ra đi tìm đường cứu nước, đi nhiều nơi, đến nhiều nước và làm rất nhiều việc. Trong hành trình bôn ba đó, năm 1911, Người đến Pháp, năm 1912 đến Mỹ, từ năm 1913 - 1917 sang Anh và cuối năm 1917 trở lại Pháp, hoạt động trong phong trào công nhân và Đảng Xã hội Pháp. Gần 10 năm khảo sát thực tiễn thế giới, nhất là ở các nước tư bản châu Âu, Hồ Chí Minh rút ra kết luận: “Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản” [73, tr.287]. Đây là nhận thức mang tính nền tảng, có ý nghĩa rất quan trọng trong nhận thức của quá trình tìm đường, chọn đường cứu nước, cứu dân của Hồ Chí Minh.

Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc (tên gọi từ 6/1919) đã đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, đăng trên báo L’Humanité (Nhân đạo) ngày 16 và 17/7/1920.

Người lựa chọn dứt khoát con đường cứu nước là cách mạng vô sản vì Luận cương đã chỉ rõ con đường, phương pháp đấu tranh để giải phóng dân tộc, “làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta! Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba” [39, tr.97]. Sự kiện này như “một ánh sáng kỳ diệu, nâng cao về chất tất cả những hiểu biết và tình cảm cách mạng mà Người hằng nung nấu” [12, tr.11], đánh dấu Hồ Chí Minh đã tiếp cận, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tin tưởng vào con đường cách mạng vô sản. Tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, cùng với các đại biểu khác, đã bỏ phiếu tán thành việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Như vậy, niềm tin của Nguyễn Ái Quốc từ nhận thức đã thể hiện bằng hành động, đó là tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Cùng với quá trình khảo sát thực tiễn, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu các học thuyết, các chủ nghĩa, các hệ tư tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc khác nhau. Trước khi quyết định lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã nghiên cứu kỹ các cuộc cách mạng tư sản theo hệ tư tưởng của giai cấp tư sản (Anh, Mỹ, Pháp...) và cho rằng, đó là một bước tiến của lịch sử nhân loại. Nhưng, theo Người, “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa” [74, tr.296]. Ngược lại, nghiên cứu cách mạng Nga, Người khẳng định: “chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật” vì thế “phải theo chủ nghĩa Mác Khắc Tư và Lênin” [74, tr.304].

Ngoài ra, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu các chủ nghĩa khác như “Chủ nghĩa Prudông (Pháp), Chủ nghĩa Bacunin (Nga); Công đoàn chủ nghĩa (Anh và Mỹ), Cải lương chủ nghĩa, Trung lập chủ nghĩa” và cho rằng đây là “chủ nghĩa lộn xộn không thống nhất..., cho nên hội không có lực lượng” [74, tr.317]. Hay “sau một thời gian nghiên cứu và theo dõi, chúng tôi nhận thấy rằng "chủ nghĩa Uynxon" chỉ là một trò bịp bợm lớn” [73, tr.441]. Từ trải nghiệm thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Hồ Chí Minh đã tin theo, lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin. Bởi vì, “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin” [74, tr.289]. Từ đó, Người tích cực học tập, nghiên cứu và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Như vậy, Hồ Chí Minh đã giành 10 năm (1911 - 1920), để tìm đường và chọn con đường cách mạng vô sản cho cách mạng Việt Nam (1920), 10 năm tiếp theo (1920 - 1930) để cụ thể hóa, 15 năm (1930 - 1945) để hiện thực hóa con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam, mang lại thành công cho cách mạng Việt Nam. Sự thắng lợi đó, là minh chứng hùng hồn, đánh thép để bác bỏ những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận Hồ Chí Minh của các thế lực phản động, thù địch.

Thêm nữa, Hồ Chí Minh không phải là người Việt Nam đầu tiên, càng không phải là duy nhất biết đến chủ nghĩa Mác - Lênin. Phan Văn Trường - một trí thức tây học, một nhà hoạt động yêu nước tại Pháp “là người Việt Nam đầu tiên đỗ tiến sĩ luật tại Pari Luận án tiến sĩ của ông, đã vận dụng học thuyết của C. Mác để lên án xã hội tư bản đương thời” [162, tr.15]. Nhưng cũng như những nhà yêu nước Việt Nam lúc đó, Phan Văn Trường không thành công trong con đường hoạt động cách mạng, mà chỉ có Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã thành công. Qua đó, để nói rằng, những phẩm chất cá nhân của Người là hết sức quan trọng, đóng vai trò quyết định khi những yếu tố khách quan đủ chín muồi.

Thừa nhận, khẳng định tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin

Sau khi tiếp cận và lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tích cực học tập, nghiên cứu và có những đánh giá về chủ nghĩa Mác - Lênin. Qua đó, có thể thấy niềm tin của Hồ Chí Minh vào chủ nghĩa Mác - Lênin ở những khía cạnh cơ bản sau:

Một là, tin tưởng vào nội dung, bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là học thuyết nhận thức và cải tạo thế giới tự nhiên, xã hội và con người; là hệ thống quan điểm về đấu tranh giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng con người trong quá trình phát triển nhân loại. Hồ Chí Minh đã học tập, nghiên cứu và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam những nội dung cơ bản, cốt lõi, chọn lọc hạt nhân hợp lý của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là sự tin tưởng của Hồ Chí Minh vào bản chất cách mạng, khoa học và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trước hết, Hồ Chí Minh tin vào những nội dung của *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin. Mặc dù khi mới tiếp xúc, Người cảm thấy rất khó hiểu, nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, thì sáng tỏ ra vấn đề cần thiết cho cách mạng Việt Nam, cho phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa. Người tin tưởng vào năm nội dung bản Sơ thảo của V.I. Lênin. 1/ Đặt vấn đề dân tộc đi đôi với vấn đề thuộc địa... nhất là quyền tự quyết của các dân tộc. 2/ Những người cách mạng ở chính quốc phải ủng hộ tích cực phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa và lệ thuộc. Nhiệm vụ của những người ở xứ thuộc địa là phải đoàn kết chặt chẽ với nhân dân lao động ở chính quốc, nhằm đánh bại kẻ thù chung là thực dân, đế quốc. 3/ Các dân tộc thuộc địa và lệ thuộc không những có nhiệm vụ giải phóng khỏi ách nước ngoài, mà còn phải đấu tranh chống các lực lượng phản động, tay sai ở ngay trong xứ mình. 4/ Phải đoàn kết chặt chẽ giữa phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa với các nước xã hội chủ nghĩa. Có thể nhờ sự giúp đỡ của các nước Xôviết để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội

khỏi qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa. 5/ Quốc tế III đóng vai trò là bộ tham mưu của cách mạng thế giới. Nước Nga Xô viết là ngọn cờ đầu, là căn cứ địa, là thành trì của cách mạng thế giới. Đây là những tri thức chính trị nền tảng quan trọng để xây dựng niềm tin, định hướng cho những hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh.

Về nội dung của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh giải thích ở nhiều thời điểm, khía cạnh khác nhau. Khi chưa tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin, Người phân biệt bạn và thù bằng cách chia thế giới thành hai giống người - bóc lột và bị bóc lột và chỉ có một tình hữu ái là thật mà thôi. Tình hữu ái vô sản. Khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, Người nhận ra: “Chủ nghĩa Mác - Lênin dạy chúng ta rằng: Muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù. Mọi người yêu nước và tiến bộ là bạn của ta. Đế quốc Mỹ, bọn tay sai của Mỹ, bọn phản cách mạng là kẻ thù của ta” [85, tr.453].

Để trả lời câu hỏi, chủ nghĩa Mác - Lênin là gì? Người giải thích ngắn gọn chủ nghĩa Mác - Lênin là sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào công nhân từ trước đến nay của tất cả các nước. Là “Khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội; khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột; khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản” [83, tr.96].

Về bản chất cách mạng, khoa học và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người chỉ rõ: “Đảng ta có chủ nghĩa Mác - Lênin là chủ nghĩa cách mạng và khoa học nhất” [79, tr.414]. Là cách mạng triệt để, đến nơi, nghĩa là làm cách mạng rồi phải đem quyền lợi cho dân chúng số nhiều, phải làm cho nhân dân lao động có cơm ăn, áo mặc, được học hành. Về bản chất nhân văn, theo Người, thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin bằng cách “ra sức làm tròn nhiệm vụ cách mạng và sống với nhau có tình có nghĩa. Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo

dục lẫn nhau, đó là cách tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin thiết thực nhất” [87, tr.668].

Chính vì tin tưởng nội dung và bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin, cho nên khi “Nói đến chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam là nói đến chủ trương, chính sách của Đảng” [78, tr.368]. Đứng trước những vấn đề quan trọng của cách mạng, thì phải “căn cứ vào chủ nghĩa Mác - Lênin mà xem xét các vấn đề, quy định phương châm, đường lối và kế hoạch, để động viên quần chúng lao động đấu tranh, để giành lấy thắng lợi” [78, tr.292] và “phải dùng chủ nghĩa Mác - Lênin mà nghiên cứu tình hình chính trị và kinh tế hiện thời” [78, tr.293]. Vì thế, Người khẳng định: “chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin” [87, tr.590].

Hai là, tin tưởng vào tinh thần, phương pháp và sức mạnh của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tin tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin không có nghĩa là giáo điều, bắt chước từng câu, từng chữ của C. Mác, Ph. Ăngghen hay V.I. Lênin, mà phải nắm vững tinh thần và phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng và phát triển sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam. Khi nghiên cứu các hệ tư tưởng, các học thuyết chính trị, đạo đức thì Hồ Chí Minh kế thừa những ưu điểm từ hạt nhân hợp lý của nó. Theo Người:

Học thuyết Không Tử có ưu điểm là đạo đức cá nhân. Kitô giáo có ưu điểm là tình thân ái cao quý. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp công tác biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là thích hợp với điều kiện và chính sách của nước chúng tôi. Không Tử, Thiên chúa, Mác, bác sĩ Tôn, họ không có điểm chung hay sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mang phúc lợi cho xã hội. Nếu ngày nay họ vẫn còn sống, nếu họ tập hợp cùng một chỗ thì tôi tin rằng, họ nhất định sẽ chung sống tốt với nhau như những người bạn thân. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của họ. Tôi vẫn là tôi trước đây: một người yêu nước [130, tr.121-122].

Trong công tác lý luận của Đảng, phải dựa vào phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để tổng kết thực tiễn. Người nói: “dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta” [83, tr.92]. Muốn vậy, phải giáo dục cho cán bộ đảng viên, “học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng” [83, tr.95]. Theo Người, “Càng hiểu chủ nghĩa Mác, thì công tác càng tiến bộ, tư tưởng càng đứng đắn, lập trường càng vững chắc, tin tưởng càng nồng nàn, cách mạng càng mau thắng lợi” [79, tr.559]. Nhờ đó “Đảng Lao động Việt Nam đã đạt được những kết quả to lớn trong việc vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện của Việt Nam” [82, tr.402].

Chính từ tinh thần và phương pháp đó, mà chủ nghĩa Mác - Lênin có sức mạnh vô địch, nhất là khi được tổ chức, đưa vào thực tiễn trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hồ Chí Minh tin tưởng vào sức mạnh phi thường của chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cho nhân dân lao động “thêm tin tưởng vào sự nghiệp giải phóng của mình khỏi mọi chế độ áp bức bóc lột. Nó truyền thêm nghị lực cho nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc đang đấu tranh để tự giải phóng khỏi ách đế quốc bên ngoài. Nó khuyến khích nhân dân yêu chuộng hoà bình toàn thế giới đoàn kết chặt chẽ hơn nữa” [82, tr.275-276].

Ba là, tin tưởng và kính trọng các nhà sáng lập ra học thuyết, nhất là V.I Lênin. Hồ Chí Minh có nhiều bài viết về Lênin, với tất cả sự tin tưởng và kính trọng, ca ngợi thiên tài và tấm gương đạo đức cách mạng cao cả, tiêu biểu như: *Lênin và các dân tộc thuộc địa* (1/1924); *Lênin và các dân tộc phương Đông* (7/1924); *Lênin và phương Đông* (1/1926); *Sự nghiệp vĩ đại của Lênin* (1/1952); *Chủ nghĩa Lênin và công cuộc giải phóng các dân tộc bị áp bức* (4/1955); *Lênin, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam* (4/1962). Qua những bài viết đó, toát lên sự tin tưởng và kính trọng lãnh tụ Lênin về tài năng và đức độ.

Theo Hồ Chí Minh, V.I. Lênin là một thiên tài vĩ đại, nhận được tình cảm, tin cậy của nhân dân các nước thuộc địa, “tất cả những người bị áp bức đầy thiện cảm và tin tưởng đối với Lênin... không phải chỉ là một lãnh tụ, một người chỉ huy. Đó cũng là một người thầy có sức hấp dẫn; tính coi thường sự xa hoa, lòng ham mê công việc, đời sống trong sạch, sự giản dị và tâm hồn cao thượng của Người làm cho quả tim chúng tôi hướng về Người, không gì ngăn nổi” [87, tr586]. Bên cạnh việc khẳng định Lênin là người đã thực hiện và phát triển chủ nghĩa Mác, là người cha của cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh còn cho rằng, Lênin là người thầy đã đào tạo những chiến sĩ cách mạng khắp thế giới, chẳng những bằng lý luận cách mạng khoa học nhất mà còn bằng đạo đức cách mạng cao cả nhất.

Đó là niềm tin vào tấm gương đạo đức sáng ngời, cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng vô sản, cho Liên Xô vĩ đại và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới của V.I. Lênin. Trong bài *Lênin và các dân tộc phương Đông*, Hồ Chí Minh viết:

Nếu giai cấp vô sản phương Tây coi Lênin là một thủ lĩnh, một lãnh tụ, một người thầy thì các dân tộc phương Đông lại coi Lênin là một người con vĩ đại hơn nữa, cao quý hơn nữa, nếu tôi có thể nói như vậy. Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi [73, tr.317].

Tin tưởng và khẳng định vai trò soi sáng, như ánh sáng kỳ diệu giúp cho cách mạng đi đến thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chủ nghĩa Lênin là lực lượng tư tưởng hùng mạnh chỉ đạo Đảng chúng tôi, làm cho Đảng chúng tôi có thể trở thành hình thức tổ chức cao nhất

của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc chúng tôi” [81, tr.412]. Vì vậy, Người yêu cầu, phải cố gắng thực hiện những lời dạy bảo của Lênin, đó là “yêu Tổ quốc và yêu nhân dân một cách thiết tha, không bờ bến, và ghét cay ghét đắng kẻ địch của Tổ quốc, của nhân dân, đồng thời gắn liền tinh thần yêu nước với tinh thần quốc tế... tuyệt đối tin tưởng vào Đảng, vào tương lai tất thắng của cách mạng và Tổ quốc, vào lực lượng vô cùng to lớn của giai cấp, của nhân dân” [79, tr.289]. Có thể nói, Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta bởi tài năng và đạo đức cao đẹp, là “người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta” khi còn sống. Ngày nay, “Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội” [73, tr.256]. Như vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng vững chắc cho niềm chính trị Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam. Nhờ đó, “Chúng tôi vững tin rằng dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta nhất định thắng lợi” [82, tr.404].

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đó là sự hiện thực hóa niềm tin của Hồ Chí Minh đối với một học thuyết khoa học, cách mạng và nhân văn. Điều này, Đảng ta đã khẳng định: “Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc” [17].

Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin.

Với tư cách là một chiến sĩ cộng sản, một học trò trung thành với người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản, Hồ Chí Minh đã đấu tranh chống lại những quan điểm, tư tưởng chống phá, trái ngược với chủ nghĩa Mác - Lênin, phá

hoại cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận và đường lối chính trị. Bước đầu tìm hiểu việc Hồ Chí Minh đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin được thể hiện ở một số khía cạnh sau:

Về *đối tượng*, là tất cả những ai có quan điểm, lập trường trái với chủ nghĩa Mác - Lênin, với đường lối cách mạng. Đặc biệt, kiên quyết đấu tranh với những đối tượng cơ hội, giả danh cách mạng như phần tử Tờ-rốt-xkít. Nguyễn Ái Quốc nhận rõ âm mưu, bản chất phá hoại phong trào cách mạng của các phần tử phi mác-xít ở nhiều nước như Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản... Chúng đã cài cắm các phần tử phản động vào trong nội bộ tổ chức Quốc tế III. Vì thế, Người chỉ rõ: “Bọn Tờ-rốt-xkít không chỉ là kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản, mà còn là kẻ thù của nền dân chủ và tiến bộ. Đó là bọn phản bội và mật thám tồi tệ nhất” [75, tr.154]. Không chỉ trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới, Hồ Chí Minh còn quan tâm đấu tranh với các phần tử phản động ở trong nước. Những năm 30 của thế kỷ XX, trước tình trạng hoạt động chống phá Đảng Cộng sản Đông Dương của những phần tử có tư tưởng Tờ-rốt-xkít, Nguyễn Ái Quốc đã yêu cầu các đồng chí đảng viên của Đảng phải cảnh giác, đấu tranh với tư tưởng này. Người chỉ rõ: “Đối với bọn tờrốt-xkít, không thể có thỏa hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị” [75, tr.167]. Có thể thấy, Hồ Chí Minh đã kiên quyết đấu tranh với những phần tử có tư tưởng Tờ-rốt-xkít với một tinh thần không “thỏa hiệp”, không khoan nhượng của một người cộng sản kiên trung.

Ngoài ra, Hồ Chí Minh cũng luôn cảnh giác, đấu tranh chống các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa hay lệch lạc tư tưởng để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đã thẳng thắn phê phán các quan điểm coi nhẹ mối quan hệ giai cấp với dân tộc: “tôi thấy rằng hình như, các đồng chí chưa thấm nhuần tư tưởng cho rằng vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh

của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa” [73, tr.273], yêu cầu phải “tăng cường giáo dục theo tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin và đấu tranh chống những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa như chủ nghĩa dân tộc tư sản, chủ nghĩa sôvanh, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa xét lại, đặc biệt là chủ nghĩa xét lại” [83, tr.189-190].

Về nhận diện nội dung xuyên tạc, Hồ Chí Minh chỉ rõ: lên án những thủ đoạn của thực dân Pháp, bên cạnh thực hiện khủng bố trắng, tiêu diệt cán bộ đảng viên và tàn sát nhân dân vô tội, thì còn “thuê người viết báo xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản và vu cáo Nga - Xô” [75, tr.633]. Hồ Chí Minh còn bóc trần thủ đoạn, mục đích của bọn tay sai “hát rong” cho thực dân đế quốc, “xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản để lừa bịp thiên hạ, đó là thủ đoạn quen thuộc trong chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ” [86, tr.668]. Thái độ đấu tranh kiên quyết, dứt khoát và không khoan nhượng được thể hiện rõ trong bài *Chủ nghĩa Lênin và công cuộc giải phóng các dân tộc bị áp bức*: “Đấu tranh một cách không điều hòa chống bọn cải lương và bọn xuyên tạc chủ nghĩa Mác” [81, tr.408].

Hồ Chí Minh đã sử dụng nhiều hình thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tiêu biểu như đấu tranh bút chiến thông qua báo chí, tuyên truyền giáo dục cách mạng, thông qua công tác tổ chức hội quần chúng.

Có thể thấy, từ những nhận thức ban đầu đến trải nghiệm thực tiễn và tri thức khoa học về chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tin tưởng, lựa chọn và hiện thực hóa lý luận đó trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Đồng thời, với sự trung thành của mình, Người không những vận dụng, phát triển sáng tạo mà còn góp phần đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, hành động chống phá nhằm bảo vệ bản chất cách mạng, khoa học và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Xây đi đôi với chống là hai yếu tố cơ bản, hai nhiệm vụ

thường xuyên trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, đảm bảo những thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

3.1.2. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào con đường cách mạng vô sản, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Tin tưởng vào sự lựa chọn đúng đắn con đường cách mạng vô sản.

Lịch sử dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu XX đứng trước nhiều biến động và sự lựa chọn hướng đi. Khoảng 15 năm cuối thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp, đòi độc lập theo khuynh hướng phong kiến thất bại. Các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nông dân và các dân tộc ít người cũng thất bại. Nổi bật nhất là phong trào nông dân Yên Thế dưới sự lãnh đạo của cụ Hoàng Hoa Thám, kéo dài xuyên hai thế kỷ, rồi cũng bị chìm trong biển máu. Khoảng 30 năm đầu thế kỷ XX, cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản, tiêu biểu của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh cũng không thành công. Mặc dù rất khâm phục tinh thần, ý chí của các sĩ phu, nhưng Hồ Chí Minh cho rằng, cụ Phan Châu Trinh yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương thì “chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương” [129, tr.12]. Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đánh đuổi thực dân Pháp, việc này chẳng khác “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau” [129, tr.13]. Cụ Hoàng Hoa Thám thực tế hơn, trực tiếp đánh đuổi thực dân Pháp, “nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến” [129, tr.14].

Trong bối cảnh bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước, chỉ duy nhất phong trào đấu tranh dưới ngọn cờ vô sản theo sự dẫn dắt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, từng bước mang lại thắng lợi cho cách mạng. Khảo sát thực tiễn Việt Nam và thế giới, tiếp cận ánh sáng chủ nghĩa Mác-Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã chuyển biến vượt bậc về lập trường chính trị là cách mạng vô sản. Tin tưởng và lựa chọn dứt khoát con đường cứu nước và giải phóng dân tộc theo cách mạng Nga, cách mạng vô sản. Tiếp đó, Người đi vào hoạt động tích cực trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, tham gia sáng lập Đảng

Cộng sản Pháp, ủng hộ Quốc tế III, xây dựng cơ sở cách mạng ở Quảng Châu (Trung Quốc), ở Xiêm (Thái Lan) và Việt Nam. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (1927), huấn luyện cán bộ, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, khi các điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức chín muồi, Người thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đầu năm 1930. Từ sự thay đổi trong một con người, từ người yêu nước thành chiến sĩ cộng sản (1920) đến sự thay đổi trong một giai cấp, giai cấp công nhân được tổ chức và lãnh đạo khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930). Đây là những sự kiện, dấu mốc thể hiện sự chuyển biến, hiện thực hóa niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Sau này, trong lời tựa cuốn sách viết năm 1959, Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [84, tr.30]. Đây là niềm tin sắt đá vào con đường cứu nước mới, phù hợp với quy luật của Việt Nam và xu thế của thời đại.

Từng bước hiện thực hóa con đường thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Bước đầu tiên trên hành trình thực hiện con đường tắt thẳng của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tập trung vào giải quyết vấn đề dân tộc thuộc địa. Tức là vận dụng những nội dung cốt lõi, những hạt nhân hợp lý và tinh thần, phương pháp cách mạng vào thực tiễn Việt Nam - một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Đây là nhận thức rất quan trọng, bởi mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam lúc đó là giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân phong kiến tay sai. Yêu cầu cấp thiết, khát vọng cháy bỏng lúc đó của nhân dân ta và cũng là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc. Vì thế, Hồ Chí Minh khẳng định, đặt vấn đề dân tộc cách mạng lên trên hết, trước hết. Hơn nữa, Người còn đưa ra quan điểm táo bạo, cách mạng ở các nước thuộc địa có thể nổ ra và thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và tác động trở lại thúc đẩy cách mạng chính quốc, vì nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập

trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc. Quan điểm này của Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng sáng tạo mà còn góp phần bổ sung, phát triển, làm phong phú thêm lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng thuộc địa. Nhiều nhà nghiên cứu đã đánh giá cao những sáng tạo, cống hiến của Hồ Chí Minh, cho rằng, “những cống hiến của Người đã góp phần đào sâu và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với các vấn đề dân tộc và thuộc địa” [156, tr.58] và “Sự phân tích về chủ nghĩa thực dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến lúc đó vượt hẳn tất cả những gì mà những nhà lý luận Mácxít đề cập đến” [156, tr.58].

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự vận dụng sáng tạo, phát triển lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện lịch sử cụ thể Việt Nam. Theo Người, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [75, tr.1]. Đây là sự kết hợp sáng tạo giữa “quy luật nhất định” và “con đường khác nhau”. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội để bảo đảm giữ vững nền độc lập của dân tộc và mang lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” [76, tr.64].

Để hiện thực hóa niềm tin vào con đường cách mạng, việc xác định, tập hợp và tổ chức lực lượng cách mạng của Hồ Chí Minh cũng có những nét độc đáo, riêng biệt. Từ quan điểm của V.I. Lênin “Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân”, Hồ Chí Minh đã phát triển sáng tạo “Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước”. Bởi, Đảng ta là của giai cấp công nhân, “đồng thời là Đảng của cả dân tộc”; Đảng không chỉ ở trong tim cán bộ đảng viên, mà phải thật “gần gũi tận trong lòng của mỗi đồng bào ta” [84, tr.402]. Về lực lượng thực hiện, trong thời đại chủ

nghĩa tư bản, C. Mác ra khẩu hiệu, “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại”, V. I. Lênin trong thời đại chủ nghĩa đế quốc kêu gọi “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”. Đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đưa ra khẩu hiệu “Lao động tất cả các nước, đoàn kết lại” [73, tr.496]. Người còn nhấn mạnh “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” [85, tr.119]. Vận dụng quan điểm “ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh” của C. Mác, Hồ Chí Minh nhấn mạnh thêm “Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết” [74, tr.288].

Tin tưởng vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh vận dụng lý luận về thời kỳ quá độ và xây dựng chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Đó là quá độ gián tiếp, Việt Nam từ một nước thuộc địa, tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc đến dân chủ nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội là theo tinh thần của V.I Lênin trong điều kiện cho phép, nhưng không có nghĩa là chủ quan, nóng vội, đốt cháy giai đoạn mà phải dần dần, từng bước. Về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, theo V.I Lênin, trước hết phải làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no. Hồ Chí Minh diễn giải một cách ngắn gọn, dễ hiểu, “chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm được ấm no và sống một đời hạnh phúc” [84, tr.415].

Sau khi giành được độc lập dân tộc (9/1945), dù đứng trước nhiều cam go, thử thách nhưng Hồ Chí Minh vẫn luôn khẳng định và lan tỏa niềm tin “Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta” [76, tr.534]. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bằng niềm tin vào sức mạnh của dân tộc, Người chỉ rõ:

Lực lượng ta và địch so le nhiều như thế, cho nên lúc đó có người cho rằng: Cuộc kháng chiến của ta là "châu chấu đấu voi". Chỉ nhìn về vật chất, chỉ nhìn ở hiện trạng, chỉ lấy con mắt hẹp hòi mà xem, thì như thế thật. Vì để chống máy bay và đại bác của địch, lúc đó ta phải dùng gậy tầm vông. Nhưng Đảng ta theo chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta không những nhìn vào hiện tại, mà lại nhìn vào tương lai, chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc. Cho nên chúng ta quả quyết trả lời những người lừng chừng và bi quan kia rằng: Nay tuy châu chấu đấu voi, Nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra [79, tr.29].

Ánh sáng niềm tin Hồ Chí Minh đã khơi dậy sức mạnh của ý chí và khả năng “đào núi và lấp biển. Quyết chí cũng làm nên” của dân tộc. Vì vậy, dù phải đương đầu với kẻ thù hùng mạnh là đế quốc Mỹ, nhưng Hồ Chí Minh tuyên bố:

Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn [87, tr.131].

Đây là niềm tin vào tất thắng của chính nghĩa, tính ưu việt và giá trị tốt đẹp của con đường thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Niềm tin đó bắt nguồn sâu xa từ lý tưởng, khát vọng và ham muốn, “ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [76, tr.187].

3.1.3. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước

Thừa nhận, xác thực niềm tin vào vai trò và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng

Thứ nhất, Hồ Chí Minh có niềm tin vào tổ chức Đảng của giai cấp công nhân là xuất phát từ lý luận. Trong *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ sự ra đời của Đảng Cộng sản là tất yếu để đảm bảo cho giai cấp vô sản hoàn thành sứ mệnh lịch sử. V.I Lênin trong tác phẩm *Làm gì* (1902), tiếp tục khẳng định sức mạnh của tổ chức, xem đây là một vũ khí nhờ đó mà giai cấp vô sản sẽ tự giải phóng, không có vũ khí nào tốt hơn là sự tổ chức. Ông viết: “Tính tự giác của đội tiên phong còn biểu hiện ở chỗ là nó biết tự tổ chức. Mà sau khi đã được tổ chức, nó có một ý chí thống nhất, và ý chí thống nhất ấy của một nghìn, một trăm nghìn, một triệu người tiên tiến sẽ trở thành ý chí của một giai cấp” [152, tr.47-48]. Hơn nữa, thực tiễn Việt Nam đầu thế kỷ XX, có nhiều tổ chức ra đời, là các Hội, Đảng đại diện cho các giai tầng trong xã hội, lãnh đạo quần chúng đấu tranh nhưng các tổ chức đó vừa yếu khâu tổ chức, vừa thiếu lý luận tiên tiến soi đường.

Vì vậy, muốn giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy” [74, tr.289]. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh yếu tố lý luận tiên tiến soi đường, “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” [74, tr.289]. Như vậy, yếu tố cốt lõi của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào một tổ chức Đảng của giai cấp vô sản

là Đảng ấy phải lấy lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

Thứ hai, chính vì tin tưởng vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản nên sau khi lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã tích cực chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức để đầu năm 1930, triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là biểu hiện rõ nhất của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào tổ chức Đảng, bởi niềm tin đó không chỉ dừng lại trong nhận thức, mà được hiện thực hóa trong hành động thực tiễn cách mạng.

Niềm tin của Hồ Chí Minh vào tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, trước hết là tin tưởng vào đường lối chính trị đúng đắn của Đảng. Điều này được thể hiện rất rõ trong quá trình sáng lập, tổ chức và rèn luyện Đảng ta. Ngay từ khi chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng, Hồ Chí Minh đã chuẩn bị rất công phu đường lối chính trị, bằng nhiều tác phẩm lý luận, định hướng, vạch ra đường lối chính trị của Đảng. Tiêu biểu như tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927) được ví như tác phẩm *Làm gì* (1902) của V.I Lênin, đề cập đến những vấn đề hết sức cơ bản của cách mạng Việt Nam như: con đường, lực lượng, tổ chức, phương pháp cách mạng... Đây là tác phẩm tiền đề, nền tảng cho đường lối chính trị của Đảng ta. Đặc biệt, chính Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp soạn thảo, công bố *Cương lĩnh chính trị* (2/1930) trong Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930. Trong đó, khẳng định đường lối chính trị cơ bản, xuyên suốt là “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [75, tr.1]. Như vậy, niềm tin của Hồ Chí Minh vào đường lối chính trị của Đảng, phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và mang lại độc lập cho dân tộc, ấm no hạnh phúc cho đồng bào.

Trong quá trình tổ chức và rèn luyện Đảng ta, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc xây dựng đường lối chính trị của Đảng và tuyệt đối tin tưởng, phục

tùng đường lối chính trị đó. Người chỉ rõ, phải “tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Trung ương, phải tuyệt đối chấp hành mọi chính sách và nghị quyết của Đảng” [81, tr.31]. Bởi, đường lối chính trị của Đảng là kết tinh trí tuệ của Đảng và của cả dân tộc, là ngọn đèn pha soi sáng, dẫn đường cho cách mạng đi đến thắng lợi. Hơn nữa, một trong những phương thức lãnh đạo của Đảng ta là bằng đường lối, chủ trương, Cương lĩnh, Nghị quyết và Chỉ thị của Đảng. Vì vậy, cán bộ đảng viên và nhân dân phải hết sức tin tưởng vào đường lối chính trị và hiện thực hóa đường lối đó vào thực tiễn cách mạng. Tin tưởng đường lối phải gắn liền với quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối đó. Hồ Chí Minh yêu cầu phải: “Tuyệt đối chấp hành nghị quyết và đường lối của Đảng” [84, tr.485]; “Nếu thoát ly đường lối chính trị của Đảng, thì dù khéo mấy cũng không kết quả” [87, tr.140]. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta là thắng lợi của đường lối chính trị đúng đắn. Từ Cương lĩnh chính trị năm 1930 đến Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa I) năm 1941, đem lại thành công của Cách mạng Tháng Tám; Đường lối chính trị Đại hội II của Đảng (1951) đem lại thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954); Nghị quyết Trung ương 15 (Khóa II) năm 1959 mang lại thắng lợi bước đầu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Để củng cố và phát huy niềm tin chính trị của Nhân dân, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác xây dựng đường lối chính trị của Đảng, đây là vấn đề sinh tử của tổ chức Đảng, quyết định thành bại của cuộc cách mạng. Người yêu cầu: “khi định ra đường lối chính trị của mình, cố gắng kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam, đồng thời khiêm tốn học tập kinh nghiệm quý báu của các đảng anh em [87, tr.395-396]; Phải “luôn luôn giữ vững quan hệ khăng khít với quần chúng. Do đó, Đảng được nhân dân hết lòng tin yêu và ủng hộ; đường lối, chính sách của Đảng được nhân dân ra sức thực hiện” [87, tr.395-396].

Hơn nữa, niềm tin vào đường lối chính trị, không chỉ đề ra đường lối và tổ chức thực hiện đường lối đó trong thực tiễn, mà Hồ Chí Minh còn yêu cầu phải bảo vệ đường lối chính trị. Đấu tranh chống lại sự xuyên tạc, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, các hành vi vi phạm kỷ luật, đi ngược lại với chủ trương, đường lối, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng. Người chỉ rõ: “Ai không theo đúng kỷ luật của Đảng, không tự có tư tưởng đúng với đường lối của Đảng thì phải đuổi ra ngoài” [78, tr.369]. Đặc biệt, “phải chống xu hướng sai lầm... cái gì trái với đường lối của Đảng thì nhất định phải phản đối. Bọn đế quốc phản động tìm hết cách để phá cách mạng, chúng cho người chui vào Đảng làm gián điệp, cố leo lên cơ quan lãnh đạo để phá từ trong phá ra, nên đảng viên cần tỉnh táo đề phòng” [78, tr.372]. Quan điểm này của Hồ Chí Minh đến nay vẫn còn nguyên giá trị, nhất là khi các thế lực phản động, thù địch luôn tìm mọi âm mưu thủ đoạn chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, phá hoại đường lối chính trị của Đảng ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

Tin tưởng vào tổ chức Đảng, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Một Đảng cầm quyền có hai vấn đề quan trọng: Một là đường lối chính trị, hai là vấn đề cán bộ, trong đó “mấu chốt là vấn đề con người, vấn đề lựa chọn con người”, vì mọi chủ trương, đường lối của Đảng đều do con người làm ra. Do đó, xuyên suốt sự nghiệp lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ và tin tưởng vào đội ngũ cán bộ cách mạng.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào cán bộ, đảng viên được thể hiện trước hết là sự tin tưởng ở đạo đức, lòng trung thành và đức hy sinh của cán bộ, đảng viên. Chính vì sự tin tưởng đó, mà trong xây dựng đội ngũ cán bộ, Người nhấn mạnh đạo đức cách mạng là gốc, là tiêu chuẩn hàng đầu của người cán bộ. Có đạo đức, người cán bộ mới nhìn xa trông rộng, mới tin yêu quần chúng nhân dân, mới vượt qua khó khăn thử thách, không ngại gian khổ

và hy sinh. Không phải ngẫu nhiên mà trong tác phẩm *Đường Cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc lại đưa *Tư cách một người cách mạng* lên hàng đầu. Sau khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền (9/1945), Hồ Chí Minh nói và viết nhiều về đạo đức như *Sửa đổi lối làm việc* (1947); *Cần, Kiệm, Liêm, Chính* (1949); *Đạo đức cách mạng* (1958); *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* (1969). Trong việc dùng nhân tài, theo Người “ta không nên căn cứ vào những điều kiện quá khắt khe. Miễn là không phản lại quyền lợi dân chúng, không là Việt gian, thân Pháp, thân Nhật, có lòng trung thành với Tổ quốc là có thể dùng được. Tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cắt làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy” [76, tr.43]. Có thể thấy, Hồ Chí Minh càng tin tưởng vào đạo đức của cán bộ thì Người càng chăm lo, giáo dục và rèn luyện đạo đức cho đội ngũ cán bộ để tổ chức và thực hiện thành công sự nghiệp cách mạng.

Niềm tin của Hồ Chí Minh vào cán bộ còn được thể hiện ở việc tin tưởng vào trí tuệ và bản lĩnh của cán bộ. Điều này được thể hiện rất rõ khi Hồ Chí Minh tin dùng cán bộ, không phân biệt cán bộ già hay cán bộ trẻ. Theo Người, “Cán bộ già là vốn quý của Đảng, họ có kinh nghiệm về mặt lãnh đạo, được rèn luyện, thử thách nhiều trong thực tế đấu tranh... Còn cán bộ trẻ tuy chưa có một số ưu điểm như cán bộ già, nhưng họ lại hăng hái, nhạy cảm với cái mới, chịu khó học tập, cho nên tiến bộ rất nhanh” [87, tr.278]. Đặc biệt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh, khi đã tin tưởng thì giao việc và đã giao việc thì phải hoàn toàn tin tưởng cán bộ. Người nói: “Khi đã trao cho họ phải hoàn toàn tin họ. Không nên sớm ra lệnh này, trưa đổi lệnh khác. Nếu không tin cán bộ, sợ họ làm không được, rồi việc gì mình cũng nhúng vào. Kết quả thành chứng bao biện, công việc vẫn không xong. Cán bộ thì vợ vắn cả ngày, buồn rầu, nản chí” [77, tr.320].

Trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh luôn đặt niềm tin vào đội ngũ cán bộ của Đảng. Câu chuyện phong tượng cho Võ Nguyên Giáp

(2/1948) của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sự tin tưởng vào tài cầm quân và trí tuệ của vị tướng trẻ theo tiêu chí đánh thắng tướng thì phong tướng, đánh thắng tá thì phong tá. Giải quyết bắn khoản của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước khi lên đường chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ, Hồ Chí Minh nói: Tổng tư lệnh ra mặt trận “tướng quân tại ngoại” trao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh. Được sự tin tưởng tuyệt đối và trao toàn quyền quyết định, cho nên Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng quân và dân ta làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, viết tiếp trang sử vàng của dân tộc trong thời đại mới. Đây cũng là một minh chứng cho thắng lợi của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, “tuyệt đối tin tưởng vào Đảng, vào tương lai tất thắng của cách mạng và Tổ quốc” [79, tr.289].

Thừa nhận, xác thực niềm tin vào sự quản lý của Nhà nước

Ngay trong nội hàm khái niệm chính trị, vấn đề trung tâm của chính trị là giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước. Đó là vấn đề cơ bản của các cuộc cách mạng. Niềm tin vào sức mạnh của tổ chức nhà nước còn bắt nguồn từ tính chính đáng của giai cấp cầm quyền, mà Nhà nước là cơ quan quyền lực do nhân dân thành lập. Sau khi giành được chính quyền, để bảo vệ thành quả cách mạng, phải có Nhà nước - công cụ để trấn áp các lực lượng chống đối và chống phá từ bên trong và bên ngoài. Đối với Hồ Chí Minh, niềm tin vào sức mạnh của tổ chức Nhà nước, là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Chứ không phải nhà nước thiểu số của giai cấp cầm quyền, thống trị. Như vậy, tin tưởng vào sức mạnh của Nhà nước, chính là tin tưởng sức mạnh vô địch của Nhân dân. Hồ Chí Minh đã soạn thảo, đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* để khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng thời, bắt tay tiến hành ngay Tổng tuyển cử trong cả nước và soạn thảo, ban hành Hiến pháp đầu tiên (1946) để Nhà nước hoạt động hợp hiến và hợp pháp.

Với niềm tin vào sức mạnh tổ chức nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra của cách mạng, Hồ Chí Minh đã sớm khảo nghiệm, tìm tòi các mô hình nhà nước để chuẩn bị cho sự ra đời và vận hành của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Năm 1930, trong *Chánh cương vắn tắt*, lần đầu tiên Người đưa ra mục tiêu “Dựng ra chính quyền công nông binh”, đến Hội nghị Trung ương 8 khóa I, (5/1941), vấn đề chính quyền hướng đến xây dựng nền dân chủ cộng hòa, Chính phủ đại diện toàn thể nhân dân. Như vậy, từ mô hình nhà nước Xôviết đến nhà nước Dân chủ Cộng hòa là một quá trình phát triển tư duy về lựa chọn mô hình nhà nước của Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn dân tộc Việt Nam. Trong quá trình chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập các Khu giải phóng - hình ảnh thu nhỏ của nhà nước Việt Nam. Nhằm “vừa lãnh đạo nhân dân chuẩn bị tổng khởi nghĩa, vừa tập cho nhân dân cầm chính quyền” [11, tr.134]. Thời cơ cách mạng chín muồi, ngày 14/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, Tuyên Quang, quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng, ra mắt Quốc dân Đại hội, làm chức năng Chính phủ lâm thời ngay sau khi giành được Chính quyền. Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây chính là sự hiện thực hóa niềm tin vào tổ chức nhà nước của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam.

Niềm tin chắc chắn của Hồ Chí Minh là sau khi giành độc lập dân tộc, sẽ tiến lên xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhà nước đó đoạn tuyệt với chế độ quân chủ và chế độ thống trị của thực dân Pháp. Đó là thể chế Dân chủ Cộng hòa với tất cả quyền bính trong nước đều thuộc về nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, trong nhà nước pháp quyền, nhân dân là người giữ vai trò quyết định trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Người dân có quyền làm chủ cuộc sống, tự do đi lại, tự do ngành nghề, tự do ngôn luận, tự do học tập, trong khuôn khổ của hiến pháp và

pháp luật. Người dân có quyền làm chủ các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội thông qua bầu cử và bãi miễn. Điều đó được thể hiện trước hết ở sự khẳng định tính cấp thiết của việc Tổng tuyển cử nhằm thực hiện quyền tự do, dân chủ của nhân dân: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ” [76, tr.7]. Cùng với quyền bầu ra những đại diện cho mình trong bộ máy nhà nước thì “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân” [84, tr.375]. Hồ Chí Minh tin tưởng rằng, trong Nhà nước pháp quyền, bao nhiêu lợi ích đều vì dân; bao nhiêu quyền hạn đều của dân; công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân; chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương đều do dân cử; đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

Để tiến tới một Nhà nước pháp quyền hiệu lực, hiệu quả thì vấn đề then chốt, cốt lõi là xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức đủ đức, đủ tài và ngang tầm nhiệm vụ. Sinh thời, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm xây dựng và tin tưởng đội ngũ “công bộc” của dân ngay từ những ngày đầu xây dựng chính quyền nhà nước. Đi liền với sự tin tưởng và kỳ vọng là yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức nhà nước về trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Về trình độ chuyên môn của cán bộ Nhà nước, Người yêu cầu phải chuẩn về văn hóa, am hiểu pháp luật, thành thạo nghiệp vụ hành chính để có đủ khả năng quản lý nhà nước. Người đặt niềm tin không chỉ những quan lại, trí thức đã được đào tạo nghề nghiệp trong chế độ cũ mà còn cả những ai “có tài có đức, có sức có lòng” phục vụ nước nhà, thì được mời tham gia bộ máy nhà nước. Theo Người, “Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân

tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều” [76, tr.114]. Đồng thời, Người đã kêu gọi *Tìm người tài đức* để kiến thiết nước nhà. Về phẩm chất đạo đức của cán bộ công chức, viên chức trong bộ máy Nhà nước, Người nói: “Làm việc nước bây giờ là hy sinh, là phấn đấu, quên lợi riêng mà nghĩ lợi chung. Những ai muốn làm quan cách mạng thì nhất định không nên bầu” [76, tr.168]. Bởi, cán bộ cách mạng hoạt động trong lĩnh vực nhà nước mà lên mặt “quan cách mạng”, hách dịch, những nhieu với dân thì sẽ không được lòng dân, dẫn đến mất niềm tin của nhân dân với chính quyền và chế độ xã hội. Chỉ có trí tuệ và lòng dân mới có thể làm cho chính quyền trở nên mạnh mẽ và sáng suốt. Do đó, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở, giáo dục cán bộ nhà nước phải gần dân, trọng dân, lắng nghe ý kiến của dân. Đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ nhà nước nói riêng trong thời kỳ Hồ Chí Minh trực tiếp quản lý, lãnh đạo phần lớn đã cống hiến cho cách mạng nước nhà. Đáp lại sự tin tưởng, kỳ vọng của Hồ Chí Minh vào một nền hành chính nhà nước, trong đó đội ngũ cán bộ công chức, viên chức là then chốt, trụ cột.

Sức mạnh của tổ chức Nhà nước được hiện thực hóa trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Không chỉ đặt niềm tin vào sức mạnh tổ chức nhà nước, Hồ Chí Minh còn từng bước hiện thực hóa niềm tin đó vào trong thực tiễn đấu tranh cách mạng để vừa bảo vệ chính quyền, vừa xây dựng chính quyền nhà nước vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả. Trong 24 năm đứng đầu Nhà nước (1945 - 1969), Hồ Chí Minh đã lãnh đạo xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thể hiện trên nhiều khía cạnh cơ bản sau:

Thứ nhất, hiện thực hóa niềm tin bằng việc xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nhà nước của dân có nghĩa là “bao nhiêu quyền hạn đều là của dân”, những người trong bộ máy nhà nước đều là “đầy tớ của dân”, kể cả những người nắm giữ chức vụ cao nhất của nhà nước cũng chỉ là “một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận” [76, tr.187]. Nhà nước do dân nghĩa là “Chính quyền từ xã đến Chính

phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã, do dân tổ chức nên” [78, tr.232]. Nhà nước muốn điều hành, quản lý xã hội có hiệu lực hiệu quả nhất định phải dựa vào dân. Chính phủ có kế hoạch “Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân” chứ không phải bao cấp, làm thay dân để dân ỷ lại, trông chờ nhà nước. Cùng với Nhà nước của dân, do dân, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ về xây dựng Nhà nước vì dân: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân”, “Việc gì có lợi cho dân thì phải hết sức làm cho kỳ được. Việc gì có hại cho dân, thì phải hết sức tránh” [76, tr.51]. Hiện thực hóa những quan điểm chỉ đạo, Hồ Chí Minh đã thực hiện và trở thành tấm gương sáng ngời trong việc xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Người chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là phấn đấu cho độc lập của Tổ quốc, hạnh phúc cho đồng bào. Đây chính là điểm mấu chốt, là “then chốt của then chốt” trong việc tạo lập và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với chính quyền nhà nước. Nhờ đó, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày càng lớn mạnh, không những được sự ủng hộ của nhân dân, mà còn được nhiều quốc gia trên thế giới thừa nhận, đặt quan hệ ngoại giao, hợp tác hữu nghị, tạo ra sức mạnh tổng hợp để làm nên thắng lợi của kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975) và từng bước xây dựng nước nhà.

Thứ hai, hiện thực hóa niềm tin bằng việc xây dựng Nhà nước hợp hiến, hợp pháp. Ngay từ năm 1919, trong bài *Việt Nam yêu cầu ca*, Nguyễn Ái Quốc đã viết “Bây xin hiến pháp ban hành. Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” [73, tr.473]. Chứng tỏ Người sớm chú ý đến pháp luật, đến quyền con người trong lãnh đạo và quản lý xã hội. Đây là một quan điểm rất đặc sắc, tiên bộ, mang tính nền tảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước. Sau khi giành được chính quyền, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* để tuyên bố với quốc dân đồng bào và nhân dân thế giới về sự “khai sinh” của nước Việt Nam mới. Bản *Tuyên ngôn độc lập* là

văn kiện chính trị, mang tính pháp lý đặc biệt khẳng định tính hợp pháp, hợp công lý của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Để Nhà nước hoạt động thực sự đại diện cho dân thì phải do toàn dân cử ra, cho nên Hồ Chí Minh đề nghị “Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu” [76, tr.7]. Mặc dù thực dân Pháp và tay sai phản động ra sức chống phá cuộc Tổng tuyển cử (6/1/1946) trong cả nước vẫn diễn ra thành công với 90 % cử tri đi bỏ phiếu, bầu 333 Đại biểu quốc hội khóa I, bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Kết quả này chính là hiện thực hóa niềm tin của Hồ Chí Minh khi Người “rất tin tưởng rằng, nếu có tổng tuyển cử, dân chúng nhất định sẽ bầu” [75, tr.482]. Đồng thời, để nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, Người đã khẩn trương tổ chức soạn thảo Hiến pháp mới, được thông qua tại kỳ họp thứ hai (9/11/1946). Đây là bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta, khẳng định tính hợp hiến, hợp pháp của Nhà nước mới ra đời. Sau năm 1954, để phù hợp với tình hình cách mạng ở hai miền với hai nhiệm vụ chính trị khác nhau, Hồ Chí Minh chủ trì soạn thảo bản Hiến pháp sửa đổi năm 1959 để Nhà nước tổ chức, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả trong giai đoạn mới của cách mạng. Ngoài hai bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959, Hồ Chí Minh còn tổ chức, lãnh đạo nhà nước, từng bước xây dựng hệ thống pháp luật, Người “đã công bố 16 đạo luật và gần 1.300 văn bản dưới luật khác” [31, tr.212]. Trong điều kiện chiến tranh, phải sử dụng các Sắc lệnh để quản lý, điều hành đất nước, nhưng Hồ Chí Minh luôn lắng nghe và hết sức tôn trọng ý kiến của Thường trực Quốc hội trước khi ký thông qua sắc lệnh. Đồng thời, Người yêu cầu mọi người cần có trách nhiệm góp phần làm luật pháp của ta tốt hơn, phong phú hơn và cố gắng làm cho Hiến pháp dân chủ ngày một hoàn thiện hơn.

Thứ ba, hiện thực hóa niềm tin chính trị bằng việc xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước. Sau khi thành lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức chú trọng đến việc xây dựng bộ máy

chính quyền nhà nước các cấp. Người viết rất nhiều bài mang tính chất chỉ dẫn về cách thức tổ chức bộ máy nhà nước như: *Cách tổ chức các ủy ban nhân dân; Chính phủ là công bộc của dân; Tinh thần tự động trong các Ủy ban nhân dân; Thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng...* toát lên những nội dung, yêu cầu về đổi mới tổ chức bộ máy của chính quyền để phục vụ nhân dân. Năm 1947, Hồ Chí Minh viết “Thư gửi các đồng chí Bắc bộ”, “Thư gửi các đồng chí Trung bộ” nhằm chấn chỉnh lề lối và phương pháp làm việc của các cơ quan nhà nước ở địa phương. Tháng 2/1952, trong *Thư gửi Hội nghị kháng chiến hành chính toàn quốc*, Hồ Chí Minh yêu cầu Hội nghị cần “Thảo luận kỹ lưỡng những vấn đề rất quan trọng như: Chỉnh đốn và kiện toàn bộ máy chính quyền; sửa đổi và thống nhất cách làm việc; thiết thực thực hiện quân dân chính nhất trí; giải quyết vấn đề cán bộ” [78, tr.323]. Gắn liền với xây dựng, đổi mới là chỉnh đốn bộ máy nhà nước, để vừa tinh gọn tổ chức, vừa lựa chọn và loại bỏ các phần tử yếu kém, thậm chí là cơ hội và phá hoại nhà nước từ bên trong. Tháng 9/1950, trong bài viết *Chỉnh đốn Đoàn thể và chính quyền* với bút danh X.Y.Z, Người viết: “Chính quyền và Đoàn thể cũng cần thường thường rửa các bộ máy của mình, để tẩy trừ những phần tử bất chính, đầu cơ, và chỉnh đốn lại cách làm việc cho gọn gàng, mau chóng” [42, tr.373]. Đồng thời, Hồ Chí Minh còn chỉ ra phương pháp để thực hiện, đó là “Chấn chỉnh bộ máy chính quyền từ dưới lên trên, bắt đầu từ xã; dưới làm lên trên, trên làm xuống dưới, tự nhiên mọi việc sẽ thành” [78, tr.15]. Thực tiễn cách mạng cho thấy, Hồ Chí Minh đã dày công xây dựng tổ chức chính quyền nhà nước, đó chính là quá trình hiện thực hóa niềm tin của mình vào sức mạnh tổ chức đại diện quyền lực cho nhân dân.

3.1.4. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào vai trò, sức mạnh của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng

Kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh quan niệm về Dân, Nhân dân hết sức độc đáo với một nội hàm rất rộng. Tiếp cận từ cội nguồn và dòng dõi nước Việt thì Dân là “mọi con dân nước Việt” có nguồn gốc là con Rồng cháu Tiên, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; không phân biệt “già trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện”. Tiếp cận từ thái độ, lòng thành với cách mạng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ” [81, tr.244]. Đối với những người lầm đường lạc lối nhưng nay đã ăn năn, hối cải, cách mạng không định kiến hay tách biệt họ mà phải lôi kéo, cảm hóa họ về với dân tộc. Bởi, trong hàng triệu con người, có người thể này, có người thể khác, cũng như năm ngón tay có ngón ngắn, ngón dài. Nhưng dài ngắn đều tập hợp lại nơi bàn tay. Cho nên, ai lầm đường lạc lối thì cảm hóa họ.

Tiếp cận từ cơ cấu giai cấp của xã hội, Người viết: “Nhân dân là: bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc” [80, tr.262]. Theo Người, “Vì bị đế quốc và phong kiến áp bức bóc lột tàn tệ, cho nên giai cấp công, nông, tiểu tư sản nhiệt liệt mong muốn đánh đổ chúng... Dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động, bốn giai cấp ấy đoàn kết thành mặt trận thống nhất, đánh đế quốc và phong kiến đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi” [80, tr.257]. Tuy nhiên, xuất phát từ địa vị kinh tế - xã hội khác nhau nên mức độ bị áp bức, cũng như thái độ chính trị, tinh thần cách mạng, vai trò của mỗi giai cấp cũng khác nhau. Người lý giải: “trong công việc sản xuất, địa vị của mỗi giai cấp khác nhau, cho nên đặc tính của mỗi giai cấp cũng khác nhau. Đặc tính khác nhau cho nên vai trò cách mạng cũng khác nhau” [80, tr.257]. Trong bốn giai cấp đó, giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là hai giai cấp bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất nên tinh thần cách mạng kiên quyết nhất, triệt để nhất, nên họ là “chủ”, “nền gốc” của cách mạng. Như vậy, Nhân dân vừa là một tập

hợp đồng đảo quần chúng, vừa được hiểu là mỗi con người Việt Nam cụ thể, cả hai đều là chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là động lực, sức mạnh của cách mạng.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào quần chúng nhân dân bắt nguồn từ sự kế thừa và nâng cao tư duy chính trị truyền thống dân tộc “Nước lấy dân làm gốc”, bài học sức mạnh vô địch của nhân dân “Chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân”, “Vua tôi đồng lòng, cả nước giúp sức” trong lịch sử. Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [82, tr.453], “Dễ mười lần không dân cũng chịu, Khó trăm lần dân liệu cũng xong” [87, tr.280]. Không chỉ kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc, Hồ Chí Minh còn tiếp thu có chọn lọc tư tưởng “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” của Nho giáo; lý tưởng Tự do - Dân chủ - Bác ái của văn hóa phương Tây, đề cao và coi con người là trung tâm của vũ trụ. Niềm tin của Hồ Chí Minh về Dân, Nhân dân tiếp tục được bổ sung, phát triển về chất khi Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Kế thừa quan điểm Quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử; Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản của các nhà kinh điển, Hồ Chí Minh tổng kết: cách mạng là sự nghiệp của đông đảo quần chúng nhân dân chứ không phải việc của một hai người; Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân. Tiếp thu và hội tụ tư tưởng trọng dân, cùng với tấm lòng yêu thương, kính trọng nhân dân sâu sắc, Hồ Chí Minh có một tình cảm sâu sắc, niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào Nhân dân thể hiện ở những nội dung cơ bản, chủ yếu sau:

Thứ nhất, tin vào tinh thần yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh có niềm tin tuyệt đối vào tinh thần yêu

nước, đoàn kết, nhân nghĩa của nhân dân Việt Nam. Đây là giá trị đứng hàng đầu trong hệ giá trị văn hoá Việt Nam, và là một trong những giá trị cốt lõi làm nên sức mạnh, sự trường tồn và phát triển của dân tộc ta. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa thấm đượm trong mỗi con người Việt Nam và được thể hiện trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước. Kế thừa những giá trị đó, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng, tinh thần yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa là động lực chủ yếu xuyên suốt trong hành trình phát triển của dân tộc. Trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần đoàn kết đã tạo nên sức mạnh dân tộc to lớn giúp nhân dân ta đánh thắng mọi ý chí xâm lược của kẻ thù, giữ vững non sông, bờ cõi của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu: “Phải luôn luôn nâng cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội; ý thức làm chủ tập thể, tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng đất nước; chịu đựng mọi gian khổ, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ” [86, tr.124]. Tuy nhiên, sức mạnh của tinh thần yêu nước, đoàn kết không phải tự nhiên mà có, không tự nhiên mà nó kết hợp thành những làn sóng mạnh mẽ nhấn chìm kẻ thù, sức mạnh đó chỉ được phát huy một cách có hiệu quả khi nó được khơi dậy, thức tỉnh, tuyên truyền, tổ chức và lãnh đạo một cách đúng đắn. Theo Người:

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến [79, tr.38-39].

Thủ tướng Phạm Văn Đồng - học trò xuất sắc và gần gũi với Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết “Hồ Chủ tịch tin rằng người Việt Nam nào cũng yêu

nước, muốn nước thống nhất, độc lập, ta khéo nhen chút than hồng ấy, nó sẽ cháy lên thành ngọn lửa” [27, tr.32].

Nhận thức sâu sắc vai trò to lớn của tinh thần yêu nước, đoàn kết của nhân dân, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn đặc biệt quan tâm đến việc khơi dậy và phát huy sức mạnh của tinh thần yêu nước, đoàn kết vào sự nghiệp đấu tranh cho nền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Năm 1941, sau khi về nước, Người chủ trì Hội nghị Trung ương VIII (5/1941), thông qua những vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Đồng thời, Người viết nhiều bài báo, thư từ, lời kêu gọi, diễn ca... như: *Kính cáo đồng bào; Lời hiệu triệu đoàn kết tất cả các bậc phụ lão; Ca binh lính; Dân cày; Trẻ con; Phụ nữ; Thư gửi các bậc hào lý, hương dịch...* để khơi dậy tinh thần yêu nước, đoàn kết của tất cả các thành phần trong nhân dân từ các bậc phụ lão, phú hào, đến trẻ em, phụ nữ, nông dân, binh lính... Người chỉ rõ cho nhân dân hiểu nguyên nhân đất nước chưa giành được độc lập là vì nhân dân chưa đồng tâm hiệp lực, chưa đoàn kết chặt chẽ. “Việc lớn chưa thành không phải vì đế quốc mạnh, nhưng một là vì cơ hội chưa chín hai vì dân ta chưa hiệp lực đồng tâm” [75, tr.229]. Từ đó, Người kêu gọi tinh thần yêu nước, đoàn kết, đồng tâm hiệp lực của toàn dân và khẳng định với sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc thì cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta nhất định thành công. Ở đoạn kết bài diễn ca *Lịch sử nước ta*, Người ghi bốn câu thơ: “Mai sau sự nghiệp hoàn thành. Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng. Dân ta xin nhớ chữ đồng. Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!” [75, tr.266].

Một điều rất đặc biệt khi viết diễn ca *Lịch sử nước ta*, sau khi kết thúc bài thơ, Người ghi lại các dấu mốc lịch sử quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Dòng cuối Người ghi rõ: “1945 Việt Nam độc lập” [75, tr.267]. Đây là một trong những dự đoán thiên tài của Chủ tịch Việt Nam về thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đúng vào năm 1945. Vậy, tại

sao Hồ Chí Minh lại đưa ra một dự đoán chính xác như vậy? Hoàn toàn không phải phỏng đoán hay tâm linh, huyền bí, mà xuất phát từ những cơ sở mang tính quy luật của lịch sử, đứng vững trên nền tảng của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Một yếu tố quan trọng là Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức một cách sâu sắc về thời cơ của cuộc cách mạng giành độc lập dân tộc đang đến gần trong vòng hai đến ba năm. Để nhận thức đúng đắn thời cơ cách mạng, không phải là ngẫu nhiên mà đó là kết quả của sự kết hợp kinh nghiệm từ hoạt động thực tiễn phong phú với trình độ nhận thức lý luận uyên thâm, thiên tài về chính trị. Đặc biệt, Người có một niềm tin chính trị mãnh liệt vào sức mạnh của tinh thần yêu nước, đoàn kết của quần chúng nhân dân. Bên cạnh dựa trên cơ sở khoa học, những dự báo chính xác của Hồ Chí Minh còn cho thấy sự nhạy cảm chính trị, thiên tài tổ chức và bản lĩnh quyết định của Hồ Chí Minh để làm nên lịch sử vẻ vang.

Thứ hai, tin vào ý chí, tinh thần cách mạng quật cường của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh có một niềm tin sâu sắc vào sức sống mãnh liệt, và ý chí, tinh thần cách mạng quật cường của nhân dân lao động ở các nước thuộc địa dưới ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, thực dân. Là một trong những chiến sĩ cộng sản đại diện cho các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa phương Đông, hoạt động trong phong trào Cộng sản quốc tế, hơn ai hết, Nguyễn Ái Quốc hiểu rõ được sự tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc thực dân ở các nước thuộc địa cũng như sức sống mãnh liệt và tinh thần cách mạng to lớn tiềm tàng trong quảng đại quần chúng nhân dân. Hơn nữa, Người có một niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh vô cùng to lớn của quảng đại quần chúng nhân dân lao động bị áp bức ở thuộc địa khi được tuyên truyền, giác ngộ, tổ chức, tập hợp và lãnh đạo họ đứng lên đánh đổ mọi ách áp bức trên vai họ. Ngay từ năm 1921, Người đã viết:

Bị đầu độc cả về tinh thần và thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bầy người ấy cứ mãi mãi bị dùng làm

đồ tể cái ông thần tư bản, rằng bây người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không: Người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương [73, tr.40].

Kết thúc bài báo, Người khẳng định: “Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi” [73, tr.39]. Với nhận thức sâu sắc về tương lai của một cuộc cách mạng giải phóng ở Đông Dương, ngay từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã bắt đầu chuẩn bị cho việc thành lập một chính đảng mácxít ở Việt Nam để lãnh đạo nhân dân Việt Nam đứng lên đánh đổ ách áp bức của chủ nghĩa thực dân Pháp, giành lại nền độc lập cho dân tộc. Ngay cả khi cách mạng đang đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Hồ Chí Minh vẫn tin tưởng “có dân là có tất cả”, “có dân thì việc gì cũng xong”, “dân rất tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ” [77, tr.286]. Hoàn cảnh càng khó khăn, thử thách thì tinh thần quật khởi, ý chí cách mạng của nhân dân càng được thể hiện và nhân lên. Người tổng kết: “càng gian nan cực khổ, đồng bào ta càng đoàn kết, càng hăng hái, càng tin tưởng vào sự thắng lợi cuối cùng của Tổ quốc, càng ra sức ủng hộ kháng chiến” [77, tr.360]. Tinh thần quật khởi và ý chí vươn lên của nhân dân không chỉ thể hiện trong đấu tranh giải phóng mà còn được nhân lên mạnh mẽ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người khẳng định, luôn “tin tưởng vào sự phấn đấu anh dũng và thành công tốt đẹp của cán bộ và công nhân. Và cán bộ cùng công nhân đã tỏ ra xứng đáng với lòng tin cậy của Bác” [86, tr.477].

Thứ ba, tin vào trí tuệ, sáng kiến và ý chí của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ có niềm tin to lớn vào tinh thần và ý chí cách mạng mà Người còn có niềm tin chắc chắn vào những sáng kiến, trí tuệ và ý chí của

nhân dân. Niềm tin này xuất phát từ nhận thức rất rõ truyền thống cần cù, thông minh, sáng tạo, linh hoạt, dũng cảm của dân tộc ta trong sự nghiệp đấu tranh chống kẻ thù hung bạo và thiên tai nghiệt ngã. Người chỉ rõ: cách mạng phải “tin tưởng vào lực lượng của nhân dân, học hỏi nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân và không một phút nào xa rời nhân dân, cùng nhân dân kết thành một khối” [80, tr.281].

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc đầy khó khăn và thử thách, Người luôn đặt niềm tin chính trị vào sự sáng suốt, ý chí của nhân dân, ngay cả khi cách mạng ở vào tình thế khó khăn, cam go, thử thách nhất. Chúng ta biết rằng ngay sau khi cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Hồ Chí Minh đã nhanh chóng tổ chức tiến hành những công việc cấp bách và quan trọng để tạo ra cơ sở pháp lý cho sự ra đời và hoạt động của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong đó, có việc nhanh chóng tổ chức cuộc Tổng tuyển cử để toàn thể nhân dân bầu ra bộ máy Nhà nước. Tổng tuyển cử là một sự kiện chính trị vô cùng quan trọng và có ý nghĩa rất to lớn đối với lịch sử dân tộc. Đây là lần đầu tiên, nhân dân Việt Nam có được quyền dân chủ quý báu - quyền bầu ra bộ máy Nhà nước, nắm giữ lấy quyền lực Nhà nước. Một điều đặc biệt đáng lưu ý ở đây là một sự kiện chính trị vô cùng to lớn của nhân dân ta lần đầu tiên được thực hiện trong lịch sử dân tộc mà lại được thực hiện trong điều kiện cách mạng ở vào tình thế khó khăn, cam go thử thách nhất. Sau khi giành được độc lập (1945), cách mạng đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách, đối diện với thù trong giặc ngoài. Dưới sự yểm trợ của thực dân Anh, quân Pháp nổ súng đánh chiếm miền Nam Việt Nam, hòng biến nước ta trở lại thuộc địa của chúng. Miền Bắc, quân Tưởng Giới Thạch dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật, ra sức chống phá Chính quyền non trẻ của ta, hòng dựng lên chính quyền tay sai của chúng. Hơn nữa, Tổng tuyển cử là sự kiện chính trị vô cùng to lớn và quan trọng bởi lẽ đây là dịp để toàn thể nhân dân thể hiện sự tự do, sáng suốt trong lựa chọn những người tài, đức ra

gánh việc nước. Việc tiến hành tổ chức thực hiện một sự kiện chính trị to lớn như vậy diễn ra trong hoà bình cũng đòi hỏi phải có sự chuẩn bị lâu dài, kỹ lưỡng, chu đáo mới có thể thành công. Trong khi đó, Tổng tuyển cử năm 1946 đã diễn ra trong điều kiện đất nước vô cùng khó khăn như vậy nhưng đã thành công tốt đẹp. Tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu rất cao, trung bình là 89%, nhiều nơi đạt 95%. Việc quyết tâm tiến hành Tổng tuyển cử để nhân dân bầu ra bộ máy Nhà nước trong điều kiện đất nước muôn vàn khó khăn như vậy, cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh có một niềm tin mãnh liệt vào trí tuệ, sự sáng suốt và bản lĩnh chính trị của nhân dân.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ phải lắng nghe dân, học dân “phải tin tưởng ở óc sáng tạo, trí thông minh sáng tạo” [84, tr.147] vì dân rất thông minh, tài giỏi; trí tuệ và sáng kiến của nhân dân là vô cùng tận. Người cho rằng cán bộ lãnh đạo biết tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân thì mọi sự lãnh đạo đều mau chóng thành công. Người viết: “dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra” [77, tr.335]. “Nhân dân trăm tai nghìn mắt vẫn có nhiều ý kiến thông minh, có thể giúp cho các chú tiến bộ hơn... Công tác gì muốn làm tốt đều phải coi trọng ý kiến của nhân dân” [87, tr.668]. Tóm lại, “Phải tin tưởng sâu sắc ở lực lượng và trí tuệ của tập thể, của nhân dân. Tăng cường đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau” [86, tr.619].

Một trong những tiêu chuẩn cần thiết của cán bộ, đảng viên, đó là “phải tin tưởng vào lực lượng và sáng kiến của quần chúng; phải học hỏi quần chúng; phải đi đúng đường lối quần chúng để lãnh đạo quần chúng” [80, tr.283]. Niềm tin của Hồ Chí Minh luôn đi liền với hành động, việc làm cụ thể. Theo đó, Người chỉ dẫn cho cán bộ đảng viên biết cách khơi dậy và hiện thực những hăng hái sáng kiến của quần chúng nhân dân. Theo Người, đã tin

tưởng vào lực lượng và sáng kiến của quần chúng, thì “phải gom góp tư tưởng, kinh nghiệm, sáng kiến và ý chí của quần chúng, sắp xếp nó thành hệ thống, rồi lại áp dụng vào trong quần chúng” [80, tr.277]. Có thể thấy, từ quan điểm nhân dân là chủ thể của sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn có niềm tin chính trị mãnh liệt vào sức mạnh yêu nước, đoàn kết, trí tuệ, bản lĩnh của quần chúng nhân dân. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quán triệt quan điểm Dân là gốc của nước; mọi công tác lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước phải lấy Dân làm gốc.

Thứ tư, tin tưởng vào thế hệ trẻ, vào lực lượng thanh niên - những người “thừa kế cách mạng”, tương lai của nước nhà. Theo Người, chỉ có dựa vào thế hệ trẻ mới đủ sức làm nên sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, sánh vai với các cường quốc năm châu. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi gắm niềm tin yêu của mình với thế hệ trẻ, “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em” [76, tr.35]. Đối với thanh niên, Người đặc biệt đề cao vai trò, trách nhiệm trước vận mệnh dân tộc và sự phát triển của đất nước. Người khẳng định: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên” [77, tr.216]. Chính vì sự tin tưởng, yêu thương đó, trong *Di Chúc*, Người căn dặn “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết” [87, tr.612]. Có thể thấy, Hồ Chí Minh giành tình cảm, sự yêu mến và tin tưởng đối với thế hệ trẻ Việt Nam. Niềm tin của Hồ Chí Minh vào thế hệ trẻ không chỉ ở hiện tại mà còn thấy cả tương lai,

không chỉ là vấn đề trước mắt mà còn là lâu dài, chiến lược trông người, đảm bảo cho sự trường tồn của dân tộc.

Khi đề cập đến vai trò lịch sử của Hồ Chí Minh trong việc phát huy sức mạnh của Nhân dân, ông Rôexlan Ápđungani - Nhóm trưởng nhóm cố vấn Tổng thống Indônêxia cho rằng:

Xuất phát từ lịch sử mà Hồ Chí Minh đã rút ra được nhiều bài học đối với nhân dân. Nhân dân hay quần chúng là yếu tố quan trọng nhất trên thế giới. Trong thế giới ngày nay, không có cái gì có thể chống lại sự đoàn kết của nhân dân... không có gì mạnh mẽ hơn sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Lòng tin tưởng của Người vào thắng lợi của cuộc đấu tranh của nhân dân vì độc lập của quốc gia và dân tộc được biểu hiện rõ rệt trong lời nói của Người: Không gì có thể ngăn cản mặt trời mọc. Không ai có thể đi ngược lại ý nguyện của nhân dân [89, tr.45].

3.1.5. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới

Lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới là một lực lượng quan trọng, ủng hộ và giúp đỡ cách mạng Việt Nam, nhất là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trên lập trường chính nghĩa, bảo vệ hòa bình, họ đã đấu tranh với các nhà cầm quyền dưới nhiều hình thức khác nhau. Tổ chức các cuộc biểu tình ở các ngã đường, tòa thị chính; lên án tội ác chiến tranh qua các diễn đàn, truyền thông nhằm kêu gọi dư luận cộng đồng quốc tế phản đối chiến tranh. Một số cá nhân phản đối chiến tranh Việt Nam bằng sự hy sinh, đổ máu.

Tại sao Hồ Chí Minh tin tưởng vào lực lượng này trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người? Đây là một giả thiết rất khó để tường minh nhưng cũng đầy lý thú trong nghiên cứu về Hồ Chí Minh nói chung, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh nói riêng. Bằng khảo cứu ban đầu, có thể luận giải những cơ sở của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh

vào lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình. Trước hết, là những trải nghiệm rộng rãi, phong phú của Hồ Chí Minh với thế giới, nhất là ở các nước chính quốc. Hơn 30 năm bôn ba khắp thế giới, Người đã “đi nhiều nơi, đến nhiều chỗ và làm rất nhiều việc” khác nhau, sự trải nghiệm ở “những đất tự do, những trời nô lệ” đã làm cho Hồ Chí Minh nhận thấy ở đâu cũng có bất công, nghèo đói. Ở Pháp, Người nhận ra cũng có người nghèo, đói khổ, lạc hậu chứ không phải “văn minh” như những gì thực dân Pháp rêu rao ở thuộc địa. Đến Mỹ, Người thấy cảnh tượng đối lập giữa một bên là sự giàu có, xa hoa tráng lệ ở New York với một bên là sự nghèo đói, bẩn thỉu ở khu ổ chuột háclem (Harlem) nơi mà tính mạng người công nhân lao động không đáng một xu. Qua Anh, Người chứng kiến cảnh tượng bóc lột, tra tấn dã man của thực dân Anh với nô lệ da đen, ném họ xuống biển không hề thương tiếc. Vì vậy, không chỉ nhân dân thuộc địa, lao động cần lao đứng lên đấu tranh mà còn có cả những lực lượng dân chủ, tiến bộ, yêu chuộng hòa bình đều có tinh thần đấu tranh.

Hơn nữa, cùng với trải nghiệm là sự thấu hiểu và thấu cảm của Hồ Chí Minh đối với nhân dân lao động cần lao, đau khổ. Đã làm đủ nghề để kiếm sống, hòa mình trong phong trào quần chúng, người lao động ở các nước đế quốc, tư bản, điều đó giúp cho Hồ Chí Minh có sự đồng cảm với nhân dân lao động, với các dân tộc cùng cảnh ngộ bị áp bức như dân tộc mình. Người đã đưa ra kết luận quan trọng: “Nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự biệt lập... họ thiếu sự tin cậy lẫn nhau, sự phối hợp hành động và sự cổ vũ lẫn nhau” [73, tr.284]. Vì vậy, Người chỉ ra sự cần thiết của việc xây dựng khối đoàn kết chiến đấu giữa các dân tộc bị áp bức. Người kêu gọi nhân dân các nước thuộc địa Pháp rằng: “Chúng tôi yêu cầu các bạn giúp đỡ chúng tôi trong nhiệm vụ đó, vì các bạn và chúng tôi, chúng ta cùng chung một lợi ích... Mỗi quan hệ giữa chúng tôi với các bạn sẽ là những mối quan hệ đoàn kết và liên minh” [73, tr.484-485]. Người đã kêu gọi: “Vì nền

hòa bình thế giới, vì tự do và ấm no, những người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc cần đoàn kết lại và chống bọn áp bức” [73, tr.487].

Với “trái tim mang nỗi đau nhân loại”, Hồ Chí Minh đã thể hiện tấm lòng của mình bằng những việc làm tử tế, như để lại những thức ăn thừa trong khi dọn bàn ở khách sạn, mang cho những người nghèo khổ. Đến nước Mỹ, trong khi chiêm ngưỡng Tượng Nữ thần Tự do tỏa ánh hào quang lên bầu trời, Hồ Chí Minh lại nghĩ đến những người nghèo ở dưới chân tượng thần, băn khoăn về sự bất bình đẳng, sự phân biệt chủng tộc. Không chỉ vậy, Người tố cáo tội ác, thức tỉnh, kêu gọi những người bị áp bức, những người yêu chuộng hòa bình, dân chủ và tiến bộ cùng đứng lên đấu tranh chống lại thực dân, đế quốc - kẻ đã gây ra bất công, đau khổ cho nhân loại. Chính sự chia sẻ chân thành với những người cùng khổ của Hồ Chí Minh làm cho các lực lượng dân chủ, tiến bộ thế giới đã nhận ra, ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam và các dân tộc bị áp bức.

Niềm tin Hồ Chí Minh vào lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình còn xuất phát từ bản chất con người là lương thiện và hướng thiện. Chủ nghĩa thực dân, đế quốc đã chà đạp lên nhân phẩm và đạo lý con người bằng một chế độ cai trị, bóc lột hà khắc, thậm chí là thẳng tay đàn áp, bắt bớ, giết, tù đầy những ai đứng lên đấu tranh vì chính nghĩa. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn dành tình thương yêu cho tất cả, chia sẻ với mỗi người theo tinh thần bốn bể đều là anh em. Đối với Người, sinh mệnh của một người Pháp hay sinh mệnh của một người Việt Nam đáng quý như nhau. Thực tế đó, không chỉ những người bị áp bức đấu tranh, mà lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình cũng không thể nhắm mắt làm ngơ, mà đứng lên đấu tranh bởi tình yêu thương đồng loại. Xét đến cùng, lực lượng dân chủ, tiến bộ và yêu chuộng hòa bình ủng hộ chính nghĩa, đấu tranh cho lẽ phải, cũng chính là đấu tranh bảo vệ cho bản thân họ trước thực dân, đế quốc.

Niềm tin của Hồ Chí Minh vào các lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới được thể hiện sinh động trong thực tiễn. Khi hoạt động ở phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Người đã nhận ra sức mạnh to lớn từ những người anh em chính nghĩa, cùng lập trường chính nghĩa, yêu chuộng hòa bình, phản đối chiến tranh. Sau khi nước ta giành được độc lập, Hồ Chí Minh nhiều lần tuyên bố: “Chính sách ngoại giao của Chính phủ thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hòa bình” [77, tr.39]; “Việt Nam làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai” [77, tr.256]. Đối với Pháp - nước đang tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “Việt Nam sẵn sàng cộng tác thân thiện với nhân dân Pháp. Những người Pháp tư bản hay công nhân, thương gia hay trí thức, nếu họ muốn thật thà cộng tác với Việt Nam thì sẽ được nhân dân Việt Nam hoan nghênh họ như anh em bầu bạn” [78, tr.56]. Trong *Thư Chúc mừng hội nghị Á - Phi* (18/4/1955), Người viết: “nhân dân nước nào cũng yêu chuộng hòa bình, cũng chán ghét chiến tranh, cũng muốn sống tự do độc lập” [81, tr.416]. Với một số lượng đông đảo, cùng mục tiêu đấu tranh cho độc lập dân tộc, hòa bình thế giới, nên đây là lực lượng hết sức to lớn trong cuộc đấu tranh chống thực dân đế quốc. Nhận thấy được sức mạnh to lớn đó, nên Hồ Chí Minh “tin tưởng ở sự chiến thắng của những lực lượng hoà bình trong nhân loại” [78, tr.516].

Hồ Chí Minh tin tưởng vào sự ủng hộ, giúp đỡ của lực lượng này đối với cách mạng Việt Nam. Thời gian hoạt động ở nước ngoài, Người đã tiếp xúc và làm việc với nhiều người ở các các nước chính quốc và thuộc địa (Pháp, Mỹ, Anh, Nga, Trung Quốc...) về sau trở thành những nhà hoạt động cách mạng như: ông Raymond Aubrac, ông Jacques Duclos, bà Hélène Luc, nhà sử học Alain Ruscio (Pháp); Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Đặng Tiểu Bình, Triệu Thế Viêm (Trung Quốc), Manuinxki, Ôxíp Manderenxtam (Nga)... Qua những cuộc tiếp xúc, gặp gỡ ấy, Nguyễn Ái Quốc đã bày tỏ quan điểm của mình là

đấu tranh đến cùng để giải phóng nhân dân Việt Nam thoát khỏi ách nô dịch của thực dân, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Trong *Thư gửi các bạn nam nữ Pháp đấu tranh cho hoà bình* (11/11/1950), Hồ Chí Minh bày tỏ: “Chúng tôi tin chắc rằng các bạn sẽ tập trung mọi phương tiện, mọi năng lực - như chúng tôi đã làm trên đất nước chúng tôi - để mở rộng cuộc phản chiến giành thắng lợi chung. Thay mặt cho nhân dân Việt Nam và riêng phần tôi, xin tỏ lòng tin tưởng ở các bạn và gửi các bạn lời chào huynh đệ” [78, tr.465]. Chính sự ủng hộ đó, đã tiếp thêm niềm tin, động lực để Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam nhất định sẽ thực hiện thắng lợi trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Với sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng như của các lực lượng tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên thế giới, Hồ Chí Minh tin tưởng sắt đá rằng: “nhân dân Việt Nam nhất định sẽ thành công trong công cuộc đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà, góp phần tích cực bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới” [85, tr.245].

Với niềm tin đó, Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng ngoại giao nhân dân rộng rãi, nhằm kêu gọi và phát huy sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ và yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, Người đã tiến hành nhiều hoạt động để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của Đảng Cộng sản Pháp và nhân dân Pháp, nhờ vậy cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình Pháp. Tiêu biểu như hành động dũng cảm của nữ công nhân Ray-mông Diêng nằm trên đường sắt ngăn đoàn xe lửa chở vũ khí sang Việt Nam (24/02/1949), đã tạo ra một cú sốc trong dư luận nước Pháp. Tiếp đến là sự kiện Hen-ri Mác-tanh, một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp từng có mặt trên chiến trường Đông Dương, khi trở về Pháp trở thành người tố cáo tội ác của thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Đặc biệt, có nhiều sỹ quan, binh sỹ mang nhiều quốc tịch khác nhau trong quân đội viễn chinh Pháp: “Trong chiến tranh đã có 208 người Pháp; 338 người Bắc phi, 78

người Trung phi, 1373 người mang các quốc tịch các nước như: Thụy sỹ, Hà lan, tiếp Khắc, Nhật, Đức, Áo...đã bỏ hàng ngũ quân viễn chinh Pháp sang với lực lượng kháng chiến của Việt Nam” [3, tr383].

Một người bạn Pháp thân thiết với Hồ Chí Minh là Raymond Aubrac đã sát cánh cùng nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ông đã trao đổi thông điệp giữa Hà Nội và Washington để chấm dứt vô điều kiện việc Mỹ ném bom xuống miền Bắc; hay đề nghị Mac Namara chấp thuận giao cho Việt Nam sơ đồ các bãi mìn sau năm 1975 để chúng ta tháo gỡ. Ở Italia, phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam diễn ra sôi nổi. Ngay Tổng thống đương nhiệm lúc đó, ngài G. Na Politano đã từng tham gia phản chiến vào mùa hè năm 1968, khi đó lãnh đạo Đảng Cộng sản Italya đã tổ chức phong trào mang tên “tuần đoàn kết với nhân dân Việt Nam” với nhiều cờ hoa, băng rôn khẩu hiệu mang nội dung “hòa bình và tự do cho các dân tộc, Hoa Kỳ phải rút quân khỏi Việt Nam”. Ở Cộng hòa Liên Bang Đức, nhiều phong trào hòa bình chống chiến tranh Việt Nam diễn ra mạnh mẽ dưới nhiều hình thức khác nhau. Tiêu biểu là phong trào “Giải trừ quân bị” năm 1963, phong trào “vì dân chủ và giải trừ quân bị” từ năm 1968. Lôi kéo nhiều tầng lớp, giai cấp trong xã hội Đức tham gia, ủng hộ phong trào chống Mỹ cứu nước của Việt Nam.

Ngay tại nước Mỹ cũng nổi lên nhiều phong trào phản đối hành động xâm lược Việt Nam. Các lực lượng dân chủ, tiến bộ và yêu chuộng hòa bình đã phản đối đế quốc Mỹ gây chiến tranh ở Việt Nam, ngay cả chính người Mỹ. Nhiều người Mỹ đã tự thiêu để phản đối chiến tranh bản thiêu của Mỹ ở Việt Nam như Norman Morrison; chàng trai Roger Allen Laporte tự thiêu ở New Yord, trước tòa nhà Liên Hiệp; Hiroko Hayasaki (36 tuổi); Florence Beaumont (55 tuổi); Ronald Brazee (16 tuổi)... Những sự kiện này đã bùng lên mạnh mẽ dư luận trong lòng nước Mỹ, phản đối chiến tranh ở Việt Nam. Năm 1967, hơn 200 tổ chức ở các bang Mỹ phản đối chiến tranh Việt Nam.

Hàng triệu người Mỹ chống lệnh quân dịch, bỏ ra nước ngoài chống cuộc chiến ở Việt Nam, trong đó có Bill Clinton - sau này là Tổng thống thứ 42 của Hoa Kỳ. Tháng 10 năm 1969, tại 1200 thành phố, thị trấn, thị xã ở 50 Bang của nước Mỹ nổ ra đồng loạt cuộc biểu tình chống chiến tranh Việt Nam. Trong đó, có hàng trăm Thượng Nghị sĩ và Hạ Nghị sĩ, hơn 30 vạn viên chức, trí thức và nhiều binh lính từ Việt Nam trở về tham gia phản đối chiến tranh Việt Nam. Đánh giá tầm vóc và ý nghĩa to lớn của phong trào này, Hồ Chí Minh nhận xét “Mặt trận số 1 chống đế quốc Mỹ là Việt Nam. Mặt trận số 2 ở ngay tại nước Mỹ” [87, tr.149].

Từ sau tháng 7 năm 1954, Hồ Chí Minh bày tỏ niềm tin vào sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ Mỹ như thanh niên, sinh viên, giáo sư, bác sỹ, các nhà khoa học Mỹ đã tham gia biểu tình chống chiến xâm lược Việt Nam của Chính phủ Mỹ. Phát biểu tại Hội nghị quốc tế đoàn kết với Việt Nam chống Mỹ và bảo vệ hòa bình, Người nhấn mạnh: Từ khắp năm châu đến Thủ đô Hà Nội chúng tôi, các bạn và các đồng chí đã mang đến cho nhân dân Việt Nam hai miền Nam Bắc, tình đoàn kết chiến đấu vô cùng quý báu của nhân dân tiến bộ và yêu chuộng hòa bình toàn thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: “Chúng ta giành được thắng lợi to lớn cũng là do nhân dân các nước bạn, nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của ta” [81, tr.1].

Sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới là minh chứng rõ nhất cho niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đã lan tỏa và nhận được sự ủng hộ, đồng hành và giúp đỡ. Điều đó, càng cho thấy sức sống mãnh liệt của đạo lý và chính nghĩa, nó luôn ngự trị sâu thẳm trong thế giới nhân loại. Đó cũng là sức sống trường tồn của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, phản ánh trọn vẹn khát vọng của con người và các dân tộc bị áp bức, nói lên tiếng nói đanh thép chống lại cái ác, hướng tới và vun bồi điều thiện. Đúng như Rômét Chăndra, khi trên cương vị Chủ tịch Hội

đồng hòa bình thế giới đã viết: “Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hòa bình và công lý, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Ở bất cứ đâu nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống lại đói nghèo, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao” [156, tr.90].

Tóm lại, những nội dung cơ bản của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh có thể được khái quát một cách cô đọng nhất qua bài *Lòng tin tưởng*, trong đó, làm rõ hai vấn đề “Tin tưởng vào gì? Tin tưởng vào ai?”. Người chỉ rõ:

Tin tưởng vào tương lai của dân tộc. Tin tưởng vào lực lượng vô cùng tận của nhân dân ta. Tin tưởng vào lực lượng cách mạng của nhân dân thế giới. Lực lượng to lớn của nhân dân ta phải được tổ chức và lãnh đạo; Đảng và Chính phủ ta phụ trách tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta, nên ta tin tưởng vào Đảng và Chính phủ ta. Để đoàn kết và lãnh đạo nhân dân, Đảng và Chính phủ có chủ trương, chính sách đúng dựa trên lý luận đúng nhất, lý luận Mác - Lênin; nhờ đó, Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến của ta ngày một mạnh; vì vậy, ta tin tưởng vào lý luận ấy. Lý luận đó do những lão đồng chí lãnh đạo có kinh nghiệm cách mạng quốc tế và trong nước, hoạt động đấu tranh lâu ngày trong quần chúng, trải qua nhiều lần thử thách, phụ trách truyền lại cho đồng chí ta, và nhân dân ta. Vì vậy ta tin tưởng vào những lãnh tụ của ta. Nhờ sự giáo dục của Đảng, của quần chúng, mà lòng tin tưởng của cán bộ, của nhân dân ngày càng vững, ngày càng sâu. Họ tin rằng sự cố gắng của cá nhân mình nhất định có thể góp một phần vào lực lượng chung (góp gió thành bão) để tiêu diệt quân thù, đưa kháng chiến đến thắng lợi, kiến quốc đến thành công, giữ gìn dân chủ và hòa bình thế giới [79, tr.329].

3.2. ĐẶC ĐIỂM NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

3.2.1. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh hình thành từng bước, không ngừng bổ sung, hoàn thiện

Nhận thức con người về các sự vật, hiện tượng của thế giới đi từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính. Nhận thức là một giai đoạn quan trọng của quá trình hình thành niềm tin, do đó, quá trình hình thành niềm tin cũng đi từ cảm tính đến lý tính. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam cũng được hình thành, phát triển từ nhận thức sơ khai ban đầu, đến những hiểu biết sâu sắc dựa trên những cơ sở khoa học, nhất là sự trải nghiệm và kiểm nghiệm của thực tiễn. Vì vậy, một trong những đặc điểm của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là đi từ cảm tính đến lý tính.

Trong hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã bắt gặp và lựa chọn con đường cách mạng vô sản, tin theo Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga. Tuy nhiên, không phải khi đọc được Sơ thảo những luận cương của V.I Lênin, Người lựa chọn nhanh chóng, dễ dàng con đường cứu nước và giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản. Nếu nhận thức giản đơn như vậy, vừa chưa thấy hết những công lao to lớn của Hồ Chí Minh trong việc chọn đường cho cách mạng Việt Nam, vừa tạo ra “khoảng trống” nhận thức, để các thế lực thù địch có cơ hội xuyên tạc, cho đó là sự “chọn đại”, “ngẫu nhiên”. Phải thấy rõ sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản là kết quả của quá trình nghiên cứu lý luận, khảo nghiệm thực tế suốt gần 10 năm (6/1911 - 7/1920). Đó cũng chính là quá trình nhận thức liên tục và hình thành niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, lúc đầu là sự cảm mến, sau đó nhận thức sâu sắc và xác thực niềm tin. Trong bài *Trả lời phỏng vấn của Sáclo Phuócniô, phóng viên báo L'Humanité* (Pháp), Hồ Chí Minh nói: “Tôi biết rất ít về các vấn đề chính trị... Tôi chưa biết đảng là gì, công đoàn là gì, càng không rõ chủ nghĩa xã hội khác chủ nghĩa cộng sản ở chỗ nào” [87, tr.583]. Tin tưởng và đi theo ngọn cờ Cách mạng Tháng Mười Nga, không phải Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ, hiểu biết sâu ngay từ lúc đầu. Người nói: “Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng

Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên” và kể lại: “Tôi biết rất ít về Cách mạng Tháng Mười và về Lênin; về cảm tính tôi thấy mình có mối tình đoàn kết với cuộc cách mạng Nga và người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhưng tôi chưa hề đọc tác phẩm nào của Lênin-” [87, tr.583]. Bởi, “hồi đó các dân tộc châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh chưa biết thật rõ Lênin là ai, thậm chí còn không biết nước Nga ở đâu... người ta nhắc đi nhắc lại rằng ở một nơi nào đó trên thế giới, có một dân tộc đã lật đổ bọn bóc lột mình và tự quản lý lấy công việc của mình, không có bọn chủ và bọn toàn quyền; họ nói với nhau rằng việc đó xảy ra ở Nga và đứng đầu những con người dũng cảm ấy là người dũng cảm nhất: Lênin” [87, tr.585-586]. Để đi đến khẳng định con đường giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh nói: “từng bước một, tôi đi đến kết luận là chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới” [87, tr.588].

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào Đảng Cộng sản cũng diễn ra quá trình trải nghiệm từ Đảng xã hội Pháp, ủng hộ Quốc tế III, sau đó tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Tại sao Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng tán thành, ủng hộ Quốc tế III? Bằng cảm tính và sự nhạy cảm đặc biệt về chính trị, Người nhận thấy, đây là tổ chức duy nhất đứng về các dân tộc thuộc địa, thỏa mãn nhu cầu trước hết là giải phóng dân tộc thuộc địa. Lý giải điều này, thông qua việc Hồ Chí Minh nói với Rôđơ, nữ Thư ký của Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp rằng: “Tôi hiểu rõ một điều Đệ tam quốc tế nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ. Còn Đệ nhị quốc tế không hề nhắc đến vận mạng các thuộc địa. Vì vậy, tôi đã bỏ phiếu tán thành Đệ tam quốc tế” [129, tr.65].

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào tổ chức Nhà nước gắn liền với quá trình khảo sát các mô hình nhà nước trên thế giới, đến lựa chọn và xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đối với mô hình nhà nước tư sản

(tiêu biểu ở Mỹ, Pháp), Người phát hiện ra rằng Tuyên ngôn “quyền bình đẳng, quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc” trái với sự thật bất công, nghèo đói, nạn phân biệt chủng tộc, thậm chí là đối xử tàn bạo với người da đen. Khi đến đất nước của V.I. Lênin, Người tìm thấy mô hình Nhà nước kiểu mới - Nhà nước công, nông, binh. Nhà nước đó đã “phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền” [74, tr.304]. Cùng với sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng tại Hội nghị Trung ương 8, khóa I, vấn đề chính quyền cũng được đề ra theo hướng “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xôviết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hợp và lập Chính phủ dân chủ cộng hòa” [18, tr.505]. Sự chuyển hướng đó xuất phát từ việc Hồ Chí Minh nhận thấy những bất cập của nhà nước công - nông ở Liên Xô và sự thất bại của phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Có thể nói, từ mô hình nhà nước công, nông, binh chuyển sang mô hình nhà nước đại biểu cho khối đoàn kết của toàn thể quốc dân là bước chuyển sáng suốt trong nhận thức và hành động của Hồ Chí Minh. Niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh vào mô hình nhà nước Dân chủ Cộng hòa được khẳng định chắc chắn sau cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Về phương pháp cách mạng, Hồ Chí Minh cho rằng, cách mạng giải phóng dân tộc phải tiến hành bằng bạo lực cách mạng. Để khẳng định điều này, không phải “một sớm một chiều” mà Người đã trải qua quá trình tìm tòi, khảo nghiệm và thử nghiệm trong thực tiễn. Ngay từ sớm, Người đã đặt vấn đề “ra nước ngoài để xem họ làm thế nào” để trở về giúp đồng bào chúng ta. Tháng 6 năm 1919, sự kiện Nguyễn Ái Quốc thay mặt nhóm Những người An Nam yêu nước tại Pháp gửi yêu sách tám điểm lên Hội nghị Versailles tại Paris, đánh dấu bước ngoặt, bước lên vũ đài hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh. Song, đó cũng là lần đầu tiên Người thử nghiệm phương pháp đấu tranh chống thực dân, đế quốc bằng phương pháp Nghị trường. Những bài học thất bại của các phương pháp cứu nước trước đó - bạo động của Phan Bội

Châu; bắt bạo động của Phan Châu Trinh; ám sát cá nhân của Nguyễn Thái Học... giúp cho Hồ Chí Minh có căn cứ đặt niềm tin vào phương pháp bạo lực cách mạng. Năm 1924, Người đã đề cập đến “Khả năng khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương”, đến Hội nghị Trung ương 8, khóa I (5/1941), Người chủ trì và đưa ra nhận định: Cách mạng Đông Dương kết liễu bằng cuộc khởi nghĩa vũ trang, mở đầu có thể là bằng một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương... mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn. Thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đã minh chứng cho tư tưởng và niềm tin Hồ Chí Minh về phương pháp bạo lực cách mạng trong chiến tranh. Đúng như Người tổng kết: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền” [87, tr.391].

3.2.2. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh mang đậm bản chất khoa học và cách mạng

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh có nhiều đặc điểm, trong đó đặc điểm nổi bật nhất là niềm tin khoa học, niềm tin lý tính. Đặc điểm này quy định bản chất khoa học của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Để làm rõ đặc điểm này, bước đầu có thể nhìn nhận và luận giải ở các khía cạnh sau:

Một là, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được hình thành dựa trên cơ sở khoa học (lý luận và thực tiễn). Ở phần trước (chương 1), chúng ta đã thấy rõ niềm tin chính trị Hồ Chí Minh hình thành trên cơ sở thực tiễn Việt Nam và thực tiễn thế giới. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh xuất phát từ thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam, là niềm tin của dân tộc và thời đại. Trí tuệ và sáng tạo của Hồ Chí Minh đều lấy thực tế Việt Nam làm điểm xuất phát, lấy cải tạo, biến đổi hiện thực Việt Nam làm mục tiêu cho mọi hoạt động cách mạng. Thủ tướng Phạm Văn Đồng hết sức sâu sắc khi cho rằng: “Hành trình của Hồ Chí Minh làm nổi rõ dân tộc là chỗ xuất phát, là đối tượng và địa bàn hoạt động” [26, tr.27]. Cùng với đó là thực tiễn hoạt động hết sức phong phú, tích

cực của Hồ Chí Minh hơn 30 năm ở nhiều nước trên thế giới, cả chính quốc và thuộc địa. Chứng kiến sự bất công, tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đế quốc cai trị, bóc lột nhân dân lao động bần cùng; thấu hiểu nỗi khổ cùng cực nhưng “ẩn chứa một sức mạnh khi họ vùng lên đấu tranh” của các dân tộc thuộc địa. Thực tiễn đó, càng hun đúc và khẳng định niềm tin của Hồ Chí Minh vào cuộc đấu tranh giữa những người anh em chính nghĩa với thực dân đế quốc, tay sai. Phải nói thêm rằng, không phải cứ là người dân thuộc địa thì đều có thể nhìn nhận, phân tích được thực tiễn thế giới, mà “sự phân tích về chủ nghĩa thực dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến lúc đó vượt hẳn tất cả những gì mà những nhà lý luận Mác-xít đề cập đến” [156, tr.58]. Qua đó cho thấy, năng lực tổng kết thực tiễn và sự nhạy cảm chính trị của Hồ Chí Minh là một trong những yếu tố quan trọng, hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Tính khoa học của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh còn dựa trên cơ sở lý luận “chân chính, chắc chắn và cách mệnh” là chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi bắt gặp, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin (7/1920), niềm tin chính trị Hồ Chí Minh tiếp tục được bồi đắp và phát triển mạnh mẽ về chất, Người phấn khởi, tin tưởng và sáng tỏ vào con đường phía trước - con đường cách mạng vô sản. Từ đây, Hồ Chí Minh “không còn chỉ dự các cuộc họp của Đảng một cách thụ động nữa”, cũng không phải là việc lúng túng trước các cuộc bàn cãi sôi nổi xảy ra như những năm 1919 - 1920 trong nội bộ Đảng Xã hội Pháp về vấn đề ở lại Quốc tế II hay tham gia Quốc tế III. Mà Hồ Chí Minh đã dứt khoát và “lao vào cuộc chiến đấu, hăng hái bàn cãi, tiến công mạnh mẽ những kẻ chống lại Lênin và Quốc tế thứ III” [87, tr.584]. Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin là “cái cảm nang thần kỳ”, là “vũ khí tư tưởng không gì thay thế được”, và là “mặt trời soi sáng con đường giải phóng cho các dân tộc”. Bản chất khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin là sáng tạo, không phải “đã xong xuôi hẳn” hay đỉnh cao lý luận không thể phát triển mà nó là hệ

thống mở, cần được bổ sung, phát triển theo thực tiễn lịch sử. Theo đó, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh ngày càng phát triển, hoàn thiện hơn trên cơ sở nắm vững bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Như vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở tạo ra khâu đột phá trong niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, tạo ra sự chuyển biến về chất trong niềm tin và sự nghiệp hoạt động cách mạng của Người. Không chỉ đối với cá nhân Hồ Chí Minh, mà chủ nghĩa Mác - Lênin còn mang lại niềm tin có cơ sở vững chắc cho nhân dân lao động cần lao đứng lên đấu tranh giải phóng. Người viết: chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch đường đi tới tương lai cho các dân tộc. Nó mang lại cơ sở khoa học cho ước mơ từ ngàn đời của loài người, chỉ ra con đường cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức đấu tranh thực hiện ý tưởng dân chủ, tự do bình đẳng và nhân đạo. Nhưng cũng cần nhận thức đúng đắn rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành hiện thực sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, là sự kiện lớn của thế giới, nhưng không phải ai cũng nhận ra con đường cách mạng đúng đắn và nguyện suốt đời đấu tranh cho con đường đó. Ngay ở Việt Nam, sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Phan Bội Châu vẫn tiếp tục con đường dân chủ tư sản, muốn cải tổ *Việt Nam Quang phục hội* thành *Việt Nam Quốc dân Đảng*. Phải đến thập kỷ 40 thì “Ông già Bến Ngự” mới ngộ ra “đời hoạt động của tôi rốt cuộc là một thất bại lớn, đó là bởi tôi tuy có lòng mà thật bất tài” [93, tr.57].

Hai là, nội dung của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh mang đậm tính khoa học, tức là nó phản ánh và giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn và mang lại thắng lợi. Ở phần trước, luận án đã xác định năm nội dung cơ bản của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh: Đó là tin tưởng, thừa nhận và xác thực vào chủ nghĩa Mác - Lênin; vào con đường cách mạng vô sản; vào vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; vào vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân; vào sự ủng hộ của lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Một vấn

đề rất lớn đối với cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu XX là cứu nước và giải phóng dân tộc bằng con đường nào, theo ý thức hệ của giai cấp nào? Nhiều nhà ái quốc đã dày công tìm kiếm ở Bắc Du, Đông Du và Tây Du. Trong số đó, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy và lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo cách mạng vô sản, dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, đã giải quyết được những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX. Không những là con đường để giải phóng dân tộc mà còn là định hướng cho sự phát triển của đất nước dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Bản chất khoa học của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, còn được thể hiện ở điểm tựa chắc chắn là thực tiễn Việt Nam. Đây vừa là điểm xuất phát, vừa là đích đến cuối cùng của sự nghiệp cách mạng. Những cống hiến mang tính sáng tạo của Người cũng được diễn ra trên chính đất nước Việt Nam - từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến trở thành nước độc lập, tự do. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, không chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân, mà Người còn đặt niềm tin vào phong trào yêu nước Việt Nam. Sau khi giành được chính quyền, xây dựng và tổ chức Nhà nước là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, tất cả quyền bính đều nằm trong tay nhân dân. Lực lượng thực hiện cách mạng bao gồm mọi con dân nước Việt, không phân biệt một ai, tất cả đều tham gia vào Mặt trận dân tộc thống nhất. Niềm tin tất thắng của Hồ Chí Minh còn xuất phát từ tính chính nghĩa và lẽ phải của dân tộc Việt Nam đứng lên đấu tranh chống lại các thế lực “cướp của, giết người” thực dân, đế quốc. Cùng với sức mạnh nội sinh của dân tộc, Hồ Chí Minh còn đặt niềm tin và nhận được sự tin tưởng, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Qua thực tiễn cho thấy, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đã phản ánh và giải quyết được những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc; trong kháng chiến chống

thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chính là thắng lợi của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Ba là, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được kế thừa những giá trị niềm tin truyền thống dân tộc, khác với niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo. Niềm tin xuất hiện rất sớm trong lịch sử xã hội loài người, ngay từ thời cổ đại, con người đã đặt niềm tin của mình vào các đấng siêu nhiên, các vị thần linh. Các tập tục thờ thần sông, thần núi, thần đá, thần lửa... của con người (cả phương Đông và phương Tây) đều là biểu hiện của niềm tin. Hay, để chống lại sự khắc nghiệt của tự nhiên, chống lại sự xâm lấn “lãnh thổ” giữa các bộ tộc, con người đã biết đoàn kết lại với nhau, đó là biểu hiện đầu tiên của niềm tin chính trị vào sức mạnh của đoàn kết số đông. Tuy nhiên, điểm xuất phát của niềm tin sơ khai này bắt nguồn từ sự bất lực của con người trước tự nhiên, họ gửi gắm, trông cậy và “ủy thác” sinh mệnh của mình vào các vị thần linh. Đó là niềm tin cảm tính, mù quáng, không có cơ sở khoa học, là triệt tiêu đi khả năng nhận thức và cải tạo thế giới. Khi các tôn giáo Phật giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo... ra đời, niềm tin (đức tin) của con người vào các tôn giáo xuất hiện. Không chỉ tin vào các vị thần tự nhiên, mà con người bất lực trước cuộc sống, đã tìm đến các tôn giáo cả vô thần và hữu thần. Bên cạnh sức mạnh vô hình của nó, niềm tin tôn giáo cũng không có cơ sở khoa học, mang tính tâm linh, huyền bí và siêu hình. Khác hẳn với những niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo, Hồ Chí Minh đã xây dựng niềm tin chính trị trên cơ sở, nền tảng triết học vững chắc, với sự kế thừa, phát triển niềm tin truyền thống trong văn hóa Đông - Tây, sự trải nghiệm dày dặn. Đặc biệt, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại trong nhận thức, mà niềm tin được biến thành hành động, hiện thực hóa niềm tin trong thực tiễn, nguồn động lực to lớn để cải tạo thực tiễn. Đó chính là sự khác biệt về chất của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh so với các loại niềm tin khác. Như vậy:

Hồ Chí Minh luôn có lòng tin ở con người. Lòng tin này nguồn từ sự hiểu biết sâu rộng của Hồ Chí Minh về lịch sử dân tộc Việt Nam, cũng như về lịch sử của nhiều dân tộc khác trên thế giới; lòng tin đó cũng bắt nguồn từ sự tiếp xúc với con người hằng ngày, sự hoạt động đa dạng của Hồ Chí Minh trong cộng đồng con người Việt Nam cũng như ở nhiều nước khác. Lòng tin đó là sự kết tinh những tư tưởng lớn của các bậc thầy: Mác, Ăngghen, Lênin, lòng tin đó là lòng tin sâu xa và mạnh mẽ ở nguồn tiềm lực về sự dũng cảm, trí thông minh và tài sáng tạo của con người và cộng đồng con người [27, tr.481].

3.2.3. Cốt lõi của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Một là, sự kiên định của niềm tin Hồ Chí Minh thể hiện trong lập trường, quan điểm về con đường cách mạng. Niềm tin của Hồ Chí Minh về con đường cách mạng vô sản bắt đầu từ khi được tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin, đến những điều cuối cùng ghi vào *Di chúc*, đều kiên định con đường giải phóng dân tộc theo cách mạng vô sản, con đường thực hiện mục tiêu lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh có lòng tin không gì lay chuyển nổi vào quy luật của lịch sử, vào nhân dân, vào dân tộc, vào con người. Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định: “Hồ Chí Minh là con người của lòng tin không gì lay chuyển nổi vào tương lai dân tộc và loài người, vào chủ nghĩa xã hội. Đó là cái chất không bao giờ biến đổi để ứng phó linh hoạt với muôn vàn biến đổi của một sự nghiệp đầy sóng gió” [27, tr.202].

Hai là, sự kiên định của niềm tin Hồ Chí Minh thể hiện trong mục tiêu đấu tranh giành độc lập, thống nhất, xây dựng và phát triển đất nước. Trong đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc về độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia. Có thể nhượng bộ với kẻ thù về kinh tế, về ngoại giao nhưng Người luôn có nguyên tắc bất biến là độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà. Người khẳng

định: “nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai có thể chia cắt được. Chúng tôi kiên quyết phấn đấu để thực hiện thống nhất đất nước trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình. Có chính nghĩa, có sức đại đoàn kết toàn dân, có sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, chúng tôi tin chắc rằng nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất” [83, tr.264].

Nhất quán trong mục tiêu xây dựng đất nước: Năm 1944, trong *Bài nói tại Lễ bế mạc lớp huấn luyện cán bộ Việt Nam ở Liễu Châu* (1944), Người viết: “Chúng ta phải xây dựng Việt Nam thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” [79, tr.495], đến *Di Chúc* (1969), điều mong muốn cuối cùng “Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” [87, tr.614]. Điều này thể hiện tư duy nhất quán, niềm tin kiên định, vững chắc của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Có thể thấy, “Hồ Chí Minh là con người không gì lay chuyển được trong mục tiêu và nguyên tắc cách mạng, đồng thời rất năng động sáng tạo, nhìn xa trông rộng, phán đoán đúng chiều hướng của các sự kiện, kịp thời đề ra những quyết định làm xoay chuyển tình hình, tạo nên những bước ngoặt cho cách mạng” [27, tr.235-236].

Ba là, sự kiên định của niềm tin Hồ Chí Minh thể hiện trong việc đề cao sức mạnh dân tộc, động lực của cách mạng. Ngay từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước... khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế” [73, tr.511]. Nếu một dân tộc không tự mình đấu tranh giải phóng thì dân tộc đó không xứng đáng được độc lập. Vì thế, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc phải tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính, “công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em” [74, tr.138]. Nhất quán với quan điểm đó, Hồ Chí Minh chỉ đạo “đem sức ta mà giải phóng cho ta” trong Cách mạng Tháng Tám; đường

lối vừa kháng chiến, vừa kiến quốc với phương châm trường kỳ và tự lực cánh sinh trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Với niềm tin chắc chắn vào sức mạnh nội sinh của dân tộc, sâu thẳm là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần đoàn kết, dân tộc Việt Nam đã vượt qua những cuộc trường chinh của lịch sử... Có thể khẳng định rằng, động lực dân tộc xuất phát từ trong trái tim, khối óc và máu thịt của Hồ Chí Minh đã thấm sâu vào toàn bộ tư tưởng, đường lối cách mạng. Điều đó, khẳng định chắc chắn niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào sức mạnh dân tộc một cách xuyên suốt và nhất quán. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận định:

Đối với Hồ Chí Minh, tất cả lực lượng là ở nhân dân, ở dân tộc, ở con người. Một sự nghiệp chỉ thực sự là cách mạng khi đó là sự nghiệp của quần chúng. Hồ Chí Minh là người khơi dậy những tiềm năng bị chôn vùi, phát huy những sức mạnh sẵn có, làm nảy nở những cái mới, cái hay, cái đẹp của cả dân tộc và trong mỗi con người. Điều đó được thực hiện thông qua những sáng tạo lớn về tổ chức, là mặt trận đại đoàn kết dân tộc, chính quyền dân chủ nhân dân, các lực lượng vũ trang cách mạng [27, tr.238-239].

Sự kiên định của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở tính tất yếu tiến lên chủ nghĩa xã hội của cách mạng Việt Nam. Từ việc khẳng định “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ” [84, tr.563], Hồ Chí Minh lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội, đó là con đường duy nhất, tất yếu của cách mạng Việt Nam. Đây là một cống hiến về lý luận của Hồ Chí Minh cho cách mạng Việt Nam. Thực tiễn lịch sử dân tộc với những thắng lợi to lớn đã khẳng định tính đúng đắn, sức sống mãnh liệt của con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, do Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta lựa chọn, thực hiện.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được hiện thực hóa bằng những thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Thắng lợi cách mạng Tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, dù phải tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 -1954) và đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975) nhưng Hồ Chí Minh luôn có niềm tin chắc chắn vào sự thắng lợi cuối cùng. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), Người đã khẳng định: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!” [76, tr.534]. Tại Đại hội II của Đảng (2/1951), Người tiếp tục khẳng định: “Dù lúc đầu sức địch mạnh như vậy, sức ta yếu như vậy, mà ta vẫn gan góc kháng chiến, vẫn tranh được nhiều thắng lợi, và tin chắc ta sẽ giành được thắng lợi cuối cùng. Đó là vì ta có chính nghĩa, vì quân ta dũng cảm, dân ta đoàn kết và quật cường, vì ta được nhân dân Pháp và phe dân chủ thế giới ủng hộ.” [79, tr.30].

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, dù gặp phải muôn vàn khó khăn, thử thách bởi xuất phát từ nền nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá, nhưng Hồ Chí Minh vẫn tin tưởng và khẳng định trước nhân dân thế giới. Người lý giải “chúng tôi có chính nghĩa, có lực lượng của toàn dân, có sự đồng tình của nhân dân yêu chuộng hòa bình toàn thế giới và có sự giúp đỡ trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi nhất định thắng lợi” [83, tr.19]. Với tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung, Hồ Chí Minh còn tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng thế giới. Trong *Điện gửi nhân dân thế giới* (5/1947), Người nêu rõ: “Với sức mạnh chính nghĩa của sự nghiệp dân tộc và tin vào thiện cảm của tất cả các dân tộc trên thế giới, dân tộc Việt Nam tin tưởng vào thắng lợi của mình, góp một phần vào cuộc đấu tranh chung vì chiến thắng của công lý và dân chủ và vì sự củng cố an ninh quốc tế” [77, tr.153].

3.2.4. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân

Lan tỏa là một đặc điểm nổi bật của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, nhờ đó đã được hiện thực hóa trong thực tiễn các mạng Việt Nam và phong trào cách mạng thế giới. Có được sự tin tưởng của cán bộ đảng viên, ủng hộ của quần chúng nhân dân và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, một phần lớn nhờ vào sức lan tỏa mạnh mẽ niềm tin chính trị của Người. Sự lan tỏa niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân thông qua việc tuyên truyền giáo dục chủ trương, đường lối chính trị của Đảng, thông qua tổ chức phong trào cách mạng. Đặc biệt, thông qua tấm gương thực hành, triết lý hành động của Hồ Chí Minh. Người luôn quán triệt và yêu cầu phải biến quyết tâm của Đảng, Chính phủ thành quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Phát biểu tại hội nghị Cán bộ cao cấp nghiên cứu Nghị quyết hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Người nói: “Các đồng chí nhất định phải biến quyết tâm của Đảng, của Trung ương thành quyết tâm của mỗi đảng viên, mỗi chiến sĩ, mỗi người dân để thực hiện tốt nghị quyết này” [87, tr.15]. Đối với quân đội, “Phải biến quyết tâm của Đảng và Chính phủ thành quyết tâm của toàn quân ta” [83, tr.499]. Để hoàn thành sản xuất nông nghiệp, Hồ Chí Minh cũng yêu cầu “phải biến quyết tâm của Đảng và Chính phủ thành quyết tâm của cán bộ, của quần chúng. Trước hết cán bộ tỉnh, huyện, xã, các đảng viên và đoàn viên phải thông suốt, phải quyết tâm, phải cố gắng” [83, tr.366]. Sự lan tỏa niềm tin vào quần chúng nhân dân còn tạo ra động lực, sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng, “biến quyết tâm của Đảng, của Chính phủ, thành quyết tâm của toàn thể cán bộ và quần chúng thì dù khó khăn mấy nhất định cũng khắc phục được” [84, tr.307-308].

Sau khi đất nước giành được độc lập, dựng nên chính quyền cách mạng mới, Hồ Chí Minh tiếp tục nhận được sự tin tưởng của quần chúng nhân dân,

Chủ tịch Hồ Chí Minh được tín nhiệm, bầu Đại biểu Quốc hội Khóa I với số phiếu rất cao (98,4%). Người có *Thư gửi đồng bào cả nước* để cảm ơn sự tin tưởng, lựa chọn, “Vì yêu mến và tin cậy tôi, mà đồng bào giao vận mệnh nước nhà, dân tộc cho tôi gánh vác. Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân” [76, tr.191]. Trước khi lên đường sang thăm nước Pháp (31/05/1946), chính quyền còn non trẻ, cách mạng đang đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, nên cũng có những ý kiến về chuyến đi này “đồng bào cả nước, nhất là đồng bào Nam Bộ đều lấy làm băn khoăn” [76, tr.280]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có *Thư gửi đồng bào Nam bộ* nhằm khẳng định và lan tỏa tinh thần yêu nước, quyết tâm bảo vệ độc lập, thống nhất Tổ quốc. Người khẳng định: “Tôi xin đồng bào cứ bình tĩnh. Tôi xin hứa với đồng bào rằng: Hồ Chí Minh không phải là người bán nước” [76, tr.280], “Tôi cùng anh em đại biểu sẽ gắng làm cho khỏi phụ lòng tin cậy của quốc dân” [76, tr.273]. Qua đó, Hồ Chí Minh đã lan tỏa niềm tin: Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, “Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi” [76, tr.280] vào quốc dân đồng bào, nhất là đồng bào Nam bộ.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được lan tỏa sâu rộng trong quốc dân đồng bào, còn được thể hiện ở chỗ nhiều nhân sĩ, trí thức đã tin tưởng, ủng hộ và đi theo Hồ Chí Minh, theo cách mạng nước nhà. Tiêu biểu như “cụ Bùi Bằng Đoàn - nguyên Thượng thư Bộ hình của Triều đình Bảo Đại, nhận nhiệm vụ Trưởng Ban Thường vụ Quốc hội; cụ Huỳnh Thúc Kháng - nguyên là Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Quyền Chủ tịch nước khi Người sang Pháp năm 1946” [56, tr.36-37]. Với uy tín và ứng xử cầu hiền tài của Hồ Chí Minh nên có nhiều trí thức, nhà khoa học ở nước ngoài đã về nước theo tiếng gọi niềm tin Hồ Chí Minh. Trong đó, “có thể kể đến Lê Văn Thiêm, Phạm Huy Thông, Trần Hữu Tước, Lương

Định Cửa, Trần Đại Nghĩa... từ những thập kỷ 40, 50, từ những ngày dựng nước và kháng chiến chống Pháp” [56, tr.37]. Qua đó, có thể thấy Hồ Chí Minh có sức hút kỳ diệu, như một thanh nam châm cực mạnh quy tụ nhân tài, phục vụ cách mạng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, Hồ Chí Minh đã phát đi thông điệp và lan tỏa niềm tin tất thắng vào trong cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước. Trong *Di Chúc* thiêng liêng của Người, tiếp tục khẳng định: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà” [87, tr.612]. Điều này tiếp tục được khẳng định: “Niềm tin tất thắng trong *Di Chúc* được truyền đi, lan tỏa và trở thành niềm tin và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Đó là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần hết sức to lớn và mạnh mẽ, thúc đẩy quân và dân ta vượt qua mọi gian khó, hy sinh, tiến lên đánh cho Mỹ rút, đánh cho Ngụy nhào, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc” [126, tr.243].

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người mở đầu cho thời đại mới, nền văn hóa mới của dân tộc Việt Nam. Sự nghiệp chính trị của Hồ Chí Minh thực chất cũng là sự nghiệp văn hóa, bởi theo Người: Văn hóa hiểu rộng cũng là chính trị, chính trị hiểu sâu cũng là văn hóa. Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã nhận xét: sự nghiệp cách mạng Hồ Chí Minh là sự nghiệp văn hóa cao cả. Theo cách tiếp cận đó, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh lan tỏa cùng với sự lan tỏa văn hóa vào trong đời sống văn hóa của dân tộc và nhân loại. Khi gặp Người ở Liên Xô cuối năm 1923, nhà thơ Ôxíp Mandenxtam đã viết: “Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai” [73, tr.462]. Nhà nghiên cứu Đoàn Trọng Huy rất có lý khi cho rằng “Ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hóa Hồ Chí Minh sẽ còn lan tỏa mãi với đời sống nhân loại tiến bộ” [56, tr.75].

Đối với bạn bè quốc tế, trong đó chủ yếu là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phong trào đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ của các lực lượng dân chủ trên thế giới, Hồ Chí Minh đã lan tỏa niềm tin từ những giá trị văn hóa, đạo đức, nhân cách vì nước, vì dân và vì sự tiến bộ của nhân loại. Nhờ đó, Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ to lớn từ bạn bè quốc tế từ tinh thần đến vật chất. Không chỉ các đồng chí cùng hoạt động phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, các lãnh tụ của Đảng Cộng sản các nước mà còn là các lực lượng yêu chuộng hòa bình thế giới. Đồng chí Jacques Duclos - đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, người bạn thân thiết và cộng sự của Hồ Chí Minh trong Quốc tế III. Qua phong thái giản dị, giao tiếp lịch sự và chân thành, đã cảm mến và kết bạn với nhau, lan tỏa văn hóa và con người Việt Nam trong mắt người bạn cùng chí hướng. Luật sư người Pháp - Max Clainville Bloncourt nhận định:

Anh là một người hăng hái đấu tranh cho việc giải phóng các dân tộc thuộc địa, không riêng dân tộc Việt Nam của anh mà tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Anh có lòng tin mãnh liệt ở thắng lợi cuối cùng và anh cho rằng muốn giải phóng dân tộc phải làm cách mạng, không có con đường nào khác... Càng hoạt động chúng tôi càng yêu thương nhau, càng thấy các dân tộc thuộc địa phải đoàn kết với nhau chống kẻ thù chung. Anh đã trở thành bạn thân và tin cậy của tôi... Đó là một đồng chí rất tốt, rất trung hậu, rất dũng cảm với một lý tưởng đấu tranh vô cùng cao quý và đẹp đẽ [35, tr.52-53].

Một người bạn quan trọng trong cuộc đời Hồ Chí Minh là Francis Henry Loseby, “Luật sư người Anh - người đã có công giúp Nguyễn Ái Quốc thoát khỏi nhà tù thực dân Anh tại Hồng Kông năm 1931” [84, tr.972]. Đại diện tiêu biểu cho lực lượng dân chủ và yêu chuộng hòa bình, ông đã đấu tranh,

cứu giúp Người (lúc đó là Tổng Văn Sợ) ra khỏi nhà tù thực dân Anh. Thực hiện việc này, chắc chắn không phải vì tiền mà có lẽ từ niềm tin vào công lý và lẽ phải, sức mạnh cảm hóa kỳ diệu được toát ra từ Hồ Chí Minh. Vì vậy, trong Lời giới thiệu bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* đã viết: “Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, trở thành những giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam và lan tỏa ra thế giới” [73, tr.VIII].

Sự lan tỏa mạnh mẽ niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đã mang lại những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam. Đầu năm 1944, trong Bài nói tại lễ bế mạc lớp huấn luyện cán bộ Việt Nam ở Liễu Châu, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng ta nhất định sẽ thắng lợi, nước Việt Nam nhất định sẽ được độc lập, đó là dòng thác lịch sử không gì ngăn cản nổi” [75, tr.495]. Trong *Tuyên ngôn độc lập* nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Người đã chứng minh cho thế giới thấy tính chân lý, lẽ phải và tính chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Việt Nam. “Một dân tộc đã gan góc chống lại ách nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!” [76, tr.3].

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào tất thắng của cách mạng Việt Nam còn được thể hiện ở trong tư duy và hành động không có chỗ cho “run sợ” hay “sợ sệt” kẻ thù, dù chúng hung hãn, hùng mạnh hơn mình nhiều lần. Ngược lại, “Ngay cả những kẻ thù, những tên khét tiếng chống cộng khi tiếp xúc với Bác đều phải tỏ ra kính nể. Đứng trước Bác, dường như chúng cũng bớt hung hăng đi nhiều” [172, tr.391]. Có thể nói, Hồ Chí Minh là hiện thân sức mạnh của chính nghĩa. Trước sự leo thang bắn phá ác liệt của đế quốc Mỹ và tay sai ra miền Bắc, Người quả quyết: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ!

Không có gì quý hơn độc lập tự do” [86, tr.131]. Trong Thư khen quân và dân miền Bắc (8/6/1967), Hồ Chí Minh viết “Đồng bào và chiến sĩ ta quyết không sợ hy sinh, gian khổ, kiên quyết chiến đấu vì độc lập, tự do và thống nhất của Tổ quốc mình, đồng thời góp phần tích cực vào sự nghiệp độc lập dân tộc và bảo vệ hoà bình thế giới” [87, tr.353].

Thực tế lịch sử đã minh chứng cho những dự báo thiên tài của Hồ Chí Minh, trong dịp Quốc khánh lần thứ 15 (1960), Người đã dự báo “Chậm nhất là 15 năm nữa, Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc Nam nhất định sẽ sum họp một nhà” [16, tr.86]. Thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày 30/04/1975, miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ và tay sai vô cùng gian khổ, hy sinh. Dự báo của Hồ Chí Minh là dự báo của bậc lãnh tụ thiên tài dựa trên những cơ sở khoa học và một niềm tin chắc chắn. Sau này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhìn nhận: “Việc dự kiến chính xác, khoa học chiều hướng phát triển của sự vật, những tình huống lớn sẽ xảy ra trong tương lai vô cùng quan trọng trong công tác cách mạng. Thực tế, cùng với thời gian sẽ là nhà kiểm nghiệm nghiêm khắc. Những điều tiên tri đó thuộc về những thiên tài” [30, tr.61].

Tiểu kết chương 3

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà chính trị thiên tài, kiến trúc sư của nền chính trị Việt Nam hiện đại. Người kiến tạo, lan tỏa và truyền cảm hứng cho Đảng và Nhân dân ta về một niềm tin mới chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Xây dựng niềm tin chính trị từ một nước thuộc địa, phong kiến, phải kiến thiết chế độ chính trị mới là một công hiến vĩ đại của Hồ Chí Minh. Niềm tin ấy là sức mạnh của chế độ chính trị được cảm hóa và hấp dẫn kỳ diệu bởi tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, suốt đời vì nước, vì dân.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là một nội dung nổi bật và xuyên suốt trong toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đó là niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vào con đường cách mạng vô sản, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vào các tổ chức cách mạng (Đảng, Nhà nước), vào vai trò và sức mạnh của quần chúng nhân dân, vào sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ thế giới. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là niềm tin của lãnh tụ, của giai cấp và của dân tộc Việt Nam, là động lực và sức mạnh to lớn, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh thể hiện trí tuệ, bản lĩnh và khí phách lãnh tụ của dân tộc Việt Nam. Niềm tin đó mang những đặc điểm riêng có của nhà chính trị Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam cũng được hình thành, phát triển từ nhận thức sơ khai ban đầu, đến những hiểu biết sâu sắc dựa trên những cơ sở khoa học, nhất là sự trải nghiệm và kiểm nghiệm của thực tiễn. Đứng vững trên nền tảng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh có niềm tin chắc chắn trong việc giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, được thực tiễn kiểm nghiệm đúng đắn và mang lại thắng lợi. Niềm tin được chuyển hóa thành hành động là một đặc điểm rất cơ bản của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Chính đặc điểm này đã quy định bản chất cách mạng của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, bởi xét đến cùng, cách mạng là đổi mới, đổi mới là phải hành động. Đổi mới có tính nhất thời mà niềm tin luôn nhất quán và kiên định về mục tiêu cách mạng. Đây cũng là một đặc điểm nổi bật của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Chương 4

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

4.1. GIÁ TRỊ LÝ LUẬN CỦA NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

4.1.1. Góp phần khẳng định, bổ sung và phát triển giá trị tốt đẹp trong tư tưởng chính trị truyền thống của dân tộc

Lạc quan là một trong những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, được hình thành từ sự tin tưởng vào bản thân mình và các hoạt động trong cuộc sống hàng ngày. Kể cả những lúc khó khăn, cuộc sống gặp trắc trở, bế tắc thì người Việt Nam vẫn luôn tin vào tương lai, tin vào những điều tốt đẹp sẽ đến với họ ở phía trước. Niềm tin đó ngày càng được củng cố và lan tỏa trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có đời sống chính trị và trở thành niềm tin chính trị, thông qua nhiều phong trào đấu tranh bảo vệ độc lập của nhiều phong trào trong tiến trình lịch sử dân tộc. Dù đương đầu với nhiều kẻ thù hùng mạnh trong thời gian dài nhưng không vì thế mà bị khuất phục, chùn bước, ngược lại đã kiên trì, bền bỉ và anh dũng đấu tranh theo cách riêng của mình để chiếu đấu và chiến thắng kẻ thù. Thời kỳ Bắc thuộc hơn 1000 năm bị phương Bắc đô hộ, nhân dân Việt Nam đã đứng lên đấu tranh chống lại sự cai trị hà khắc không chỉ về kinh tế, chính trị mà còn văn hóa và giống nòi. Mặc dù cũng có lúc thất bại, nhưng vẫn luôn giữ vững ý chí, niềm tin thắng lợi vào lực lượng của mình, qua nhiều phong trào, nhiều cuộc đấu tranh khởi nghĩa của bao thế hệ thay nhau đứng lên chiến đấu. Do vậy, đã mang lại chiến thắng cuối cùng, giành lại nền độc lập dân tộc sau hàng ngàn năm Bắc thuộc bằng chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền. Lịch sử dân tộc tiếp diễn qua các triều đại: Đinh (đẹp loạn 12 sứ quân), Tiền Lê (chiến thắng quân Tống xâm lược), Lý (đánh tan quân Tống lần hai, khẳng định nền độc lập trong Nam Quốc Sơn Hà), Trần (ba lần đánh tan quân Nguyên - Mông), Hậu Lê (đánh tan quân Minh) và Tây Sơn (đánh

tan quân Xiêm ở phía Nam và quân Thanh ở phía Bắc). Qua các cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc, niềm tin của dân tộc Việt Nam ngày càng khẳng định mạnh mẽ bằng hành động, trở thành hệ tư tưởng chính trị của dân tộc. Niềm tin vào độc lập dân tộc ngày càng được mở rộng, khẳng định về cương vực, lãnh thổ (Nam Quốc Sơn Hà của Lý Thường Kiệt); về văn hiến dân tộc (Bình Ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi); bảo vệ văn hóa dân tộc (Hịch xuất quân của Quang Trung - Nguyễn Huệ). Ngay cả khi lâm vào tình thế vô cùng khó khăn, nhưng vẫn tin tưởng “trời thử lòng trao cho mệnh lớn” nên “gắng chí khắc phục gian nan”.

Cùng với giữ nước là ra sức dựng xây đất nước. Niềm tin chính trị truyền thống Việt Nam còn được thể hiện xây dựng giang sơn gấm vóc nước nhà. Xây dựng và phát triển đất nước để bảo vệ Tổ quốc, giữ nước khi nước chưa nguy luôn là kế sách hàng đầu của dân tộc ta. Khi đất nước ổn định, nhân dân ta luôn nỗ lực sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa để từng bước xây dựng cơ đồ, không ngừng chăm lo đời sống nhân dân no đủ, thiên hạ thái bình. Tuy vậy, niềm tin chính trị truyền thống của dân tộc cũng khó tránh khỏi những yếu tố duy tâm, yếu tố thiên mệnh chi phối, dấu biết rằng, mệnh người có thể thay đổi, nhưng khi gặp thất bại dễ sinh bi quan, quy nó theo tư tưởng số mệnh như một lẽ thường.

Trong tiến trình lịch sử dân tộc, niềm tin chính trị truyền thống Việt Nam đã đóng một vai trò rất quan trọng, góp phần duy trì mạch nguồn văn hóa, tinh thần và khí phách của dân tộc; là động lực và sức mạnh để dân tộc Việt Nam vượt qua những khó khăn, thử thách tưởng chừng như không thể vượt qua nổi. Bước vào giai đoạn cận hiện đại, đứng trước sự đe dọa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc xuất hiện, sự xâm lược của kẻ thù hoàn toàn mới, các dân tộc nhược tiểu không đủ sức chống lại cuộc xâm lược của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Lúc này, bộc lộ mặt tiêu cực của nó như “trọng vương khinh bá” (quá đề cao vua mà xem nhẹ dân chúng); “nội hạ ngoại di” (tự cao bên trong, coi nhẹ bên ngoài, đóng cửa khép kín), “trọng nông ức thương” (coi trọng

nông nghiệp, xem nhẹ thương nghiệp cản trở giao thương hàng hóa). Thực tế lịch sử cho thấy khi chưa đổi diện, đương đầu với bên ngoài, nhất là phương Tây thì tự cao mù quáng theo lối vừa khinh vừa sợ, khinh nên không chịu học hỏi, sợ nên đóng cửa, khép mình lại với thế giới bên ngoài. Khi đổi đầu, qua một vài thất bại thì mất niềm tin vào chính mình, không tin vào sức mạnh của dân tộc. Với sự trị vì của chế độ phong kiến hàng ngàn năm, làm cho dân tộc Việt Nam ngủ dài trong hệ tư tưởng phong kiến, trong khi thế giới chuyển mình mạnh mẽ, khắp xung quanh đã diễn ra biết bao sự chuyển biến. Hệ tư tưởng phong kiến đã lạc hậu, lỗi thời ăn sâu bám rễ trong đường lối trị vì đất nước, trong đời sống dân chúng nên không kế thừa kinh nghiệm quý báu của cha ông, không kịp thời và nghiêm túc nghiên cứu, rút ra những bài học của lân bang, dẫn đến nghèo nàn, lạc hậu và yếu ớt, đánh mất nền độc lập dân tộc.

Trong quá trình xây dựng và lan tỏa niềm tin chính trị của mình trong thời đại mới, Hồ Chí Minh đã kế thừa những giá trị niềm tin trong truyền thống dân tộc. Sự kế thừa đó được soi sáng bởi một lý luận khoa học, cách mạng và nhân văn là chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cho niềm tin truyền thống dân tộc đảm bảo tính khoa học, góp phần lược bỏ tính chất thần thánh hay chủ quan của một số biểu hiện niềm tin trong truyền thống. Khẳng định niềm tin của tư tưởng dân chủ, từng bước xóa bỏ tư tưởng thiên mệnh, ý trời siêu nhiên. Tức là sự thành bại là do nhân dân, do con người “Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại” [74, tr.297], chứ không phải do mệnh trời. Với niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã biết tổ chức những hoạt động chính trị của mình một cách chặt chẽ, bài bản, trên cơ sở biết địch biết ta, trên cơ sở nhìn khắp cả nước và khắp hoàn cầu, không chỉ biết hiện tại, mà còn hiểu quá khứ và biết cái đích cần đạt được trong tương lai. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đã đem đến cho người dân Việt Nam sự tự tin bản thân và sự tự tôn dân tộc. Vì thế, đã làm nên thắng lợi cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945, giành lại độc lập cho nước, tự do, hạnh phúc cho dân. Đã “rũ bùn đứng dậy sáng lòa” để “biến

người nô lệ thành người tự do” làm chủ bản thân, làm chủ xã hội và làm chủ nước Việt nam độc lập.

Vượt lên những giá trị truyền thống, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đã giúp nhân dân Việt Nam mở rộng tầm nhìn, đổi mới tư duy, biết nhìn nhận và lựa chọn đúng xu thế thời đại, đoàn kết với nhân dân lao động thế giới. Luôn có niềm tin vào thắng lợi của dân tộc mình, vào thắng lợi của nhân dân lao động khắp nơi trên thế giới. Niềm tin đó được lan tỏa mạnh mẽ và chuyển hóa thành sức mạnh vật chất, làm cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng phát triển đến đỉnh cao. Trong thời đại mới, nhân dân Việt Nam yêu nước hết sức tin tưởng vào tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, một nhân vật kiệt xuất trong lãnh đạo cách mạng, gần gũi, giản dị trong sinh hoạt đời thường. Niềm tin vào Hồ Chí Minh là tin vào anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được lan tỏa mạnh mẽ và tạo ra sự cộng hưởng lớn lao giữa quần chúng nhân dân với cá nhân lãnh tụ, giữa các giai cấp tầng lớp trong xã hội, giữa các dân tộc và các tôn giáo trên lãnh thổ Việt Nam. Kết thành một khối thống nhất, tạo nên sức mạnh to lớn nhất, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, từng bước xây dựng dựng một thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh huy hoàng và vẻ vang.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đã đánh dấu bước ngoặt mới trong lịch sử nước nhà, đã tạo dựng diện mạo mới của niềm tin chính trị Việt Nam trước nhân loại. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đã khơi dậy sự tự tin cao độ của dân tộc, nhân dân Việt Nam trên một nền tảng khoa học, qua đó góp phần củng cố niềm tin của nhân dân tiên bộ thế giới vào cuộc đấu tranh chính nghĩa và khả năng chiến thắng của dân tộc Việt Nam. Sự đồng lòng, quyết tâm của toàn dân tộc có một ý nghĩa rất quan trọng để củng cố sự tin tưởng của bè bạn khắp năm châu, qua đó góp phần thuyết phục và khơi dậy trong họ những tình cảm tích cực để thực hiện kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Niềm tin chính trị của dân tộc Việt Nam góp phần củng cố niềm tin vào sự thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực

dân, đế quốc của các dân tộc bị áp bức bóc lột, của nhân dân lao động trên khắp thế giới. Như vậy, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh lan tỏa mạnh mẽ và trở thành niềm tin chính trị Việt Nam trong thời đại mới. Niềm tin đó, phù hợp và bắt nhịp với niềm tin chính trị của thời đại đấu tranh giải phóng thuộc địa, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Có thể thấy, sức mạnh của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là sức mạnh của chính nghĩa, của tinh thần đại đoàn kết, của lương tri và phẩm giá con người.

4.1.2. Góp phần khẳng định, bổ sung và phát triển lý luận về niềm tin chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết khoa học và cách mạng để giúp con người nhận thức và cải tạo thế giới, là thế giới quan và phương pháp luận phổ biến của nhận thức khoa học và cải tạo hiện thực. Học thuyết ra đời trên mảnh đất thực tiễn của thời đại, có sự kế thừa, phát triển những tinh hoa văn hóa loài người đã tạo dựng nên. V.I Lênin khẳng định: “là một học thuyết hoàn bị và chặt chẽ, nó cung cấp cho người ta một thế giới quan hoàn chỉnh, không thỏa hiệp với bất cứ một sự mê tín nào, một thế lực phản động nào bảo vệ sự áp bức của tư sản. Nó là người thừa kế chính đáng của tất cả những gì tốt đẹp nhất mà loài người đã tạo ra” [151, tr.50] tính đến thời điểm ra đời. Đồng thời, quá trình phát triển học thuyết đã không ngừng hấp thu những giá trị văn hóa, văn minh của thời đại để không ngừng bổ sung, hoàn thiện. Đặc biệt phép biện chứng duy vật với tư cách là sự thống nhất giữa thế giới quan và phương pháp luận, đã giúp cho loài người, nhất là giai cấp công nhân và nhân dân lao động tìm ra quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người, trong những biến động phức tạp của xã hội loài người.

Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời vào khoảng giữa thế kỷ XIX (Tuyên Ngôn của Đảng Cộng sản năm 1848) đã có sức ảnh hưởng vô cùng to lớn trên phạm vi toàn thế giới với nhiều phong trào đấu tranh. Học thuyết này đã góp phần thay đổi bộ mặt của nhân loại, cung cấp cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động công cụ vĩ đại trong nhận thức và cải tạo thế giới. Tuy lúc mới xuất

hiện, chủ nghĩa Mác cũng chỉ là một trào lưu xã hội chủ nghĩa trong nhiều trường phái xã hội, nhưng với những điều kiện thực tiễn xã hội, nhất là mâu thuẫn gay gắt, đấu tranh giữa giai cấp tư sản và vô sản, chủ nghĩa Mác - Lênin đã thu được những thắng lợi rực rỡ, trở thành hệ tư tưởng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh giải phóng mình khỏi mọi áp bức, bóc lột bất công. Dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, đã soi đường cho Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đấu tranh giành thắng lợi. Làm cho lý chủ nghĩa xã hội không còn là “bóng ma” của lịch sử. Chủ nghĩa Mác - Lênin từ lý luận đã trở thành thực tiễn và mỗi bước phát triển của cách mạng thế giới đều gắn liền với lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trên phương diện tư tưởng, lý luận, với sự ra đời của triết học mácxít đã khẳng định niềm tin khoa học có vai trò to lớn, sự tác động mạnh mẽ tới tình cảm, ý chí và hành động của con người. Hoạt động nhận thức và cải tạo tự nhiên, biến đổi xã hội có dấu ấn rất lớn từ niềm tin khoa học mácxít. Nhờ đó, con người tin tưởng vào khả năng của mình, thôi thúc hành động vì cuộc sống của con người và tiến bộ xã hội. Niềm tin đó dẫn dắt và hướng con người đến những giá trị chân, thiện, mỹ, đồng thời tạo “sức đề kháng” để tự “miễn dịch” trước những tư tưởng và hành động tiêu cực trong đời sống xã hội. Sức mạnh của niềm tin là không thể tưởng tượng được, nó có thể biến cái không thể thành có thể, những cái bình thường thành phi thường. Tất cả những phẩm chất tốt đẹp của con người như: sự kiên nhẫn, chí tiến thủ, lòng dũng cảm, bền gan khắc phục mọi khó khăn, chiến thắng mọi thử thách... đều xuất phát từ niềm tin dựa trên cơ sở khoa học và nhân văn.

Hồ Chí Minh đã chọn “nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác” [76; tr.315] để học tập, nghiên cứu và lấy làm nền tảng trong lập trường tư tưởng. Vì vậy, khi đọc được *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lênin*, Nguyễn Ái Quốc đã đến được với chủ nghĩa Mác - Lênin và từng bước làm cho Người từ người yêu nước đã trở thành người cộng sản, một sự thay đổi về chất trong lập trường cứu nước. Từ đó, bằng sự tuyên truyền, giác ngộ cách mạng, Người đã

lôi cuốn nhiều thanh niên Việt Nam yêu nước chân chính đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành vũ khí lý luận sắc bén để Hồ Chí Minh nhìn nhận thế giới, đánh giá bạn - thù. Không những nắm vững lý luận, Hồ Chí Minh còn từng bước truyền bá lý luận và thâm nhập vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, vạch ra phương hướng đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Trong sự nghiệp cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn luôn tin tưởng, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều đó có ý nghĩa rất quan trọng, khẳng định chân giá trị, sức sống và sức mạnh của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Sự trung thành và kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh càng là một yếu tố để khẳng định tính khoa học, cách mạng và nhân văn của học thuyết. Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tin tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin là từ trải nghiệm thực tiễn, từ sự nghiên cứu các học thuyết khác khắp cổ kim, Đông Tây. Chính chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm cho Người vô cùng xúc động, “phấn khởi, tin tưởng và sáng tỏ” vì đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta. Đó không phải là cảm xúc nhất thời, đó là sản phẩm của sự chiêm nghiệm, sự trăn trở tìm tòi bấy lâu mà chưa có câu trả lời, như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn, đang đi trong đêm tối tìm thấy ánh sáng. Như vậy, tất cả các học thuyết mà Hồ Chí Minh tiếp thu đều không giải thích được những băn khoăn trong tư duy của mình, không phản ánh được hiện thực cuộc sống, không lý giải được những nghịch lý, bất công đang tồn tại trên khắp hoàn cầu dưới sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc. Mỗi người có thể tiếp cận với một học thuyết nào đó qua những con đường khác nhau, có thể là qua con đường nghiên cứu, hoặc qua con đường hoạt động thực tiễn, mỗi một con đường đều có những ưu điểm riêng, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin bằng cả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nhưng trước hết là từ nhu cầu thực tiễn, trong sự tác động tổng hợp của cá nhân, dân tộc thời đại. Nói cách khác, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào chủ nghĩa Mác - Lênin là kết quả của một

sự tác động tổng hợp, đáp ứng khát vọng của một thanh niên yêu nước, trả lời được con đường, cách thức để giải phóng các dân tộc thuộc địa và phản chiếu được tinh thần, khí thế và xu hướng thời đại mới tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Trong nhiều bài nói, bài viết của Người, ít khi trích dẫn kinh điển nhưng trong tư duy và hành động của Người luôn đứng vững trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là cơ sở để Hồ Chí Minh khẳng định: “Chủ nghĩa Lenin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái "cẩm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản” [84, tr.563].

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đã góp phần khẳng định sự phù hợp của chủ nghĩa Mác - Lênin với đặc thù các nước phương Đông, đã số là thuộc địa phong kiến, nghèo nàn lạc hậu. Nếu C.Mác và Ph.Ăngghen là người khởi dựng học thuyết, V.I. Lênin là người bổ sung phát triển toàn diện trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thì Hồ Chí Minh là người học trò trung thành và sáng tạo đã tiếp nối tinh thần trong di sản của những người thầy của mình trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh chính là sự tiếp nối, vận dụng sáng tạo niềm tin chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam Người còn là sự bổ sung, phát triển lý luận về niềm tin chính trị của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I. Lênin.

Có thể thấy, chủ nghĩa Mác - Lênin là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến việc hình thành niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Nhưng Người không máy móc, giáo điều luôn có tinh thần sáng tạo, thẩm nhuần phép biện chứng duy vật, Hồ Chí Minh tin tưởng và vận dụng linh hoạt, sáng tạo đúng như tinh thần của V.I. Lênin “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần

phải phát triển hơn nữa về mọi mặt” [150, tr.232]. Hồ Chí Minh kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng không biến chủ nghĩa Mác - Lênin thành giáo điều, kinh thánh. Người không xem chủ nghĩa Mác - Lênin là một cái gì đó nhất thành bất biến mà hậu thế chỉ việc tuân theo, cứng nhắc. Ngược lại, Người đề nghị bổ sung cơ sở lịch sử vào chủ nghĩa Mác - Lênin: “Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông” [73, tr.510] vì “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại” [73, tr.509] rất sáng tạo, phù hợp với thực tiễn ở phương Đông nói chung, Việt Nam nói riêng.

Có thể khẳng định niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào chủ nghĩa Mác - Lênin là niềm tin vào một lý tưởng chính trị cao đẹp, cách mạng được dựa trên nền tảng tinh thần khoa học vững chắc. Hồ Chí Minh đã tin tưởng vào bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn; tin tưởng vào phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, Người đã làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin thấm sâu vào tư tưởng lý luận, đi vào phong trào cách mạng ở nước Việt Nam đang là thuộc địa, nửa phong kiến. Điều kiện và tính chất khác rất nhiều so với phương Tây, khi Việt Nam không có nền sản xuất đại công nghiệp và giai cấp công nhân lớn mạnh, mà chủ yếu là giai cấp nông dân nghèo chiếm tuyệt đại đa số, còn nhiều những tàn dư của chế độ phong kiến, thuộc địa. Sự vận dụng và hiện thực hóa chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam, là minh chứng không thể xuyên tạc của việc tin tưởng, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo. Trung thành về lý tưởng, thống nhất về hành động trên cơ sở nắm vững tinh thần, bản chất, phương pháp và nắm vững thực tiễn để giúp cho lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin xâm nhập vào thực tiễn cách mạng Việt Nam nhanh chóng, hiệu quả. Đồng thời, qua thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã bổ sung, phát triển kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về những vấn đề cách mạng ở nước thuộc

địa. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là tin tưởng một cách máy móc, giáo điều bê nguyên lý luận nơi này vào thực tiễn nơi khác, mà tin tưởng trên cơ sở nắm vững tinh thần, bản chất, để luôn sáng tạo trong tư duy và hành động. Ngược lại, cũng không phải theo kiểu thấy thực tiễn khác với lý luận lại cho rằng lý luận đó không có hiệu quả. Qua đó cho thấy sự thống nhất biện chứng giữa lý luận và thực tiễn trong niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính sự tin tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin như vậy, chúng ta mới thấy Hồ Chí Minh luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, và Người có trách nhiệm không ngừng làm cho lý luận đó phát triển phong phú cùng sự phát triển của thực tiễn dân tộc và thời đại. Sự tin tưởng của Hồ Chí Minh vào giá trị bản chất, tinh thần, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp cho Người không chỉ vận dụng sáng tạo mà còn phát triển sáng tạo, bảo vệ chủ nghĩa ấy trong điều kiện mới. Theo Người, phát huy vai trò chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn, phát triển phù hợp với giá trị của thời đại để tiến cùng thời đại là cách bảo vệ tốt nhất hệ tư tưởng - lý luận cách mạng.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc chúng ta kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhận thức và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin là nhân tố đảm bảo sự thành công trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh và nguyên nhân dẫn đến sự thành công của cách mạng Việt Nam. Điều đó, khiến chúng ta suy nghĩ một cách nghiêm túc để tìm hiểu nguyên nhân Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công, trong khi cách mạng ở nhiều nơi khác thất bại. Nói cách khác, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là một minh chứng để chúng ta học tập làm theo, nhưng đồng thời cũng là một trường hợp điển hình, mẫu mực để khái quát những vấn đề lý luận trong cách nhìn nhận, đánh giá, tiếp thu, vận dụng, phát triển lý luận. Cũng có những Đảng phái, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới tự cho mình là theo chủ nghĩa Mác - Lênin chân chính. Với Hồ

Chí Minh, thay vì tham gia tranh luận về việc bên nào đúng, bên nào sai thì bằng hành động của Người, đã khẳng định những chân lý phổ biến. Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin trên mảnh đất thực tiễn Việt Nam, bằng cách làm của Việt Nam. Nhờ đó, chủ nghĩa Mác - Lênin khi vào cách mạng Việt Nam, không rơi vào giáo điều, cũng không phạm phải sai lầm của chủ nghĩa xét lại. Ngược lại luôn biết “học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta” [83, tr.611]. Vì vậy, mặc dù các thế lực thù địch xuyên tạc, cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lạc hậu trong điều kiện mới và cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin không phù hợp với Việt Nam đã bị niềm tin chính trị Hồ Chí Minh phản bác một cách có hệ thống ở tầm lý luận.

Một trong những yêu cầu đặt ra từ niềm tin chính trị Hồ Chí Minh cho những người cách mạng Việt Nam là phải biết nắm vững những vấn đề cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng và phát triển sáng tạo, nhất là trong bối cảnh: “tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức [24, tr.30]. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) phát triển mạnh mẽ, nhất là sự phát triển của Trí tuệ nhân tạo (AI) làm biến đổi nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với Việt Nam. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển, nhưng cũng gặp trở ngại do chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt. Các nước lớn (Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Nhóm BRICS) điều chỉnh chiến lược phát triển và tăng cường chạy đua thương mại, vực trang nhằm thích ứng với tình hình mới. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó dự báo, vừa thuận lợi, vừa khó khăn. Trên phạm vi toàn cầu, những vấn đề mới ngày càng phức tạp như biến đổi

khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, đã tác động nhanh chóng trên nhiều mặt, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định, bền vững của nước ta. Trong khi đó, “dù đạt được những thành tựu rất quan trọng, rất đáng tự hào, nhưng đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế” [24, tr.31]. Trong bốn nguy cơ được Đảng ta chỉ ra như chệch hướng, tụt hậu, tham nhũng và diễn biến hòa bình thì hiện nay Đảng ta chỉ rõ nguy cơ bao trùm là tụt hậu, trong đó, trước hết là tụt hậu về khoa học - công nghệ.

Một trong những giá trị của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là góp phần phát triển những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản và quần chúng nhân dân. Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Hồ Chí Minh đã nêu cao một tấm gương về niềm tin chính trị vững chắc vào lý luận của Đảng. Đồng thời, đưa ra hệ thống quan điểm về xây dựng niềm tin chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và lan tỏa mạnh mẽ vào quần chúng nhân dân. Qua đó, góp phần làm phong phú hơn di sản chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc xây dựng niềm tin chính trị của những người công sản ở một nước thuộc địa phong kiến ở phương Đông.

Trong sự nghiệp lãnh đạo đất nước đổi mới, Đảng ta luôn kiên định vững vàng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, năm 1991, được Đảng ta khẳng định “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn và phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân” [22, tr.488]. Nghị quyết 35 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, năm 2018, chỉ rõ: Củng cố và tăng cường niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư

tướng Hồ Chí Minh, giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội và niềm tin của nhân dân với Đảng.

4.1.3. Là một trong những cơ sở lý luận để Đảng ta xây dựng niềm tin chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong đường lối đổi mới

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh có giá trị và ý nghĩa vô cùng quan trọng, là một trong những cơ sở lý luận để Đảng và Nhà nước ta đề ra chủ trương, hoạch định đường lối và ban hành chính sách phát triển đất nước. Về phương diện lý luận, Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn về vai trò, nội dung, cách thức xây dựng và lan tỏa niềm tin chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh chính là hình ảnh điển hình, sinh động và tiêu biểu nhất cho quá trình phát triển, hình thành và từng bước hoàn thiện niềm tin chính trị ở một cá nhân có sứ mệnh lịch sử đặc biệt. Từ những trải nghiệm thực tiễn phong phú, từ hành trình tìm đường cứu nước đầy gian nan, Người đã chuyển hóa nhận thức, nuôi dưỡng khát vọng, xác lập niềm tin kiên định vào con đường cách mạng vô sản, vào chủ nghĩa Mác Lênin và vai trò lãnh đạo của một chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Thực tế cho thấy, niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh đã đặt cơ sở nền tảng quan trọng để hình thành niềm tin chính trị mới trong phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX, góp phần định hướng và dẫn dắt cả dân tộc đi theo con đường cách mạng vô sản, thay thế con đường cứu nước theo tư tưởng phong kiến hoặc tư sản vốn tỏ ra không phù hợp với điều kiện lịch sử của dân tộc.

Thông qua những bài nói, bài viết và quá trình trực tiếp hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm và sự lựa chọn con đường cách mạng của nhiều trí thức, thanh niên yêu nước thời bấy giờ. Đặc biệt, khi Người trực tiếp tổ chức, đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán để chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, niềm tin chính trị của Người đã được truyền đạt, “chuyên giao” một cách sống động sang đội ngũ này, để rồi từ họ tiếp tục lan tỏa đến quần chúng nhân dân, hình thành lực lượng cách

mạng rộng lớn. Từ đây có thể khẳng định, ngay từ buổi đầu thành lập, niềm tin chính trị của Hồ Chí Minh đã trở thành nền móng tư tưởng và tinh thần cho niềm tin chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng lấy chủ nghĩa Mác Lênin làm nền tảng tư tưởng, tuân thủ nguyên tắc tổ chức, hoạt động của một chính đảng kiểu mới, gắn kết cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Với niềm tin kiên định đó, dù còn non trẻ, Đảng vẫn phát triển được lực lượng, vượt qua mọi sự khủng bố, đàn áp, vượt lên trên các tổ chức chính trị khác, trở thành lực lượng lãnh đạo duy nhất của dân tộc. Trong vai trò lãnh đạo cao nhất, Hồ Chí Minh trở thành điểm hội tụ niềm tin chính trị của Đảng và dân tộc; niềm tin của Người trở thành niềm tin của Đảng, của nhân dân Việt Nam, là hạt nhân tạo nên sức mạnh tinh thần vững bền, làm nền tảng để xây dựng và củng cố niềm tin chính trị của toàn dân tộc.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã cụ thể hóa, vận dụng và không ngừng củng cố vững chắc niềm tin chính trị Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nhờ đó, Đảng ta đã quy tụ đông đảo mọi giai cấp tầng lớp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành những thắng lợi to lớn, vẻ vang, để lại những dấu ấn đậm nét trong tiến trình phát triển của nhân loại. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh cung cấp cơ sở lý luận để Đảng định hướng nội dung và cách thức xây dựng, củng cố và tăng cường niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên hiện nay, từng bước khắc phục tình trạng suy giảm uy tín của Đảng và niềm tin của nhân dân. Từng bước loại bỏ tư tưởng thụ động, trông chờ, ỷ lại vào cấp trên, không dám nghĩ, dám nói, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Để khắc phục những hạn chế này, văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ: “đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” [24, tr.183]. Trong đó, vấn đề mấu chốt là xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp của Đảng và

hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Tiếp tục “Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu” [24, tr.18]. Mới đây, trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ XIII khóa XIII, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh đến những tiêu chí, tiêu chuẩn của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược của Đảng, Nhà nước phải đảm bảo ba yêu tố là “Đức - Sức - Tài”.

Để xây dựng niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thì tự phê bình và phê bình cũng là cách rất tốt. Người đã khẳng định: “một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính” [77, tr.301]. Đảng phải luôn “xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hoá ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng” [77, tr.290]. Trong bối cảnh mới hiện nay, đang đặt ra những yêu cầu mới đối với Đảng trong xây dựng, củng cố và tăng cường niềm tin chính trị, nhất là trong nhân dân. Muốn vậy, Đảng phải tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu; thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới nhằm xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ. Đảng ta là đạo đức, là văn minh. Tiếp tục củng cố và tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới đất nước, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng và thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Đặc biệt, vấn

đề có ảnh hưởng lớn tới việc xây dựng niềm tin chính trị hiện nay là phải đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhằm loại bỏ những phần tử thoái hóa biến chất, không có tinh thần đổi mới, phục vụ nhân dân ra khỏi bộ máy của hệ thống chính trị, với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay.

Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới nói chung, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị nói riêng, Đảng ta xác định đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, tiến hành thường xuyên, “trở thành phong trào, thành xu thế không thể đảo ngược, được đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân đánh giá cao, bạn bè quốc tế ghi nhận” [143, tr.13]. Đại hội VI xác định tham nhũng “làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan nhà nước” [22, tr.21]; Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội VII (tháng 01/1994), tham nhũng được Đảng ta nhận diện là một trong bốn nguy cơ đối với Đảng và cách mạng Việt Nam, đến Đại hội IX đã trở thành “một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta” [22, tr.883]. Đại hội XI chỉ rõ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực và tệ nạn xã hội “làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước” [23, tr.391-392]; Đại hội XII tiếp tục xác định tham nhũng “là thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ” [23, tr.719]. Hiện nay, tại Đại hội XIII của Đảng thẳng thắn chỉ rõ: “Tham nhũng là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta” [24, tr.93].

Những năm đầu đổi mới, Đảng ta xác định “đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng của toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta hiện nay” [19, tr.237]. Sau gần 40 năm đổi mới đất nước, chúng ta càng nhận rõ, đây là “một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng

trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [24, tr.193]. Qua đó, cho thấy Đảng ta luôn cảnh giác, cảnh báo về nguy cơ và tác hại của tệ tham nhũng, tiêu cực đối với sự phát triển đất nước và tồn vong của chế độ.

Trước diễn biến phức tạp và quyết tâm đấu tranh phòng, chống tham nhũng tiêu cực, Hội nghị lần thứ III Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2006, đã đề ra mục tiêu tổng quát, định hướng toàn bộ phương châm, tư tưởng hành động và các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đó là: “Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân, xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính” [20, tr.522]. Trong đó, mọi cán bộ, đảng viên phải ghi nhớ và thực hành lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đảng ta là một đảng cầm quyền... phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” [87, tr.611-612]. Đảng phải luôn luôn dựa vào dân, lắng nghe dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh” [87, tr.51]. Xét đến cùng, mọi việc đều xuất phát từ yếu tố con người là trung tâm, việc củng cố, tăng cường niềm tin chính trị cũng bắt đầu từ đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt, cấp cao của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội. Bởi vậy, mỗi cán bộ chúng ta hãy nêu cao tinh thần trách nhiệm và dũng khí trước Đảng, trước nhân dân; gương mẫu, đi đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo; cống hiến, hi sinh, suốt đời phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đó là thực hành đạo đức hành động vì nước, vì dân theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Giáo sư Song Thành rất sâu sắc khi cho rằng: “Niềm tin về chính trị gắn liền với niềm tin vào đạo đức của người lãnh đạo, do đó sự nêu gương đạo đức của người cán bộ, đảng viên, đặc biệt ở người lãnh đạo, giữ một vai trò cực kỳ quan trọng;

một khi quần chúng đã mất niềm tin vào đạo đức của người cầm quyền thì niềm tin chính trị đối với họ cũng không còn” [116, tr.415].

Thông qua đó giữ gìn sự trong sạch của Đảng, giữ vững bản chất của thể chế chính trị, giữ vững niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Hoàn chỉnh, đồng bộ các hệ thống chế tài để vừa đảm bảo kiểm soát tốt quyền lực, ngăn chặn được những vi phạm, đồng thời không ngừng khích lệ, động viên, cổ vũ những cán bộ, đảng viên thật sự vì nước, vì dân, những gương người tốt việc tốt trong xã hội. Bên cạnh đó, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi Đảng phải luôn làm tốt giáo dục, vận dụng, phát triển và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhằm duy trì và giữ vững sự ổn định niềm tin trong xã hội. Kiên quyết đấu tranh, chủ động đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, Đảng với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, chia rẽ làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng thời, tiếp tục thực hiện một cách có hiệu quả, có chiều sâu, thiết thực việc học tập và làm tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng và toàn xã hội. Trước hết, cán bộ đảng viên “Học tập và làm theo Bác để Đảng ta và mỗi đảng viên xứng đáng với vai trò, sức mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam và sự tin cậy của nhân dân” [6]; “phải làm cho tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, tạo ra trên đất nước ta và từng cơ quan, đơn vị một đời sống tinh thần cao đẹp” [94, tr.84]. Từ đó, góp phần làm cho niềm tin chính trị Hồ Chí Minh thấm sâu vào tư tưởng và thể hiện thành hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân.

4.2. GIÁ TRỊ THỰC TIỄN CỦA NIỀM TIN CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

4.2.1. Kiến tạo niềm tin chính trị ở Việt Nam trong thời đại mới

Hồ Chí Minh sinh ra, lớn lên trong bối cảnh nước mất, nhà tan, nhiều phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp và phong kiến tay sai đều thất bại.

Sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước cuối thế kỷ XIX đến đầu XX, dẫn đến sự suy giảm và bế tắc trong niềm tin về con đường cứu nước ở Việt Nam. Đặc biệt, quần chúng nhân dân không thể đặt niềm tin vào các khuynh hướng cứu nước như phong kiến hay dân chủ tư sản. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái đã đánh dấu kết thúc phong trào cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản và sứ mệnh lãnh đạo của giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Sự thắng thế của khuynh hướng cứu nước theo hệ tư tưởng vô sản kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) là kết quả quá trình lâu dài trong việc tiếp thu, vận dụng sáng tạo niềm tin chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh cụ thể, phù hợp với dân tộc Việt Nam.

Từ niềm tin truyền thống dân tộc và nhân loại (kết hợp phương Đông và phương Tây), đặc biệt là niềm tin khoa học được rút ra từ chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh hình thành niềm tin khoa học và cách mạng. Hiện thực hóa niềm tin của mình trong quá trình truyền bá lý luận cách mạng, lãnh đạo và tổ chức cách mạng, Hồ Chí Minh cùng với nhân dân Việt Nam từng bước làm thay đổi diện mạo, địa vị chính trị, kinh tế của đất nước, của nhân dân. Trong lĩnh vực chính trị, bằng những hành động thiết thực, chi tiết và cụ thể, Hồ Chí Minh từng bước truyền bá lý luận cách mạng, con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Những hành động của Hồ Chí Minh trong việc mở các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu - Trung Quốc cho những thanh niên yêu nước Việt Nam mang tính quyết định cho việc chuyển từ lập trường của các giai cấp, tầng lớp khác sang lập trường giai cấp công nhân của những thanh niên này. Quyết định cho việc chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá sâu rộng vào đời sống chính trị của giai cấp công nhân Việt Nam. Thúc đẩy giai cấp công nhân Việt Nam ý thức về sứ mệnh lịch sử của mình trong đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động, giải phóng chính mình. Hồ Chí Minh giữ vai trò quyết định trong việc thúc đẩy sự ra đời của các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam. Từ niềm tin đến hành

động của mình, trực tiếp, khôn khéo và khoa học đi đến thống nhất các tổ chức cộng sản này thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam là dấu mốc đánh dấu bước ngoặt của cách mạng Việt Nam nói chung, sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh nói riêng. Sau khi Đảng ta ra đời, dưới sự dẫn dắt của Người, cách mạng Việt Nam có được những thắng lợi bước đầu trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do. Cao trào cách mạng năm 1930 - 1931, nếu không có sự lãnh đạo, hành động mau lẹ của Đảng những thắng lợi bước đầu rất khó được bảo toàn. Phong trào dân tộc, dân chủ những năm 1936 - 1939, nếu không xác định rõ thời điểm thực hiện các mục tiêu, đưa ra mục tiêu để hành động thì không thể có được sự tập dượt các hình thức đấu tranh cách mạng cho nhân dân, tập dượt khả năng lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Đặc biệt giai đoạn những năm 1939 - 1945, với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Cứu quốc quân, Ủy ban Khu giải phóng, thực hành 10 chính sách của Việt Minh trong Khu giải phóng... thể hiện rõ giá trị, ý nghĩa đối với dân tộc của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh tiếp tục được hiện thực hóa và ngày càng bổ sung, phát triển sâu sắc hơn. Thông qua những hành động, cứu vãn tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” để bảo vệ chính quyền, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh tiếp tục được kiểm chứng về tính khoa học và cách mạng. Bằng những hành động, sự chỉ đạo hành động mạnh mẽ, quyết liệt mà những khó khăn của buổi đầu giành được chính quyền nhanh chóng được khắc phục. Thực hiện quyết liệt, sáng tạo và triệt để các biện pháp cứu đói, cùng hành động của bản thân Hồ Chí Minh cũng như yêu cầu hành động của cả dân tộc, nhân dân vượt qua nạn đói. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm với những phương pháp, hành động cụ thể nhân dân ta đã có sự chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới trường kỳ và gian khổ. Giành được

chính quyền trong điều kiện các lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước còn rất mạnh, chúng đang toan tính tìm cách trở lại thôn tính nước ta một lần nữa. Chỉ có một niềm tin mãnh liệt, chắc chắn và hành động với quyết tâm cao, Hồ Chí Minh mới có thể chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua những khó khăn, thách thức. Không có những hành động kịp thời, những tính toán hợp lý, sự linh hoạt của Hồ Chí Minh, nhân dân ta cùng một lúc không thể chống đỡ được sức mạnh của 20 vạn quân của Tưởng Giới Thạch, không thể cản được sự quay trở lại của thực dân Pháp, sự chống phá của phát xít Nhật và nổi dậy của các tổ chức phản cách mạng trong nước. Trên cơ sở kiên định niềm tin và nắm vững mục tiêu, Hồ Chí Minh mới có thể áp dụng phương pháp hành động thậm chí tưởng là cực đoan khi ký Tạm ước (14/9/1946) với thực dân Pháp. Rõ ràng, “Là một nhà chính trị có tầm cỡ, Người có khả năng phân biệt được cái gì có tính chất sống còn bắt buộc phải chiến đấu và cái gì có thể đàm phán, dù là đau đớn; điều đó đã tạo thành năng lực đứng vững trên đường lối chiến lược, đồng thời chuyển động giữa những cản trở cực kỳ to lớn” [147]. Có thể thấy, đồng thời với sự lớn mạnh của lực lượng, sự chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ là sự thắng lợi của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh trên thực tế. Những thành tựu mà đất nước ta, nhân dân ta giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Vấn đề đặt ra là trong thời đại cách mạng mới, trong điều kiện cách mạng mới, cần tiếp tục quán triệt, vận dụng tốt hơn niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Tiếp tục khẳng định niềm tin và truyền cảm hứng hành động cho lớp lớp cán bộ, đảng viên, cho cả dân tộc về niềm tin chính trị Hồ Chí Minh.

Từ niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, mỗi chủ thể hành động xác lập cho mình một niềm tin phù hợp, cốt lõi là niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng. Đó là điều kiện tiên quyết để tiếp tục gặt hái những thành tựu trong phát triển, giải phóng con người mà Hồ Chí

Minh mở ra trong thời đại phát triển mới của dân tộc. Có thể thấy, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện là lý luận hành động khoa học để giải phóng dân tộc, đòi lại độc lập, đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân mà còn phát triển niềm tin của dân tộc, có giá trị định hướng hành động cho mọi chủ thể trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước, đặc biệt đối với Đảng. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh còn là cơ sở lý luận, khoa học và cách mạng để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Niềm tin đó được hiện thực hóa trong lao động, chiến đấu, học tập để rèn luyện và chứng tỏ những phẩm chất, chuẩn mực về đạo đức, về lối sống của mình. Càng thực hiện niềm tin chính trị Hồ Chí Minh trong thực tiễn bao nhiêu thì giá trị, sức lan tỏa, mở rộng và tính sâu sắc của nó càng tăng thêm bấy nhiêu. Thông qua đó khẳng định giá trị làm người, đạo đức làm người trong xã hội, không ngừng góp phần vào quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời kỳ mới.

4.2.2. Góp phần tạo động lực, sức mạnh cho cách mạng Việt Nam giành thắng lợi trong kháng chiến chống thực dân, đế quốc và đi lên chủ nghĩa xã hội

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là sức mạnh nội sinh, một yếu tố cốt lõi của động lực cách mạng để góp phần tạo nên những thành công to lớn của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được khẳng định khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam độc lập ra đời (9/1945). Sự kiện này, đánh dấu mở đầu cho nền chính trị mới ở Việt Nam: Độc lập - Tự do - hạnh phúc gắn với thể chế chính trị Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

Sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1954), đất nước tạm thời bị chia cắt hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc tiến hành cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Dẫu hai miền với hai chế độ, hai nhiệm vụ khác nhau nhưng nhiệm vụ cơ bản vẫn là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Hai miền và cả nước đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó, được trao truyền cảm hứng về một niềm tin tất thắng, đó là niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Đối với miền Bắc, hành động bởi niềm tin “chúng tôi nhất định sẽ thắng lợi trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng tôi là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và hòa bình thống nhất nước nhà” [85, tr.234].

Đối với miền Nam, thông qua những lời kêu gọi, thư gửi, điện tin đã truyền đi niềm tin của Hồ Chí Minh đối với sự thắng lợi của cách mạng miền Nam. Người tuyên bố: “Cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân miền Nam là chính nghĩa. Nó được nhân dân hòa bình trên khắp thế giới ủng hộ. Vậy có thể đoán chắc rằng: Mỹ - Diệm nhất định sẽ thua, nhân dân miền Nam nhất định sẽ thắng” [86, tr.173]. Đối với nhân dân Mỹ, Hồ Chí Minh mong muốn mở rộng quan hệ hữu nghị, cùng xây dựng thế giới hòa bình, phát triển. Người tuyên bố: “Chính vì yêu chuộng công lý và chính nghĩa mà nhiều tầng lớp nhân dân tiến bộ Mỹ, hàng chục vạn thanh niên, sinh viên, giáo sư, nhà khoa học, luật học, văn nghệ sĩ, các nhà tu hành và nhân dân lao động Mỹ đã dũng cảm lên tiếng phản đối và biểu tình rầm rộ chống chính sách xâm lược” [84, tr.65]. Trong *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta, Hồ Chí Minh cũng khẳng định một cách chắc chắn: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn” [87, tr.621].

Công cuộc đổi mới đất nước gần 40 năm qua, đã giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đó là kết quả của ý chí và niềm tin của Đảng và Nhân dân ta vào mục tiêu, con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh, Đảng ta và Nhân dân ta đã lựa chọn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc một cách đầy tự tin, trên nền tảng cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất

nước. Để hiện thực hóa niềm tin đó, Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta ở trong và ngoài nước phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh con người Việt Nam. Huy động mọi nguồn lực để đất nước ta phát triển nhanh, bền vững hơn, lập nên kỳ tích phát triển mới vì một nước Việt Nam cường thịnh, cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu. Quyết tâm thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Ngày nay, hòa bình đã trở lại, nhưng cuộc đấu tranh chính trị hãy còn gay go, phức tạp, gian khổ, lâu dài. Song, với lòng tin tưởng sắt đá, truyền thống anh dũng, tinh thần quật cường và bền gan quyết chí của nhân dân và quân đội ta, chúng ta nhất định sẽ thắng lợi trong cuộc đấu tranh chính trị và sự nghiệp hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước” [82, tr.218].

4.2.3. Góp phần tăng cường niềm tin, ý chí và khát vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc hiện nay

Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng về một tâm hồn lớn, nhân cách lớn của lẽ phải, tình thương và bao dung. Nhân dân ta, từ các vị nhân sĩ, trí thức đến những người dân lao động bình thường đều tin tưởng, kính yêu, ngưỡng mộ, tự nguyện suốt đời đi theo con đường, lý tưởng cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn. Có thể thấy, “Lòng tin mãnh liệt của Bác, những lời kêu gọi của Bác, những điều khẳng định của Bác có sức mạnh lạ lùng ở chỗ nó khơi dậy, làm nảy nở, động viên và phát huy những tiềm lực ẩn náu sâu xa trong tâm hồn của con người Việt Nam, để làm nên sức mạnh của mọi thắng lợi” [27, tr.495].

Công cuộc đổi mới đất nước của nhân dân ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm cho “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, vị thế, tiềm lực và uy tín quốc tế như ngày nay” [24, tr.25]. Có được những thành tựu đó, không thể không nói đến nhân tố niềm tin, niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân Việt Nam trong quá trình xây dựng và

phát triển đất nước. Đồng thời, trên nền tảng những thành tựu có được, càng khẳng định chắc chắn niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, niềm tin bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Cùng với những thành tựu to lớn đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị chúng ta cũng còn không ít những hạn chế. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn thấp. Hiệu quả lãnh đạo của một số tổ chức đảng, quản lý của một số tổ chức, cơ quan nhà nước còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, tình trạng nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, kỷ cương phép nước không nghiêm “còn khá phổ biến”. Hàng trăm cán bộ cao cấp bị xử lý kỷ luật, bị truy tố vì xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ, sa vào tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng với tinh thần nghiêm khắc, nhìn thẳng vào sự thật, chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”” [24, tr.92]. Đồng thời, “Tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội” [24, tr.93]. Tình trạng trên là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự suy giảm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, “là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta” [24, tr.93]. Đúng như khái quát của đồng chí cố Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng trong diễn văn bế mạc Hội nghị Trung ương 6, khóa XII: “ta làm hợp lòng dân thì dân tin và chế độ ta còn, Đảng ta còn. Ngược lại, nếu làm cái gì trái lòng dân, để mất niềm tin là mất tất cả” [111].

Kế thừa và phát triển niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đối với việc tiếp tục củng cố, tăng cường niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên và Nhân dân

vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa đang là vấn đề đặt ra trong thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Từ việc nghiên cứu niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, định hướng và gợi mở các vấn đề cho việc tiếp tục xây dựng niềm tin chính trị ở một số điểm cơ bản sau:

Một là, xây dựng niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào thế giới quan của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Muốn vậy, mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định với đường lối và sự nghiệp đổi mới của Đảng, trung thành với Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuyệt đối không dao động trước khó khăn và thử thách, không nói, viết và làm trái với chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tuân thủ các nguyên tắc của xây dựng Đảng, luôn đặt lợi ích của Đảng, của Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Không ngừng rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, dù ở bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng. Cán bộ, đảng viên phải làm gương cho quần chúng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; Kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [24, tr.109]. Đây là nguyên tắc sống còn của Đảng và chế độ, không ai được phép lung lay, nghiêng ngả.

Hai là, từ niềm tin chính trị Hồ Chí Minh về sức mạnh của Nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đã gợi mở cho Đảng ta về chăm lo xây dựng và phát huy sức mạnh của Nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phải thực sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, thực hiện tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Cán bộ và đảng viên phải nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân... Phải thật

sự tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân... việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh” [76, tr.51].

Vận dụng và phát triển sáng tạo niềm tin chính trị Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn khẳng định Nhân dân là chủ thể của công cuộc đổi mới, niềm tin của nhân dân là động lực khai phóng mọi tiềm năng, nguồn lực to lớn của đất nước và là tiền đề vững chắc để bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình và phát triển giàu mạnh. Đại hội lần thứ VI (12/1986) của Đảng đưa ra bài học đầu tiên: “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động” [22, tr.30] và “phải đặc biệt chăm lo củng cố sự liên hệ giữa Đảng và nhân dân... Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng” [22, tr.30]. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của nhân dân là làm suy yếu sức mạnh của Đảng. Cương lĩnh về xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), rút ra những bài học lớn, trong đó nhấn mạnh:

Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng [23, tr.498].

Nhấn mạnh đến tầm quan trọng trong mối quan hệ giữa Nhân dân với Đảng, Đại hội Đảng lần thứ XIII đã nêu 05 bài học kinh nghiệm từ thực tiễn công cuộc đổi mới, trong đó bài học thứ hai chỉ rõ: Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ

nghĩa. Trong quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển đất nước, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hoá, con người Việt Nam” [24, tr.110].

Ba là, từ bài học về niềm tin tất thắng của cách mạng Việt Nam. Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước ta hiện nay, phải khẳng định niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Muốn vậy, phải không ngừng xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, ngày càng nặng nề. Quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Đại hội XIII chỉ rõ: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” [24, tr.111]. Trong bài viết *Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, yêu cầu cấp bách của giai đoạn cách mạng mới*, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, đảm bảo Đảng là người cầm lái vĩ đại, đưa dân tộc ta tiến lên mạnh mẽ... tạo sự phấn khởi, tin tưởng, kỳ vọng và động lực thôi thúc hành động của cán bộ, đảng viên, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp và nhân dân thực hiện Nghị quyết của Đảng” [66]. Cùng với xây dựng Đảng là “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước” [24, tr.118].

Bốn là, kiên định đường lối hòa bình, độc lập dân tộc và dân chủ trong quan hệ ngoại giao với các nước, Việt Nam luôn có niềm tin vào sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân các nước trên thế giới. Công cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc ta là động lực cơ bản, có sức cuốn hút mạnh mẽ và tập hợp toàn

thể cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tạo thành khối đoàn kết thống nhất. Trong khi tiếp nhận, sử dụng viện trợ quốc tế, nhân dân Việt Nam luôn quán triệt sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Cần phải hết sức tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế, với tinh thần tự lực, tự cường. Đường lối cách mạng đúng đắn, thể hiện khát vọng giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, được toàn dân tin theo, cuộc chiến tranh giải phóng được nhân dân thế giới và các lực lượng dân chủ, tiến bộ đồng tình ủng hộ, giúp đỡ to lớn về vật chất và tinh thần. Đó là thành quả và là sức mạnh hiện thực của truyền thống yêu chuộng hoà bình và công lý, quyết chiến đấu, hy sinh vì độc lập thống nhất của Tổ quốc, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của toàn nhân loại. Trong quá trình lãnh đạo đất nước đổi mới, Đảng ta đã vận dụng và tăng cường đoàn kết với lực lượng dân chủ, tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới trong việc đề ra, thực hiện chính sách đối ngoại. Với phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa, tư duy đối ngoại của Đảng ta đã không ngừng mở rộng và phát triển. Đại hội VI chủ trương “thêm bạn bớt thù”; Đại hội VII, Đảng xác định: “muốn là bạn”; và Đại hội VIII: “sẵn sàng là bạn, đối tác tin cậy” đến Đại hội IX: “là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ: Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” [24, tr.162], tiếp tục “Mở rộng quan hệ và đẩy mạnh hợp tác với các lực lượng chính trị, xã hội và nhân dân các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác phát triển và tiến bộ xã hội” [24, tr.164]. Đồng thời, tiếp tục xác định rõ: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia” [24, tr.164].

4.2.4. Có ý nghĩa to lớn trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay

Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng và đường lối của Đảng, bảo vệ chế độ và Nhân dân. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” xác định: Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng là một nội dung cơ bản, sống còn của công tác xây dựng Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó lực lượng tuyên giáo các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị và của từng cán bộ, đảng viên. Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục yêu cầu: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cương quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” [24, tr.183].

Các thế lực phản động, thù địch ra sức xuyên tạc, phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, chống phá vai trò lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp cách mạng của Nhân dân ta bằng nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau hết sức tinh vi, nguy hiểm. Đặc biệt, chúng sử dụng và lợi dụng các tiện ích từ các nền tảng số, mạng xã hội như facebook; Zalo; Youtube... để thực hiện âm mưu, ý đồ xuyên tạc, chống phá. Những luận điệu sai trái, thù địch ảnh hưởng rất lớn đến tình hình an ninh chính trị, văn hóa, xã hội... trong đời sống tinh thần của xã hội nói chung, vai trò và uy tín của Đảng ta nói riêng. Đặc biệt, nguy hiểm nhất là làm giảm sút, mất niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, cũng như niềm tin chính trị của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đối với công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã

hội chủ nghĩa. Hơn nữa, nó tác động tiêu cực, gây sự hiểu lầm/ hiểu sai về đất nước, con người Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

Các thế lực thù địch thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” với bản chất là biểu hiện của cuộc cạnh tranh tư tưởng, trong những thời điểm nhất định, mức độ cạnh tranh có thể bị đẩy lên rất cao như là một cuộc chiến tranh tư tưởng, đặc biệt trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Chủ thể của “diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam là các thế lực đế quốc, thù địch nhắm đến đối tượng là các quốc gia không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa phương Tây, bao gồm cả các nước xã hội chủ nghĩa, với mục tiêu là xóa bỏ các chế độ chính trị “không thân thiện” đó, mà cụ thể ở Việt Nam là xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, để xác lập sự thống trị của hệ tư tưởng và mô hình nhà nước tư bản chủ nghĩa trên toàn thế giới. Cùng với sự tấn công vào hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam còn có một thách thức đặc thù khác là sự tấn công tư tưởng Hồ Chí Minh, một bộ phận tư tưởng chính trị cốt lõi nhất. Các thảo luận khoa học cũng như các khác biệt trong nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh là một phần tất yếu trong quá trình phát triển nhận thức, đương nhiên không phải là “tấn công ý thức hệ” mà chúng ta đề cập đến ở đây. “Sự tấn công” ở đây có hàm ý về việc sử dụng các thủ thuật ngụy biện “giả khoa học” để làm lệch lạc, hạ thấp ý nghĩa, hoặc thậm chí xóa bỏ tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, hạ thấp uy tín và phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Vì vậy, việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của Đảng và Nhân dân ta là hết sức cần thiết, xem đó là một “trận chiến” thực sự trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay. Muốn vậy, một trong những nội dung quan trọng là phải xây dựng cho được luận cứ thật sự khoa học, chắc chắn cả về lý luận và thực tiễn để phục vụ cuộc đấu tranh này có hiệu quả, trước hết là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong bối cảnh đó, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là một luận cứ khoa học hết sức quan trọng, có giá trị thực tiễn cao trong việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận nền tảng tư tưởng của

Đảng, chống phá cách mạng Việt Nam. Bởi, niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đã quy tụ và tạo nên sức mạnh vô địch để dân tộc Việt Nam giành độc lập dân tộc, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh còn là “hòn đá tảng” trong hệ tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta trong công cuộc đổi mới, phát triển đất nước gần 40 năm qua. Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành biểu tượng văn hóa thiêng liêng của dân tộc Việt Nam, tư tưởng và niềm tin về Người đã ăn sâu, bám chặt trong đời sống tinh thần của xã hội.

Vì vậy, việc củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, khẳng định niềm tin của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân vào niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là điểm tựa tinh thần vững chắc, để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc. Một trong những mục tiêu của Nghị quyết 35 của Bộ Chính trị là: Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố và tăng cường niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Đại hội lần thứ XIII của Đảng, tiếp tục xác định trong mục tiêu: “củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại” [24, tr.112]. Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội XIV xác định một trong những mục tiêu là: Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Một trong những nhiệm vụ thường xuyên là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị.

Tiểu kết chương 4

Niềm tin chính trị Việt Nam trong thời đại mới được mở đầu với vai trò kiến tạo và lan tỏa rộng lớn của Hồ Chí Minh. Người đã kế thừa, chọn lọc và kết hợp các giá trị niềm tin, niềm tin chính trị của dân tộc, nhân loại để xây dựng nền móng cho chế độ chính trị ở Việt Nam, nhất là từ Đảng ra đời (1930), Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập (1945). Công hiến và đóng góp của Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng, kế thừa mà còn bổ sung, phát triển niềm tin chính trị mới trong điều kiện thực tiễn Việt Nam nghèo nàn, lạc hậu, thoát khỏi chế độ thực dân nửa phong kiến, tiến lên xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Những quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh khi vận dụng lý luận cách mạng chủ nghĩa Mác - Lênin, thành lập các tổ chức cách mạng phù hợp với đặc điểm dân tộc, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc và kết hợp với sức mạnh thời đại trên nền tảng niềm tin chính trị, là những bổ sung, phát triển về lý luận của Hồ Chí Minh.

Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh có giá trị thực tiễn sâu sắc không chỉ trong giai đoạn Hồ Chí Minh lãnh đạo cách mạng, mà còn đối với hiện nay và mai sau cho cách mạng Việt Nam. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử gần 40 năm đổi mới, phát triển đất nước đã khẳng định giá trị của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Công cuộc đổi mới mạnh mẽ đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, hướng tới mục tiêu đến năm 2045, trở thành nước phát triển, phồn vinh, hạnh phúc thì việc xây dựng, củng cố và tăng cường niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là hết sức quan trọng, cần thiết. Bởi, niềm tin Hồ Chí Minh sẽ chấp cánh cho dân tộc Việt Nam, phát huy ý chí tự lực, tự cường và khơi dậy được khát vọng vươn lên mạnh mẽ. Muốn vậy, phải xây dựng niềm tin chính trị Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, trở thành động lực và sức mạnh trong công cuộc xây dựng đất nước. Đây là những luận cứ khoa học và ánh sáng soi đường cho việc xây dựng, củng cố niềm tin chính trị trong đời sống chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay. Kết quả nghiên cứu luận án còn phục vụ trực tiếp cho việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

KẾT LUẬN

1. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là một nội dung nổi bật và xuyên suốt trong toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở kế thừa các giá trị của niềm tin truyền thống dân tộc; tiếp thu và chọn lọc những hạt nhân hợp lý của niềm tin phương Đông, phương Tây, quan trọng nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin. Với những phẩm chất và năng lực cá nhân, niềm tin Hồ Chí Minh được hình thành từng bước trong quá trình tìm đường, mở đường và dẫn đường cho cách mạng Việt Nam. Người đã khởi xướng và hiện thực hóa được niềm tin chính trị ở Việt Nam trong thời đại mới - thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [75, tr.1]. Nhờ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân ta đã đấu tranh giành độc lập dân tộc bằng thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945; bảo vệ thành quả cách mạng trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954); thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà (1954 - 1975). Đây là những minh chứng “thép” cho sức mạnh và sự thắng lợi của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

2. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là phạm trù có nội dung rất rộng, với nhiều khía cạnh khác nhau. Qua khảo cứu bước đầu, có thể xác định: Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là sự thừa nhận, xác thực của Hồ Chí Minh vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vào con đường cách mạng vô sản, vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, vào vai trò sức mạnh của Nhân dân và vào sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới, dựa trên cơ sở tri thức khoa học, tình cảm cách mạng và trải nghiệm thực tiễn của Người. Niềm tin đó đã lan tỏa mạnh mẽ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, trở

thành điểm tựa tinh thần, động lực, sức mạnh vô cùng to lớn để đấu tranh giành độc lập, thống nhất và xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh được hình thành, phát triển từng bước, trên nhận thức khoa học và trải nghiệm thực tiễn; Niềm tin đó được lan tỏa mạnh mẽ trong cán bộ đảng viên và nhân dân, hiện thực hóa trong cách mạng Việt Nam, kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

3. Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc không chỉ giai đoạn Hồ Chí Minh lãnh đạo cách mạng, còn đối với hiện nay và mai sau cho cách mạng Việt Nam. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua gần 40 năm đổi mới đất nước, đã khẳng định giá trị của niềm tin chính trị Hồ Chí Minh. Công cuộc đổi mới mạnh mẽ đất nước trong kỷ nguyên vươn mình, hướng tới mục tiêu đến năm 2045, đưa nước ta “trở thành nước phát triển, thu nhập cao”, mang lại phồn vinh, hạnh phúc, việc xây dựng, củng cố và tăng cường niềm tin chính trị Hồ Chí Minh là hết sức quan trọng, cần thiết. Bởi, niềm tin Hồ Chí Minh sẽ chấp cánh cho dân tộc Việt Nam, phát huy ý chí tự lực, tự cường và khơi dậy được khát vọng vươn lên mạnh mẽ trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Muốn vậy, phải xây dựng niềm tin chính trị Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, trở thành động lực và sức mạnh trong công cuộc xây dựng đất nước trong kỷ nguyên mới. Đúng như Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng căn dặn: “Chúng ta hãy luôn luôn giữ gìn và bồi dưỡng lòng tin mà Hồ Chí Minh đã truyền cho chúng ta, lòng tin không gì lay chuyển được vào quy luật của lịch sử, vào nhân dân, vào dân tộc, vào con người” [27, tr.311]. Có được lòng tin, “giúp chúng ta luôn luôn lạc quan, bình tĩnh và sáng suốt, giàu sức sống và sức chiến đấu để vững bước tiến lên theo con đường mà Hồ Chí Minh, Đảng ta và dân tộc ta đã chọn: con đường của chủ nghĩa xã hội” [27, tr.312].

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Phạm Văn Hòa (2023), “Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh vào Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục soi sáng Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, Học viện Chính trị khu vực III (ISSN 0868-3247), Số (7/196), tháng 10/2023, tr.10-12&21.
2. Phạm Văn Hòa (2023), “Niềm tin chính trị Hồ Chí Minh - những đặc trưng cơ bản”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh học*, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (ISSN 2525-2550), Số Chuyên đề (10/2023, tr.40-46.
3. Phạm Văn Hòa (2024), “Củng cố, tăng cường niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên nền tảng niềm tin chính trị Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, Học viện Chính trị khu vực III (ISSN 0868-3247), Số (6/203) (9/2024), tr.15-19.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phương An (2017), *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về Nhân dân và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay*. Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
2. Phạm Ngọc Anh (Chủ biên) (2009), *Triết lý phát triển Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2010), *Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Tuyên giáo Trung ương (2020), *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới*. Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Nxb Trẻ, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Kế luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05 - CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*, ngày 18 tháng 5 năm 2021.
7. Trịnh Đình Bảy (2003), *Niềm tin và xây dựng niềm tin khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Đức Bình (2012), *Chủ thuyết cách mạng và phát triển Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Phạm Hồng Chương (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
10. Lê Thị Chiên, “Chủ tịch Hồ Chí Minh bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đấu tranh với những tư tưởng phi mác-xít”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.041 (tháng 7 năm 2024).

11. Trường Chinh: *Tuyển tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Trường Chinh (1990), *Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự nghiệp vĩ đại, gương sáng đời đời*, Nxb Sự thật Hà Nội.
13. Thành Duy (2012), *Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trong lòng dân tộc Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Thanh Dung (2016), *Tư duy chính trị Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Vũ Dũng (2008), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
16. Trần Dương (2008), *Hồ Chí Minh - Nhà dự báo thiên tài*. Nxb Thanh niên, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khóa VII) về “Một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay” ngày 18 tháng 2 năm 1995.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 55, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 65, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội X, XI, XII)*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

25. Trần Bạch Đằng (2007), *Đến với tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Phạm Văn Đồng (1990), *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
27. Phạm Văn Đồng (2009), *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Lê Văn Đỉnh (2012), *Đại cương về Chính trị học*, Nxb Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng.
29. Trần Dương (2008) *Hồ Chí Minh - Nhà dự báo thiên tài*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
30. Võ Nguyên Giáp (1970), *Những năm tháng không thể nào quên*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội
31. Võ Nguyên Giáp (Chủ biên, 2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Trần Văn Giàu (2006), *Tổng tập*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
33. Trần Văn Giàu (2010), *Vĩ đại một con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Hồng Hà (1970), *Bác Hồ ở Pháp*, Nxb Văn học, Hà Nội.
36. Lê Mậu Hãn (2001), *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Chính trị học (1999), *Chính trị học đại cương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2014), *Giáo trình đào tạo thạc sĩ ngành Chính trị học*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

39. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
40. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
41. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
42. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
43. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
44. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
45. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
46. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (1996), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
47. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
48. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

49. Học viện Chính trị Công an nhân dân (2017), *Đấu tranh chống các quan điểm, luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
50. Vũ Đình Hòe (2001), *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Nxb Văn hóa thông tin, Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
51. Hội đồng Chỉ đạo Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, quyển 3, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
52. Hội khoa học lịch sử Việt Nam - Hội xuất bản Việt Nam (2011), *Hồ Chí Minh - Người mang lại ánh sáng*. Nxb Thời đại, Tạp chí Xưa và Nay.
53. Bùi Kim Hồng và các cộng sự (2010), *Giá trị thời đại của văn hóa Hồ Chí Minh*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
54. Nguyễn Quang Hùng (2016), *Niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay*. Luận án tiến sĩ Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
55. Trần Hiệp - Đỗ Long (1991), *Sổ tay Tâm lý học*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
56. Đoàn Trọng Huy (2020), *Hồ Chí Minh kiệt xuất một danh nhân văn hóa*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
57. Nguyễn Phước Khánh, “Củng cố niềm tin chính trị”, *Báo điện tử Thừa Thiên Huế*, đăng ngày 31 tháng 01 năm 2023.
58. Lại Quốc Khánh (2024), *Triết lý chính trị Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
59. Trần Hậu Kiêm (1995), *Một số vấn đề về tâm lý học thanh tra*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Vũ Khiêu (2014), *Hồ Chí Minh - Ngôi sao sáng mãi trên bầu trời Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Trần Ngọc Khuê (2004), *Giáo trình Tâm lý học lãnh đạo, quản lý (Hệ cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

62. Đặng Xuân Kỳ, Mạch Quang Thắng và Nguyễn Văn Hòa (Đồng chủ biên, 2005), *Một số vấn đề về xây dựng Đảng hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên, 2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên, 2013), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
65. Đinh Xuân Lâm, Bùi Đình Phong (2008), *Văn hóa và triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Tô Lâm “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, yêu cầu cấp bách của giai đoạn cách mạng mới”, *Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử*, đăng ngày 16 tháng 9 năm 2024.
67. Tô Lâm “Chống lãng phí”, *Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử*, đăng ngày 14 tháng 10 năm 2024.
68. Nguyễn Hữu Lập (2015), *Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
69. Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh & Ban Tuyên giáo thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Bác Hồ với trí thức Nam bộ*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
70. Đặng Vũ Cảnh Linh (2008), *Niềm tin trong một thế giới đang biến đổi - Một phân tích xã hội học về giá trị nhận thức và hành vi của sinh viên hiện nay*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
71. Nguyễn Mậu Linh, “Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. *Tạp chí Sinh hoạt lý luận* (5/2023).
72. Đoàn Triệu Long (2022), *Niềm tin xã hội - Lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
73. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

75. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Phạm Quang Minh (2018), *Quan hệ tam giác Việt Nam, Liên Xô, Trung Quốc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
89. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2010), *Hồ Chí Minh - Một người Châu Á của mọi thời đại*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Trần Nhâm (2011), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng thiên tài*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Nguyễn Thế Nghĩa (Chủ biên, 2018), *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
92. Đặng Kim Oanh (2024), “Tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng xây dựng niềm tin vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, đăng ngày 5 tháng 6.
93. Bùi Đình Phong (2000), *Hồ Chí Minh - Tầm nhìn thời đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
94. Bùi Đình Phong (2009), *Trí tuệ và bản lĩnh văn hóa Hồ Chí Minh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

95. Bùi Đình Phong (2010), *Triết lý Hồ Chí Minh về phát triển Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
96. Bùi Đình Phong (chủ biên, 2014), *Bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh*, Nxb lý luận chính trị, Hà Nội.
97. Bùi Đình Phong (2015), *Hồ Chí Minh - Tìm đường, mở đường, dẫn đường, thiết kế tương lai*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
98. Bùi Đình Phong (2020), *Nghiên cứu Hồ Chí Minh - Một số công trình tuyển chọn, Tập 1: Chính trị - Tư tưởng - Tổ chức*. Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
99. Bùi Đình Phong (2020), *Nghiên cứu Hồ Chí Minh - Một số công trình tuyển chọn, Tập 2: Văn hóa - Đạo đức - Xã hội*. Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
100. Bùi Đình Phong (2020), *Nghiên cứu Hồ Chí Minh - Một số công trình tuyển chọn, Tập 3: Đổi mới - Hội nhập - Phát triển*. Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
101. Phùng Hữu Phú (chủ biên) (1995), *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Phùng Hữu Phú (2010) *Bí quyết thành công Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
103. Lý Việt Quang (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
104. Trần Viết Quân (2017), *Xây dựng, củng cố niềm tin chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở ở Tây Nguyên hiện nay*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Đinh Ngọc Quý (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

106. Trần Minh Siêu (2008), *Quê hương gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Nghệ An, tỉnh Nghệ An.
107. Phan Xuân Sơn (Chủ biên - 2010), *Các chuyên đề bài giảng chính trị học*. Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
108. Lê Doãn Sơn, “Uy tín của Đảng và niềm tin của Nhân dân”, *Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử*, đăng ngày 06 tháng 5 năm 2024.
109. Võ Văn Sung (2010), *Trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Bùi Tiến Sỹ (2024), “Đề nền tảng tư tưởng của Đảng trở thành niềm tin, lẽ sống”, *Tạp chí Tuyên giáo điện tử*, đăng ngày 17 tháng 04.
111. Đức Tâm, “Đề niềm tin chính trị dẫn đường”, *Báo Hà Nội mới điện tử*, đăng ngày 04/04/2022.
112. Tạ Ngọc Tấn, “Niềm tin của Dân - Sức mạnh của Đảng”, *Báo Nhân dân điện tử*, đăng ngày 21/10/2020.
113. Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng (2010), *Giới thiệu một số tác phẩm của Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
114. Đặng Văn Thái (2009), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế và vận dụng trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
115. Đoàn Duy Thành (2011), *Một số cảm nhận về tư tưởng - hành động của Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
116. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
117. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh - Nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
118. Song Thành (2019), *Bác Hồ - Tám gương đạo đức sáng ngời*. Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

119. Đinh Quang Thành (Chủ biên, 2024), *Vững bước trên con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
120. Mạch Quang Thắng (2010), *Hồ Chí Minh - Con người của sự sống*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
121. Mạch Quang Thắng (2010), *Nhân cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
122. Mạch Quang Thắng (2010), *Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb Lao động, Hà Nội.
123. Mạch Quang Thắng (2017), *Hồ Chí Minh đồng hành cùng dân tộc*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
124. Mạch Quang Thắng (Chủ biên, 2017), *Xây dựng con người Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
125. Lê Văn Thắng, Nguyễn Văn Tuấn (2018), *Tư tưởng chính trị “Dân là gốc” trong lịch sử Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
126. Nguyễn Xuân Thắng (2021), *Tư tưởng, lý luận với đổi mới và phát triển đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
127. Đàm Văn Thọ, Vũ Hùng (1997), *Mối quan hệ giữa Đảng và dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
128. Lê Văn Tích (Chủ biên) (2010), *Hồ Chí Minh với cuộc đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ của nhân loại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
129. Trần Dân Tiên (2015), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
130. Trần Dân Tiên (2023), *Truyện về Hồ Chí Minh* (Biên dịch: Nguyễn Hải Hoành, Dương Trung Dũng, Hiệu đính: Lê Văn Toan). Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
131. Chu Đức Tính (2013), *Sức cảm hóa Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

132. Trần Quốc Tỏ (2022), “Lan tỏa niềm tin, khát vọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, Số 999 (10/2022).
133. Khổng Tử (2001), *Kinh Thư: Mục Bàn Canh thượng*, (Nhuộm Tổng dịch), Nxb Văn học, Hà Nội.
134. Quách Thị Minh Thúy (2018), “Xây dựng, củng cố niềm tin chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở - vấn đề cần quan tâm”. <https://truongchinhtri.kontum.gov.vn/>, đăng ngày 11 tháng 6.
135. Nguyễn Tài Thư (chủ biên, 1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
136. Nguyễn Đài Trang (2013), *Hồ Chí Minh nhân văn và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
137. Hoàng Trang, Phạm Ngọc Anh (Đồng chủ biên) (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
138. Hoàng Trang (2005), *Toàn dân đoàn kết chống Mỹ, cứu nước dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
139. Nguyễn Thị Thu Trang, “Tư tưởng Hồ Chí Minh về niềm tin chính trị của nhân dân tiếp tục soi sáng Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, (số 3/2023).
140. Lê Hải Triều (chủ biên, 2007), *Hồ Chí Minh - Sự hội tụ tinh hoa tư tưởng đạo đức nhân loại*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
141. Nguyễn Phú Trọng (2018), *Vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, khó khăn nào cũng vượt qua*. Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
142. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
143. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta*

ngày càng trong sạch, vững mạnh. Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

144. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Phát huy truyền đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc.* Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
145. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng.* Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
146. Trung tâm Từ điển học (2010), *Từ điển Tiếng việt*, Nxb Đà Nẵng.
147. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I, Viện Thông tin khoa học xã hội - Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1993), Chương trình KX.02 “*Tư tưởng Hồ Chí Minh*”, Đề tài KX.02.09: *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài)*. Xưởng in Đại học Sư phạm Hà Nội I, Hà Nội.
148. Trần Minh Trường (2014), *Những quan điểm nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
149. Văn phòng Trung ương Đảng (2009), *Trường Chinh - Những bài nói, bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
150. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
151. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 23, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
152. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 24, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
153. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
154. Nguyễn Thị Ái Vân (2023), “*Nâng cao niềm tin chính trị cho thế hệ trẻ để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn mới*”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 2.
155. Viện Sử học Việt Nam (1976), *Nguyễn Trãi Toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

156. Viện Hồ Chí Minh, (1993), *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, Nxb Lao động - Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
157. Viện Ngôn ngữ, Khoa học - Xã hội - Nhân văn (2007), *Từ điển Tiếng việt*. Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
158. Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2014), *Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chính trị học*. Hà Nội.
159. Viện Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
160. Hoàng Ngọc Vĩnh, Thái Ngọc Tăng (2010), *Giới thiệu một số tác phẩm kinh điển tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Đại học Huế, thành phố Huế.
161. Nguyễn Hoàng Việt, “Giữ vững niềm tin chính trị của nhân dân với Đảng”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, đăng ngày 05/12/2021.
162. Phạm Xanh (2001), *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam (1921 - 1930)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
163. Alvin Toffler (Khổng Đức dịch, 2002), *Thăng trầm quyền lực, phần I và phần II*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
164. N. Khorútsóp (1971), *Hồi ký*. Nxb. Robert Lafont Paris. (Bản dịch tiếng Việt lưu tại Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng).
165. David Halberstam (1971), *HO*, Radom House, New York.
166. Deniel Hemery (1975), *Du patriotisme au Mexime*, (Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác). P.Leséd, ouvrièrecs.
167. Archimedes L. A. Patti. *Why Vietnam?* (Tại sao Việt Nam?), Nxb Đà Nẵng, 1995.
168. William J. Duiker (2001), *Ho Chi Minh, A Life*, Nxb New York. Bản dịch của Nguyễn Học - Lâm Hoàng Mạnh.

169. Sophia Quynn Judge (2002), *Ho Chi Minh: The Missing years* (Hồ Chí Minh: Những năm tháng chưa được biết đến 1919 - 1941). The University of California Press. Bản dịch của Diên Vỹ và Hoài An.
170. John Lê Văn Hóa (2003), *Tìm hiểu nền văn hóa dân tộc trong tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh*, Nxb Hà Nội.
171. J. Xanhtoni (2004 - Lê Kim dịch), *Câu chuyện về một nền hoà bình bị bỏ lỡ*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
172. E. Côbêlêp (2010), *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
173. Igonaxiô Gônxalet Hanxen (2010), “Tinh thần Hồ Chí Minh ở Mỹ Latinh”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
174. Suprida Phanomjong (2012-Nguyễn Thành Hoan và Nguyễn Thị Thùy Châu dịch), *Hồ Chí Minh - Ông tiên sống mãi*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
175. Nhiều tác giả (2015), *Người Nga viết về Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
176. Vladimir N. Kolotov (2015), “Hệ tư tưởng Hồ Chí Minh - Hợp phần then chốt của thắng lợi và cải cách thành công của Việt Nam”, *Đặc san Hồ Chí Minh học*, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng.
177. Stephen M.R Covey và Rebecca R. Merrill (2015), (bản dịch của Vũ Tiến Phúc, Trịnh Tuyết Phương, Vương Bảo Long), *Tốc độ của niềm tin* Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
178. Oxford Standard (2018), *Từ điển Anh - Việt*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
179. Claude M. Bristol (Vương Bảo dịch, 2019), *Sức mạnh của niềm tin*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

180. Paul Giran (Phan Tín Dụng dịch, 2019), *Tâm lý dân tộc An Nam (đặc điểm quốc gia; sự tiến hóa lịch sử; trí tuệ, xã hội và chính trị)*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
181. Paul A. Dawson (1979), “The Formation and Structure of Political Belief Systems”, *Political Behavior*, Agathon Press, Inc. New York.
182. Song Phil - Kyung, (Bùi Đình Thắng dịch, 2021), *Tại sao là Hồ Chí Minh?* Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
183. Henri Azeau (Trần Xuân Trí - Ninh Xuân Thao dịch, Nguyễn Thị Hạnh - Dương Văn Quảng hiệu đính, 2022), *Hồ Chí Minh cơ hội cuối cùng (Hội nghị Việt - Pháp tại Fontainebleau, tháng 7 năm 1946)*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.